CK.0000045165

Gia Linh

Luyện Viết Diễn đạt Tiếng Hoa

NGUYÊN
ỌC LIỆU
7

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LUYỆN VIẾT - DIỄN ĐẠT TIẾNG HOA

GIA LINH

LUYỆN VIẾT - DIỄN ĐẠT TIẾNG HOA

* *

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

LỜI NÓI ĐẦU

Hiện nay nhu cầu học tiếng Hoa của mọi người ngày càng nâng cao, ngoài những giáo trình giúp người học nâng cao kỹ năng giao tiếp cũng như kỹ năng đọc hiểu, thì những tài liệu tham khảo có liên quan đến thực hành viết cũng vô cùng quan trọng và được đông đảo bạn đọc quan tâm.

*Để đáp ứng nhu cầu học tập tiếng Hoa toàn diện của bạn đọc, chúng tôi đã biên soạn tập sách "**Luyện viết - diễn đạt tiếng Hoa**" nhằm cung cấp cho bạn đọc những kiến thức cơ bản về cách diễn đạt, viết văn bằng tiếng Hoa bắt đầu từ dễ đến khó, giúp bạn đọc phát huy vốn từ vựng phong phú và trí tưởng tượng của mình để học cách diễn đạt ý tưởng tốt hơn.*

Tập đầu tiên bao gồm hai chủ đề lớn: Một là tả người, hai là ghi việc, trong mỗi chủ đề bao gồm 30 bài với các nội dung khác nhau, có phần gợi ý, hướng dẫn cụ thể cách viết, mỗi bài đều có hình vẽ minh họa rất sinh động, giúp bạn đọc dễ dàng phát huy trí tưởng tượng của mình trong quá trình viết, ngoài ra còn có bài văn mẫu cho bạn đọc tham khảo, cuối mỗi bài là phần luyện tập nhằm mục đích rèn kỹ năng viết văn của bạn đọc. Đây có thể coi là một tài liệu tham khảo bổ ích, rèn luyện kỹ năng diễn đạt, viết văn cho những người học tiếng Hoa, đặc biệt là dành cho các bạn học sinh, sinh viên.

Tập hai hướng dẫn cách tả cảnh và tả vật, đây cũng có thể coi là phần nâng cao, vì qua đó bạn đọc có thể nâng cao dần kỹ năng diễn đạt, viết văn của mình.

Sách được viết cho đối tượng học sinh, sinh viên và những người đã có vốn tiếng Hoa cơ bản muốn nâng cao kỹ năng viết. Sách được trình bày dưới hình thức song ngữ Hoa - Việt, rất tiện lợi cho việc học tập và thực hành viết.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã cố gắng biểu đạt bằng ngôn từ dễ hiểu, phù hợp với văn phong người Việt, giúp bạn đọc dễ dàng tiếp thu hơn trong quá trình học. Tuy nhiên vẫn không thể tránh khỏi sai sót, mong bạn đọc góp ý để lần tái bản cuốn sách sẽ hoàn thiện hơn.

Phần A: Tả cảnh

Bài 1

1. Gợi ý:

这是一幅“雾”景，远处的楼房、树木都隐没在雾中，近处的花、鸟也若隐若现，雾中的人可有趣了！

Đây là bức tranh tả cảnh "sương mù", những tòa nhà và cây cối phía xa xa đều ẩn trong màn sương, hoa cỏ và chim chóc ở gần cũng thoắt ẩn thoắt hiện, con người trong màn sương cũng thật là thú vị!

2. Hướng dẫn:

仔细观察，写出雾中的事物、人的状态，运用恰当的比喻表现雾的“浓”。

Quan sát kỹ, sau đó viết về trạng thái của sự vật và con người trong màn sương, vận dụng lối so sánh phù hợp để thể hiện mức độ "dày đặc" của màn sương.

3. Bài mẫu:

wù

雾雾

wǒ jiā zhù zài shān jiǎo xià zǎo chen qǐ lái tuī kāi chuāng hu yí kàn
我家住在山脚下，早晨起来推开窗户一看，
yí shān zěn me bú jiàn le yuǎn chù de lóu fáng yě bú jiàn le tiān dì
咦！山怎么不见了。远处的楼房也不见了，天地
jiān hǎo xiàng pī shàng le yì céng bái shā
间好像披上了一层白纱。

ò hǎo dà de wù a jìn chù de xiǎo shù mó mó hū hū de zhǐ
哦！好大的雾啊！近处的小树模模糊糊的，只
néng kàn jiàn shù jiān jiǎn xiàng yí zuò zuò bǎo tǎ
能看见树尖尖像一座座宝塔。

wǒ zhàn zài chuāng qián wù xiàng kōng tiáo lǐ mào chū de lěng qì yí
我站在窗前，雾像空调里冒出的冷气一
yàng pū le jìn lái lù shang qì chē de lǎ ba shēng bú duàn de xiǎng qǐ
样扑了进来。路上汽车的喇叭声不断地响起，
hǎo xiàng zài shuō ràng kāi ràng kāi qì chē lái le xiào yuàn de
好像在说："让开，让开，汽车来了。"校园的
wéi qiáng shang pá mǎn le yì duǒ duǒ xiān yàn de qiān niú huā zài wù lǐ
围墙上爬满了一朵朵鲜艳的牵牛花，在雾里
xiǎn de gé wài měi lì jiāo yàn
显得格外美丽、娇艳。

wù bú dàn huì gēn wǒ men zhuō mí cáng hái tǐng dà fāng miǎn fèi zài
雾不但会跟我们捉迷藏，还挺大方，免费在
wǒ men tóu shang sā mǎn le wú shù kē xiǎo zhēn zhū
我们头上撒满了无数颗小珍珠。

tài yáng cóng yún cǎi lǐ zuān le chū lái wù yě jiàn jiàn sàn le
太阳从云彩里钻了出来，雾也渐渐散了。

4. Nhận xét:

小作者准确地抓住了人和事物在雾中的特征，运用生动形象的比喻，把一个真实的“雾景”展现在人们的面前。

Người viết đã nắm bắt chính xác đặc điểm của người và vật trong màn sương mù, vận dụng lối so sánh sinh động và hình tượng để vẽ nên cảnh "sương mù" chân thực hiện ra trước mắt mọi người.

5. Luyện tập:

雨，有多种形态，有毛毛细雨，有倾盆大雨……雨中的故事也很多。请以《雨中》为题，写一篇作文。注意描写雨的形态与雨中人的活动。

Mưa có rất nhiều kiểu mưa khác nhau, có kiểu mưa phùn, có kiểu mưa như trút nước... Mặt khác cũng có rất nhiều câu chuyện trong mưa. Hãy viết một bài văn với tựa đề "Trong mưa". Chú ý miêu tả kiểu mưa và hoạt động của con người trong mưa.

Bài 2

1. Gợi ý:

刮风时，天色怎样，风中的树木，花草如何，空中还有些什么，风停后，又是什么景象?

Khi trời nổi gió, sắc trời sẽ như thế nào, cây cối, hoa cỏ trong cơn gió như thế nào, trên không trung còn có những gì, sau khi gió ngừng thổi, cảnh tượng sẽ như thế nào?

2. Hướng dẫn:

天昏地暗、飞沙走石、枝折花落，这些都是刮大风时常见的，风中人的活动样呢?要靠作者的想象。可运用视觉、听觉、嗅觉等感觉对风进行描写，还可以比较起风时和风停后的景象，突出风的“大、猛、狂”。

Trời đất u ám, cát bụi đá bay, cành gãy hoa rụng, những thứ đó đều là cảnh thường thấy khi gió lớn nổi lên, hoạt động của con người trong cơn gió như thế nào? Cần phải dựa vào trí tưởng tượng của người viết. Có thể vận dụng các cơ quan cảm giác như: thị giác, thính giác, khứu giác,... để tiến hành miêu tả, ngoài ra còn có thể so sánh cảnh tượng lúc gió thổi và sau khi gió ngừng thổi, từ đó thể hiện sức gió từ lớn, mạnh đến cực mạnh.

3. Bài mẫu:

guā fēng

刮 风

tiān qì yù bào shuō xià wǔ yǒu jǐ dà fēng gāng chī guò wǔ
"天气预报"说下午有7—8级大风。刚吃过午
fàn dà fēng jiù guā qǐ lái gāng cái hái shì liè rì dāng kōng zhuǎnyǎn
饭，大风就刮起来。刚才还是烈日当空，转眼
jiān tiān hūn dì àn xiàng yí gè hēi sè de dà wǎng bǎ dà dì zhào qǐ
间，天昏地暗，像一个黑色的大网把大地罩起
lái dà fēng hū hū zuò xiǎng lái shì xiōng měng dài zhe fēi shā
来。大风"呼呼"作响，来势凶猛，带着飞沙
zǒu shí xiǎo shù bèi lán yāo zhé duàn dà shù de shù zhī yě bèi fēn fēn
走石，小树被拦腰折断。大树的树枝也被纷纷
chuī duàn luò xià zhǐ xiè fèi sù liào dài dào chù fēi wǔ wǒ zhòng zài yuàn
吹断落下，纸屑废塑料袋到处飞舞。我种在院
zi li de huā gāng kāi de huā duǒ lián tóng xǔ duō huā lěi quán bèi guā diào
子里的花，刚开的花朵连同许多花蕾全被刮掉。
huā jīng yě bèi guā duàn zhé teng de bú xiàng yàng zi
花茎也被刮断，折腾得不像样子。

dǎ kāi mén dà fēng chuī de zhēng bù kāi yǎn jīng zuǐ yì zhāng dà
打开门，大风吹得睁不开眼睛。嘴一张，大
fēng jiù bǎ shā zi guàn de mǎn zuǐ chěn yá zǒu dào wài mian hěn kuài jiù
风就把沙子灌得满嘴碜牙。走到外面，很快就
huì pī shàng yì shēn huáng shā chén tǔ chéng le huáng máo nǚ
会披上一身黄沙尘土，成了"黄毛女"。

wǎnshang fēng tíng le lǎo rén men yǒu de chéng zhe shí jī duàn liàn
晚上，风停了。老人们有的乘着时机锻炼
shēn tǐ yǒu de jiǎn xiē gān shù zhī huí jiā shāo huǒ xiǎo hái zi men jiǎn
身体。有的捡些干树枝回家烧火。小孩子们捡
cū zhuàng de shù zhī dàng zuò dāo qiāng gùn bàng wán shuǎ
粗壮的树枝当作刀枪棍棒玩耍。

4. Nhận xét:

小作者运用多种感觉描写，表现了风的大而猛，给人真实可信的感觉。

Người viết đã vận dụng các cảm giác để miêu tả, thể hiện được sự lớn mạnh của gió, tạo cho mọi người cảm giác chân thực đáng tin.

5. Luyện tập:

狂风，来势凶猛；暴雨，令人防不胜防。请仿照本文写法，运用多种感觉描写，写一篇有关暴雨的描景文。

Cuồng phong, sức gió của nó rất hung mãnh; Bão, khiến cho con người không đề phòng kịp. Dựa theo cách viết của Bài mẫu trên đây, vận dụng các cảm giác để miêu tả cảnh có liên quan đến bão.

Bài 3

1. Gợi ý:

图示为小城雪景图，狭窄的街道上，矮小的观赏树上落满了雪，一群孩子在空地上玩耍，他们多么快乐！

Bức tranh thể hiện cảnh tuyết ở một thị trấn, tuyết phủ dầy trên con đường nhỏ hẹp, những khóm cây nhỏ bé, một đám trẻ con đang nô đùa trên mặt đất, trông chúng vui vẻ biết bao!

2. Hướng dẫn:

写雪景，要抓住雪的大小、颜色特点来写，还要有人物的活动，使静静的雪景生动起来。

Khi miêu tả cảnh tuyết, cần phải nắm bắt kích thước, đặc điểm và màu sắc của tuyết để miêu tả, ngoài ra còn phải có hoạt động của nhân vật, để cảnh tuyết vốn tĩnh lặng trở nên sinh động hơn.

3. Bài mẫu:

xuě
雪

zǎo chen qǐ lái wǒ dǎ kāi chuāng lián yí kàn ā yòu xià xuě
早晨起来，我打开窗帘一看，啊！又下雪
le zhè shì jīn nián dì sān cháng xuě
了。这是今年第三场雪。

wǒ zuì xǐ ài de shì dì èr cháng xuě tā zài yè jiān tōu tōu guāng
我最喜爱的是第二场雪。它在夜间偷偷光
lín le wǒ men de chéng shì zǎo chen dì shang shù zhī shang wū dǐng
临了我们的城市。早晨，地上、树枝上、屋顶
shang dōu pū le yì céng hòu hòu de xuě tài yáng yì zhào yín guāng shǎn
上，都铺了一层厚厚的雪，太阳一照，银光闪
shǎn cì de rén zhēng bù kāi yǎn chéng shì chéng le yín zhuāng sù guǒ de shì
闪，刺得人睁不开眼。城市成了银妆素裹的世
jiè xuě dì chéng le wǒ men jìn qíng wán shuǎ de lè yuán wǒ hé jǐ wèi
界，雪地成了我们尽情玩耍的乐园。我和几位
xiǎo péng you chuān zhe gè zhǒng yán sè de yǔ róng fú zài bái xuě ái ái
小朋友穿着各种颜色的羽绒服，在白雪皑皑
de dì shang duī xuě rén dǎ xuě zhàng xuě gěi wǒ men dài lái le
的地上堆雪人，打雪仗……雪，给我们带来了
wú qióng de lè qù
无穷的乐趣。

wǒ xiǎng zhè dì sān cháng xuě yí dìng huì gěi wǒ men dài lái gèng dà de
我想，这第三场雪一定会给我们带来更大的
kuài lè wǒ ài zhè chún jié wú xiá de bái xuě
快乐！我爱这纯洁无瑕的白雪。

4. Nhận xét:

小作者抓住了雪的光，色，大等特点写雪，还加上人物的活动，把静静的雪景写得绚丽多姿，生机盎然。

Người viết đã nắm bắt được các đặc điểm như quang cảnh, màu sắc,... của tuyết để miêu tả, ngoài ra còn có thêm hoạt động của nhân vật để miêu tả một cách tự nhiên bức tranh phong cảnh tuyết tĩnh lặng.

5. Luyện tập:

在乡村，雪后景色更美，远山、小河、树木、动物、房屋变化大。请观察下图，配以合理的想象，写一篇描景文。

Ở nông thôn, cảnh sắc sau khi tuyết rơi trở nên đẹp hơn, núi sông, cây cối, động vật và nhà cửa thay đổi rất nhiều. Quan sát bức tranh dưới đây, kết hợp với trí tưởng tượng phong phú, hãy viết một bài văn tả cảnh.

Bài 4

1. Gợi ý:

图中所示为公园里的音乐喷泉，它是由一个椭圆形的主喷池和三个半圆形的小喷池组成，形态美丽。随着音乐的节奏，各喷水池喷出不同形状、大小不一的喷泉，给人美的享受。

Cảnh được thể hiện trong bức tranh là hình ảnh nhạc nước trong công viên, được tạo thành từ một bể phun chính hình bầu dục và ba bể phun nhỏ hình bán nguyệt, hình dạng của chúng rất đẹp. Tùy theo tiết tấu âm nhạc, mỗi bể phun nước sẽ phun ra những cột nước lớn nhỏ, hình dạng khác nhau, tạo ra một khung cảnh đẹp mắt cho mọi người thưởng ngoạn.

2. Hướng dẫn:

仔细观察，想象喷泉的形态、大小以及人们观赏喷泉时的愉悦心情，写出这怡人的景色带给人们美的享受。可运用比喻、排比，使描写更生动。

Quan sát kỹ, tưởng tượng hình dạng lớn nhỏ của vòi phun nước và tâm trạng vui vẻ của mọi người khi xem nhạc nước, hãy viết về cảnh đẹp đã tạo cảm giác

vui vẻ cho mọi người. Có thể vận dụng phương pháp so sánh, nhấn mạnh làm cho việc miêu tả thêm phần sinh động.

3. Bài mẫu:

yīn yuè pēn quán

音乐喷泉

xī huì gōng yuán lǐ jǐng sè yí rén xīn jiàn de yīn yuè pēn quán wèi
锡惠公园里景色怡人，新建的音乐喷泉为
gōng yuán gèng zēng tiān le měi zhǔ pēn chí shì tuǒ yuán xíng de sān gè
公园更增添了美。主喷池是椭圆形的，三个
bàn yuán xíng de xiǎo pēn shuǐ chí wéi rào zhe tā wǎn rú sān piàn hé yè tuō
半圆形的小喷水池围绕着它，宛如三片荷叶托
zhe yì duǒ měi lì de hé huā nà hé huā yòu rú yí shù càn làn de yàn
着一朵美丽的荷花。那荷花又如一束灿烂的焰
huǒ chōng tiān ér qǐ jiàn luò de shuǐ huā xiàng kē kē zhēn zhū zài yáng
火，冲天而起，溅落的水花像颗颗珍珠，在阳
guāng xià shān shān fā guāng sān gè xiǎo pēn quán shuǐ huā xíng tài gè yì
光下，闪闪发光。三个小喷泉水花形态各异，
yǒu de xiàng xiān rén qiú yǒu de xiàng bā jiāo shàn yǒu de xiàng kǒng què kāi
有的像仙人球，有的像芭蕉扇，有的像孔雀开
píng yǒu de xiàng shān luán lián mián qǐ fú yǐn qǐ rén men wú xiàn de xiá
屏，有的像山峦连绵起伏。引起人们无限的遐
xiǎng suí zhe yīn yuè de jié zòu shuǐ huā yě tiào qǐ le wǔ yīn yuè
想。随着音乐的节奏，水花也跳起了舞。音乐
gāo kàng jī áng shuǐ zhù pēn xiàng gāo kōng yīn yuè wǎn zhuǎn yōu yáng shí
高亢激昂，水柱喷向高空，音乐宛转悠扬时，
shuǐ huā yě biàn de wēn róu qǐ lái pēn shuǐ chí zhēn líng wǒ liú lián wàng fǎn
水花也变得温柔起来。喷水池真令我留连忘返！

4. Nhận xét:

小作者将音乐喷泉经过自己的构思，描写得令人神往。比喻优美生动，排比描写细致。

Thông qua trí tưởng tượng của mình, người viết đã miêu tả nhạc nước nhằm thu hút sự chú ý của mọi người. Phương pháp so sánh khéo léo, sinh động, cách miêu tả tỉ mỉ.

5. Luyện tập:

元宵节晚上，街心公园里的彩灯特别美丽。展开想象，以《元宵观灯》，为题写一篇作文。

Buổi tối ngày tết Nguyên tiêu, ánh đèn màu trong công viên giữa phố trông rất đẹp. Hãy tưởng tượng và viết một bài văn với tựa đề "Ngắm đèn trong tết Nguyên tiêu".

Bài 5

1. Gợi ý:

这是一幅晚霞夕阳图。画面中的人物正站在阳台上，观赏着天空的晚霞多姿多彩的变化。

Đây là một bức tranh tả cảnh ráng chiều tà. Nhân vật trong tranh đang đứng trên sân thượng quan sát sự thay đổi muôn hình muôn vẻ của cảnh ráng chiều tà.

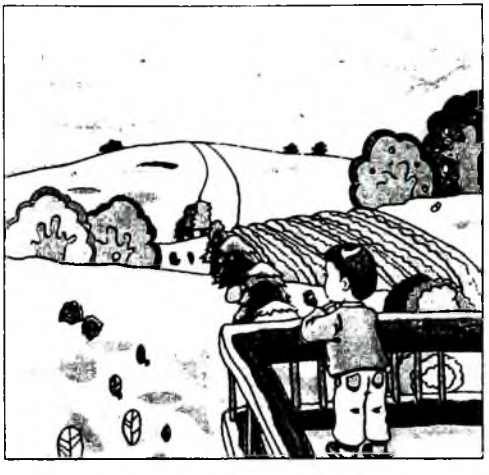

2. Hướng dẫn:

写作前要认真观察，抓住晚霞的形状和颜色的多变来表现晚霞的多姿多彩。还可以运用比喻、拟人的修辞手法，加上充分的想象，使景物更生动。

Trước khi miêu tả cần phải quan sát kỹ, nắm bắt sự biến đổi màu sắc, hình dạng của cảnh chiều tà để nhấn mạnh sự thay đổi đa dạng của nó. Ngoài ra còn có thể vận dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, thêm vào đó là phát huy tối đa trí tưởng tượng của mình, sẽ giúp cảnh vật thêm phần sinh động hơn.

3. Bài mẫu:

wǎn xiá

晚 霞

wǒ zhàn zài liáng tái shang yǎng wàng tiān kōng cǐ kè tiān kōng chū
我站在凉台上，仰望天空。此刻，天空出
xiàn le yí dào hóng xiá hóng xiá de fàn wéi màn màn kuò dà bù jiǔ
现了一道红霞。红霞的范围慢慢扩大。不久，
hóng xiá biàn rǎn hóng le xī bian de tiān kōng
红霞便染红了西边的天空。

zhè shí tiān kōng zhōng chū xiàn le liǎng duǒ jié bái de yún cǎi shù shí
这时天空中出现了两朵洁白的云彩，霎时
jiù bèi xiá guāng rǎn hóng le tā men lí wǒ hěn jìn qián yí duǒ xiàng yì
就被霞光染红了。它们离我很近，前一朵像一
zhī hú lí wěi suí qí hòu de bú zhèng shì xiōng è de lǎo hǔ ma wǒ
只狐狸，尾随其后的不正是凶恶的老虎吗？我
bù yóu de xiǎng qǐ le hú jiǎ hǔ wēi de yù yán lái
不由得想起了《狐假虎威》的寓言来。

hū rán yì zhī tù zi chū xiàn le zāo gāo liè rén lái le bèi
忽然，一只兔子出现了。糟糕！猎人来了，背
shang kàng zhe liè qiāng wǒ zhèng wèi tù zi dān xīn ne tā zǎo pǎo de
上扛着猎枪。我正为兔子担心呢，它早跑得
wú yǐng wú zōng le
无影无踪了。

wǒ de yǎn jing dōu kàn mó hu le róu yi róu zài kàn shí tiān kōng
我的眼睛都看模糊了。揉一揉再看时，天空
zhōng chén tǔ fēi yáng chū xiàn le wú shù pǐ jùn mǎ yí huì er jiù
中“尘土飞扬”，出现了无数匹骏马，一会儿就
pǎo yuǎn le nà wàn mǎ bēn téng de jīng cǎi huà miàn kǒng pà méi yǒu nǎ
跑远了。那万马奔腾的精彩画面，恐怕没有哪
ge huà jiā néng huà chū lái ne
个画家能画出来呢！

4. Nhận xét:

观察认真，对晚霞的形，色变化描写细致，生动。比喻，拟人手法的运用，赋予景物以动态美。

Quan sát kỹ, miêu tả tỉ mỉ và sinh động về sự thay đổi màu sắc và hình dạng của ráng chiều. Cách vận dụng thủ pháp so sánh, nhân hóa đã tạo ra thần thái cho cảnh vật.

5. Luyện tập:

你看见过日出吗?平原上的日出与水上日出、山间日出有什么不同?请你选一个你熟悉的角度，扣住一个“出”字，写一篇《日出》。

Bạn đã nhìn thấy cảnh mặt trời mọc chưa? Mặt trời mọc trên thảo nguyên, trên mặt nước và trên núi có gì khác nhau? Bạn hãy chọn một góc độ quen thuộc rồi viết về cảnh "Mặt trời mọc".

Bài 6

1. Gợi ý:

画面是海上日出的景象，海天茫茫处，天边一抹红霞，太阳露着红红的半边脸，海鸥在飞翔，海波在涌动，清新而又明朗！

Bức tranh vẽ quang cảnh mặt trời mọc trên biển, trời biển mênh mông, một vầng sáng ửng hồng nơi góc trời, nửa phần mặt trời đo đỏ nhú lên, đàn hải âu đang bay lượn, sóng biển nhấp nhô, cảnh sắc thật là mới mẻ và tươi sáng!

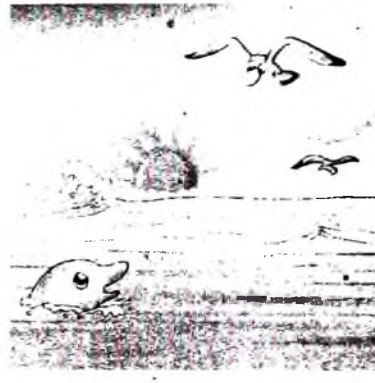

2. Hướng dẫn:

根据画面定好详略，要详写看日出的过程，还要运用比喻、拟人、联想等手法，描写云霞、海水、日出的动态和静态。

Dựa vào bức tranh, xác định và miêu tả rõ quá trình quan sát mặt trời mọc, ngoài ra còn phải vận dụng thủ pháp so sánh, nhân hóa, liên tưởng... để miêu

tả ráng mây, nước biên, trạng thái động và tĩnh lúc mặt trời mọc.

3. Bài mẫu:

kàn rì chū
看日出

yì tiān qīng chén lǐ lǎo shī dài tóng xué men dào hǎi biān kàn rì chū
一天清晨，李老师带同学们到海边看日出。
wǒ men zuò zài shā tān shang wàng zhe huī méng méng de dōng fāng dà hǎi
我们坐在沙滩上，望着灰蒙蒙的东方——大海
de jìn tóu nài xīn de děng dài zhe
的尽头，耐心地等待着。

kāi shǐ hǎi de yuǎn chù hái shi huī bái xiāng zá máng máng yí piàn de
开始，海的远处还是灰白相杂茫茫一片的
yún wù tiān sè àn àn de jǐ zhī hǎi ōu míng jiào zhe zài kōng zhōng
云雾，天色暗暗的。几只海鸥鸣叫着，在空中
zì yóu de fēi xiáng hǎo xiàng zài shuō nǐ men zài děng yí huì er tài
自由地飞翔，好像在说："你们再等一会儿，太
yáng mǎ shàng jiù yào chū lái le jiàn jiàn de dōng fāng yuè lái yuè liàng
阳马上就要出来了。"渐渐地，东方越来越亮，
tiān biān de yún màn màn de hóng le zhuǎn yǎn jiān xiān hóng de tài yáng jiù
天边的云慢慢地红了。转眼间，鲜红的太阳就
lòu chū le bàn biān xiào liǎn hóng xiá huǎn huǎn tuì qù le huǒ hóng de tài
露出了半边笑脸。红霞缓缓退去了，火红的太
yáng zài dà hǎi de huái bào zhōng yǒng dòng zhe tū rán tài yáng zhèng tuō
阳在大海的怀抱中涌动着。突然，太阳挣脱
le dà hǎi de huái bào tiào le chū lái rǎn rǎn shēng qǐ tóng xué men
了大海的怀抱，跳了出来，冉冉升起。同学们
kàn zhe chū shēng de tài yáng tiào yuè zhe huān hū zhe tóng shēng hé zhe tāo
看着初升的太阳跳跃着，欢呼着，童声和着涛
shēng zài dà hǎi de shàng kōng zhèn xiáng wǒ men yíng lái le xīn de yì tiān
声，在大海的上空震响，我们迎来了新的一天！

4. Nhận xét:

小作者写出了日出前后景物变化的特点，不仅视野开阔，观察仔细，而且想象丰富，逼真生动地刻画了海上日出的景象。

Người viết đã miêu tả đặc điểm biến đổi của cảnh vật trước và sau khi mặt trời mọc, người viết không chỉ có tầm nhìn rộng mở, sự quan sát tỉ mỉ, mà còn có trí tưởng tượng phong phú, đã khắc họa một cách chân thực và sống động cảnh mặt trời mọc trên biển.

5. Luyện tập:

"大漠孤烟直，长河落日圆"，水上的落日毕竟不同于陆上的落日。请发挥你的想象，结合下边的图，写一篇作文。

"Luồng khói lẻ loi trên sa mạc, mặt trời lặn trên sông dài", cảnh mặt trời lặn trên sông cũng khác cảnh mặt trời lặn trên mặt đất. Hãy phát huy trí tưởng tượng của bạn và kết hợp với bức tranh dưới đây để viết một bài văn miêu tả.

Bài 7

1. Gợi ý:

画中画的是什么时间，画中的人物在干什么，他的表情怎么样?

Cảnh trong tranh xuất hiện vào thời gian nào, nhân vật trong tranh đang làm gì, nét mặt của cậu ấy như thế nào?

2. Hướng dẫn:

仔细观察这幅美丽的星空图，看看天上有哪些星座，它们分别像什么。细致地描写出星空的颜色、星座的形状，想象星河里所发生的故事。

Quan sát kỹ bức tranh bầu trời đầy sao tuyệt đẹp này, nhìn xem có những chòm sao nào trên bầu trời, chúng giống cái gì. Miêu tả chi tiết màu sắc của bầu trời sao, hình dạng của chòm sao, sau đó tưởng tượng câu chuyện xảy ra trên dải ngân hà.

3. Bài mẫu:

měi lì de xīng kōng
美丽的星空

bái máng máng de yín hé tǎng zài zhàn lán de tiān kōng li fǎng fú
白茫茫的银河，躺在湛蓝的天空里，仿佛
shì tiáo jìng jìng liú tǎng de xiǎo xī càn làn de xīng qún zài yín hé li
是条静静流淌的小溪。灿烂的星群，在银河里
shǎn dòng xiàng shì wú shù piāo fú zài hé miàn shang de háng biāo dēng
闪动，像是无数漂浮在河面上的航标灯。
nǐ qiáo kào jìn yín hé de nà jǐ kē xīng xing wǎn rú yì zhī zài
你瞧，靠近银河的那几颗星星，宛如一只在
yín hé shang zhǎn chì fēi xiáng de tiān é zhèng zài áng tóu dé yì de míng jiào
银河上展翅飞翔的天鹅正在昂头得意地鸣叫
ne nà shì tiān é xīng zuò zài yín hé nán duān de shì tiān xiē xīng zuò
呢，那是天鹅星座。在银河南端的是天蝎星座，
tā jiù xiàng yì zhī gāo jǔ shuāng áo qiào qǐ wěi ba de dà xiē zi nà
它就像一只高举双螯、翘起尾巴的大蝎子，那
yí dìng shì xī yóu jì li de xiē zi jīng fēi lóng xīng zuò lóng
一定是《西游记》里的“蝎子精”。飞龙星座龙
tóu gāo áng zài shàng lóng shēn wǎn yán qū zhé nà kē niú lang xīng duō me
头高昂在上，龙身蜿蜒曲折。那颗牛郎星多么
yào yàn hǎo xiàng zhèng zài shēn qíng de wàng zhe duì àn de zhī nǚ xīng
耀眼，好像正在深情地望着对岸的织女星。
tiān hái shi nà me lán xiāng qiàn zhe wú shù shǎn shǎn liāo guāng de
天，还是那么蓝，镶嵌着无数闪闪发光的
xiǎo yǎn jing à xīng kōng zhēn shi gè shén huà bān de shì jiè
小眼睛。啊，星空，真是个神话般的世界！

4. Nhận xét:

作者运用绘声绘色和奇特的想象，生动地展现了星空的美丽，带给我们一个神话般的迷人境界，表达了作者对灿烂星空的无穷遐想。

Người viết đã vận dụng lối miêu tả sinh động và trí tưởng tượng kỳ diệu để thể hiện vẻ đẹp của bầu trời sao, đem đến cho chúng ta một thế giới tuyệt đẹp như trong truyện thần thoại.

5. Luyện tập:

注意画面上的特定时间，特定的人物，然后结合生活实际，写一篇描写景物特点的短文。

Chú ý thời gian và nhân vật đã được định sẵn trong tranh, sau đó kết hợp với thực tế cuộc sống, hãy viết một bài văn ngắn miêu tả đặc điểm của cảnh vật.

Bài 8

1. Gợi ý:

美丽的星空，月儿像小船，星星们摆成各种形状，眨着神秘的眼睛，画中的孩子神情那么专注，仿佛有许多美丽的遐想。

Khung cảnh bầu trời sao thật đẹp, vầng trăng giống như chiếc thuyền nhỏ, các vì sao xếp thành các hình dạng khác nhau, nhấp nháy con mắt thần bí, dáng vẻ cậu bé trong bức tranh mới chăm chú làm sao, dường như cậu đang có rất nhiều tưởng tượng đẹp.

2. Hướng dẫn:

写星空，必然要联系天气写出它的色彩，还要写出月亮的形状与颜色。重点当然是描写星星的形状及色泽。还要充分地发挥想象，让思绪遨游太空，揭示太空的奥秘。

Khi miêu tả cảnh trời sao, đương nhiên cần phải liên hệ với thời gian để miêu tả màu sắc của nó, ngoài

ra còn phải miêu tả được hình dạng và màu sắc của ánh trăng. Tất nhiên trọng tâm vẫn là miêu tả dáng vẻ, màu sắc của các vì sao. Cần phát huy trí tưởng tượng phong phú, làm cho mạch suy nghĩ bay bổng đến tận trời cao, để thể hiện được sự bí ẩn của bầu trời.

3. Bài mẫu:

kàn xīng xing

看星星

yè mù jiàng lín le qiǎn lán de tiān kōng zhōng chū xiàn le wú shù de
夜幕降临了，浅蓝的天空中出现了无数的
xiǎo xīng xing yi zhǎ yi zhǎ de fǎng fú zài yāo qǐng rén men dào tài kōng
小星星，一眨一眨的，仿佛在邀请人们到太空
zhōng qù tàn suǒ wān wān de yuè liang xiàng yi zhī yín chuán zài wú biān de
中去探索；弯弯的月亮像一只银船，在无边的
dà hǎi zhōng háng xíng zhè shí yǒu yi kē càn làn de liú xīng huá pò yè
大海中航行。这时，有一颗灿烂的流星划破夜
kōng xiāo shī zài yuǎn fāng duō me měi lì de liú xīng wǒ bù jīn
空，消失在远方。“多么美丽的流星！”我不禁
zàn tàn qǐ lái zài guǎng kuò de xīng kōng zhōng wǒ fǎng fú kàn dào le
赞叹起来。在广阔的星空中，我仿佛看到了
xīng zuò zhōng hái yǒu xǔ duō shuǐ jīng bān de gōng diàn xíng tài wàn qiān xīng
星座中还有许多水晶般的宫殿，形态万千，星
guāng càn làn piào liang jí le rén men chéng zuò zhe yǔ zhòu fēi chuán lái
光灿烂，漂亮极了。人们乘坐着宇宙飞船来
lái wǎng wǎng dì qiú jiù zài yě bú yòng chóu rén duō le zhè yí qiè jì
来往往，地球就再也不用愁人多了。这一切既
zài yáo yuǎn de wèi lái yòu hǎo xiàng zài wǒ de yǎn qián děng dài wǒ men
在遥远的未来，又好像在我的眼前，等待我们
qù shí xiàn xīng xing zhǎ zhe dà yǎn jing zài duì wǒ wēi xiào ne
去实现。星星眨着大眼睛在对我微笑呢！

4. Nhận xét:

作者对星空进行了绘声绘色的描述，语言优美，流畅，比喻贴切、生动，表达了作者探索宇宙奥秘的愿望。

Người viết đã tiến hành miêu tả một cách sinh động bầu trời sao, ngôn từ giàu hình ảnh, lưu loát, cách so sánh chính xác, sinh động, thể hiện được mong muốn tìm hiểu sự bí ẩn của vũ trụ.

5. Luyện tập:

繁忙、热闹的一天过去了，宁静幽雅的夜晚到来，当你仰望天上那一弯如钩的月亮时，你心里肯定会产生许多诗意的情愫。请以《月亮升起来》为题，写一篇描景文。

Một ngày bận rộn và náo nhiệt đã qua đi, bầu trời đêm yên ả đã đến, khi bạn ngước nhìn vầng trăng uốn cong như hình lưỡi câu trên bầu trời, chắc chắn trong lòng bạn sẽ nảy sinh rất nhiều tình cảm giàu ý thơ, hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Trăng lên".

Bài 9

1. Gợi ý:

画中的孩子正在看月食，从他那入神的样子，看出他非常专注，对天文的兴趣很浓厚。

Những đứa trẻ trong tranh đang quan sát hiện tượng nguyệt thực, từ dáng vẻ say mê của chúng, có thể thấy chúng rất chăm chú và có hứng thú sâu sắc đối với thiên văn.

2. Hướng dẫn:

准备看月食的过程要略写，月食发生时，月亮和云、天的变化要详写，特别是要突出月亮的形态、大小、色泽的变化。还可加上一些人物的活动。

Quá trình chuẩn bị quan sát hiện tượng nguyệt thực cần miêu tả sơ lược, nhưng từ lúc xảy ra nguyệt

thực cho đến lúc có sự biến đổi của vầng trăng, đám mây và bầu trời cần phải miêu tả chi tiết. đặc biệt là phải thể hiện rõ sự biến đổi trạng thái, hình dạng lớn nhỏ, màu sắc của mặt trăng. Ngoài ra còn có thể thêm một số hoạt động của nhân vật.

3. Bài mẫu:

kàn yuè shí

看 月 食

wǒ cóng diàn shì shàng dé zhī zhōng qiū jié wǎn shang yǒu yuè shí wǒ de
我从电视上得知中秋节晚上有月食，我的
xīn qíng hěn jī dòng zǒng pàn zhe zhè ge shí kè kuài diǎn dào lái
心情很激动，总盼着这个时刻快点到来。

yè shēn le zhèng dāng wǒ shuì de mí mí hú hú shí mā ma jiào
夜深了，正当我睡得迷迷糊糊时，妈妈叫
wǒ guō xīn guō xīn kuài kàn yuè shí wǒ yì gū lu pá qǐ
我："郭欣，郭欣，快看月食。"我一骨碌爬起
lái dēng shàng xié zi jiù wǎng wài pǎo wǒ kàn jiàn yuán yuán de yuè liang
来，登上鞋子就往外跑。我看见圆圆的月亮
yǐ jīng bù yuán le xiàng xiǎo chuán yì bān suí hòu jiàn jiàn biàn chéng le
已经不圆了，像小船一般，随后渐渐变成了
xì xì de yuè yá yòu guò le yí huì er yuè liang quán bú jiàn le
细细的月牙。又过了一会儿，月亮全不见了，
zhǐ shèng xià yí gè hóng tóng sè de yǐng zi xiàng yí miàn luó zhè shí
只剩下一个红铜色的影子，像一面锣。这时，
wǒ pāi zhe shǒu yòu bèng yòu tiào de shuō zhēn hǎo kàn zhēn hǎo kàn
我拍着手又蹦又跳地说："真好看，真好看！"
cǐ kè bà ba jǔ qǐ zhào xiàng jī duì zhe yuè liang kā cā yí
此刻，爸爸举起照相机，对着月亮"咔嚓"一
xià pāi xià le zhè nán dé de qí jǐng
下，拍下了这难得的奇景。

4. Nhận xét:

作者怀着对天文现象的浓厚兴趣，对“月食”的过程进行了详尽的描写。多处运用比喻，很形象。短句运用多，语言活泼生动。用词也很准确(如“红铜色的影子”“渐渐”等)。

Người viết có hứng thú sâu sắc đối với hiện tượng thiên văn, cho nên đã tiến hành miêu tả cặn kẽ quá trình "nguyệt thực". Nhiều chỗ còn vận dụng phương pháp so sánh rất hình tượng. Câu ngắn được sử dụng rất nhiều, ngôn từ sinh động. Cách dùng từ cũng rất chính xác (như "bóng của màu đồng đỏ", "dần dần"...)

5. Luyện tập:

你观赏过月食或日食吗?或是你手中有一些天文现象的图片?请选其中一种，写一篇描景文，题目自定。

Bạn đã quan sát hiện tượng nguyệt thực hoặc nhật thực bao giờ chưa? Trong tay bạn có những bức tranh về các hiện tượng thiên văn không? Hãy chọn một trong số đó và viết một bài văn tả cảnh, tự nghĩ ra tiêu đề.

Bài 16

1. Gợi ý:

乘凉的小孩观察着夏夜的美好景物：圆月，星星、草儿、花、虫儿，脸上露出甜美的微笑。

Cậu bé ngồi hóng mát đang quan sát khung cảnh tuyệt đẹp của đêm hè: Vầng trăng tròn, vì sao, hoa cỏ, côn trùng,... Trên mặt cậu lộ rõ nụ cười ngọt ngào.

2. Hướng dẫn:

看图要仔细，写作时要抓得准，可通过多种感官描写表现夏夜的美好。

Cần phải quan sát kỹ bức tranh, khi viết phải nắm bắt chính xác, có thể thông qua nhiều cảm quan miêu tả để thể hiện vẻ đẹp của khung cảnh đêm hè.

3. Bài mẫu:

xià yè

夏 夜

wǎn shang wǒ zuò zài mén kǒu chéng liáng tái tóu yǎng wàng zhǐ
晚 上，我 坐 在 门 口 乘 凉。抬 头 仰 望，只
jiàn yuè liang jiù xiàng yì zhī dà yù pán guà zài tiān kōng zhōng zhōu wéi sàn
见 月 亮 就 像 一 只 大 玉 盘 挂 在 天 空 中，周 围 散
bù zhe yì kē kē xīng xing xiàng yí lì lì zhēn zhū shǎn yào zhe guāng
布 着 一 颗 颗 星 星，像 一 粒 粒 珍 珠，闪 耀 着 光
máng yòu xiàng wán pí de xiǎo hái zhǎ zhe tiáo pí de yǎn jīng duō
芒；又 像 顽 皮 的 小 孩，眨 着 调 皮 的 眼 睛，多
me mí rén de tiān kōng
么 迷 人 的 天 空！

wǒ huán gù sì zhōu xiǎo cǎo wēi wēi de diǎn tóu cǎo cóng lǐ de
我 环 顾 四 周：小 草 微 微 地 点 头，草 丛 里 的
qū qu er zài chàng zhe huān kuài de gē er chí táng lǐ fěn hóng sè
蛐 蛐 儿 在 唱 着 欢 快 的 歌 儿；池 塘 里，粉 红 色
de hé huā xiū dā dā de lòu chū diǎn diǎn xiào yán táng biān de huā er
的 荷 花 羞 答 答 地 露 出 点 点 笑 颜；塘 边 的 花 儿
shuì de zhèng xiāng ne hǎo xiàng mèng jiàn le shén me kāi xīn de shì
睡 得 正 香 呢，好 像 梦 见 了 什 么 开 心 的 事，
mèng lǐ dōu lòu chū xiào yè
梦 里 都 露 出 笑 靥。

duō me měi lì de xià yè a
多 么 美 丽 的 夏 夜 啊！

4. Nhận xét:

作者描述了自己在月圆之夜的所见，比喻生动。对地上的景物描写语言天真风趣。是一篇难得的描景佳作。

Người viết đã miêu tả về những điều trông thấy trong đêm trăng tròn của mình, lối so sánh sinh động, ngôn từ hồn nhiên thú vị khi miêu tả cảnh vật trên mặt đất. Đây là bài văn tả cảnh hay.

5. Luyện tập:

冬天的夜晚，野外寒气袭人，星空冷清，树木静默，冷风不时掠过树梢、屋檐，动物们到哪儿去了呢?只有人家窗子里透出暖融融的灯光……请以《冬夜》为题，写一篇描景文。

Vào một đêm mùa đông, bên ngoài trời lạnh thấu xương, bầu trời sao vắng vẻ, cây cối im lìm, gió lạnh không ngừng thổi qua ngọn cây và mái nhà, các con vật đi đâu mất rồi? Chỉ có ánh đèn le lói trong khung cửa sổ... Hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Đêm đông".

Bài 11

1. Gợi ý:

图中所画的是夜晚的街道：楼房被彩灯装饰得很漂亮，街上车多人也多，还有可爱的气球.....城区的夜晚真热闹!

Cảnh trong bức tranh là cảnh đường xá ban đêm: nhà cửa được ánh đèn tô điểm rất đẹp, xe cộ đông đúc, người trên đường cũng đông, ngoài ra còn có khinh khí cầu rất đáng yêu... khung cảnh ban đêm ở thành phố thật náo nhiệt!

2. Hướng dẫn:

晚上的街市，是“灯火辉煌的不夜城”，出来游玩的人流露出喜悦与好奇的目光。写作时，要抓住街市“灯多、车多、人多”的特点，表现现代城市的繁华与热闹。

Khu phố buổi tối, là cảnh "thành phố không ngủ với ánh đèn rực rỡ", mọi người ra ngoài đi chơi tỏ ra rất vui vẻ và hiếu kỳ. Khi viết, cần phải nắm bắt đặc điểm "đèn nhiều, xe cộ nhiều, người đông" của khu phố, thể hiện được sự sầm uất và náo nhiệt của thành phố thời hiện đại.

3. Bài mẫu:

yè jǐng
夜 景

zuó tiān wǎn shang wǒ hé yé ye nǎi nai dào shì chéng qū yóu wán yí
昨天晚上，我和爷爷奶奶到市城区游玩。一
lù shang yì pái pái gāo dà de lóu fáng bèi cǎi dēng zhuāng bàn de shí fēn
路上，一排排高大的楼房被彩灯装扮得十分
měi lì dēng guāng yǒu hóng de huáng de lán de wǔ yán liù sè
美丽，灯光有红的、黄的、蓝的，五颜六色
zhēn hǎo kàn jiē dào páng yǒu shāng diàn cān guǎn yóu lè chǎng diàn
真好看。街道旁有商店、餐馆、游乐场、电
yǐng yuàn xiǎo shū diàn shāng diàn li gè zhǒng gè yàng de shāng pǐn zhēn
影院、小书店。商店里各种各样的商品真
duō tè bié shì shāo kǎo guǎn sàn fā chū yòu xiāng yòu tián de wèi dào
多，特别是烧烤馆散发出又香又甜的味道……
jiē dào shang de qì chē lái lái wǎng wǎng yǒu dà chē xiǎo chē
街道上的汽车来来往往，有大车、小车，
hái yǒu guà hào mǎ de gōng gòng qì chē wèi le ān quán wǒ jǐn jǐn zhuā
还有挂号码的公共汽车。为了安全，我紧紧抓
zhù nǎi nai de shǒu zǒu rén xíng dào qián mian yǒu yīn yuè shēng wǒ pǎo jìn
住奶奶的手走人行道。前面有音乐声，我跑近
yí kàn yuán lái shì yí gè dà xiàng qì qiú zài zuò guǎng gào dà xiàng hěn
一看，原来是一个大象气球在做广告，大象很
kě ài wǒ hé tā qīn rè de wò shǒu tā hái xiàng wǒ diǎn diǎn tóu
可爱，我和它亲热地握手，它还向我点点头，
wǒ gāo xìng de xiào le hòu lái nǎi nai bǎ wǒ hé yé ye dài dào fù shí
我高兴地笑了。后来，奶奶把我和爷爷带到副食
shāng diàn mǎi le yí dà bāo diǎn xīn hái yǒu shāo jī cái màn màn de lí
商店买了一大包点心，还有烧鸡，才慢慢地离
kāi le dēng huǒ huī huáng de bú yè chéng
开了灯火辉煌的不夜城。

4. Nhận xét:

作者饱含喜悦与好奇，向我们描写了一个“灯火辉煌的不夜城”美景，极富层次感。

Người viết chất chứa niềm vui và sự hiếu kỳ, từ đó miêu tả cho chúng ta thấy cảnh đẹp của một "thành phố không ngủ với ánh đèn rực rỡ", tạo cho mọi người rất nhiều cảm giác khác nhau.

5. Luyện tập:

夜色中的街市是灯火辉煌的，夜色中的乡村是什么样的呢?仔细观察、比较后，以《夜色中的乡村》为题，写一篇作文。

Khu phố ban đêm rực rỡ ánh đèn, vậy khung cảnh nông thôn vào ban đêm sẽ như thế nào? Sau khi quan sát và so sánh tỉ mỉ, hãy viết một bài văn với tựa đề "Cảnh đêm ở nông thôn".

Bài 12

1. Gợi ý:

画中的人物正坐在飞机上观赏祖国的美好河山呢！他看到了一些什么，他的表情怎么样?

Nhân vật trong tranh đang ngồi trên máy bay ngắm cảnh sông núi tươi đẹp của đất nước. cậu ấy nhìn thấy những gì, nét mặt của cậu ấy như thế nào?

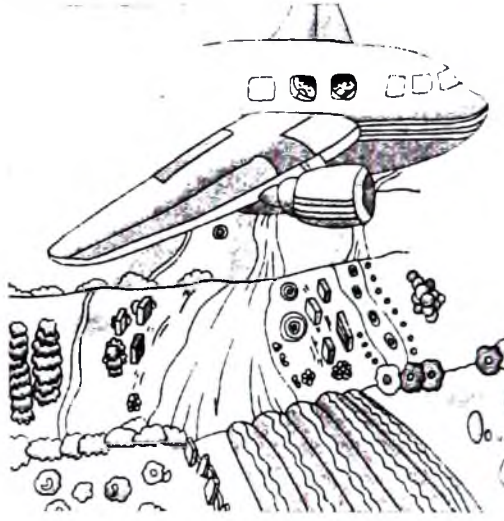

2. Hướng dẫn:

从飞机上俯视大地，视野非常开阔，笔触也不受限制，感受一定非常奇特。要写出在飞机上看大地的独特的感受来，用比喻句突出"奇妙"二字。

Cúi xuống quan sát mặt đất từ trên máy bay, tầm quan sát rất rộng. cách viết cũng không bị hạn chế. như

vậy chắc chắn cảm nhận sẽ rất đặc biệt. Cần phải viết được cảm nhận độc đáo khi quan sát mặt đất từ trên máy bay, sử dụng những câu so sánh để làm nổi bật hai chữ "kỳ diệu".

3. Bài mẫu:

zǔ guóhǎoměi a

祖国好美啊

bà ba mā ma dài wǒ chéng fēi jī qù lǚ yóu zài fēi jī shang wǒ
爸爸妈妈带我乘飞机去旅游。在飞机上，我
cóng chuāng kǒu wǎng xià kàn ò qí miào jí le yì duǒ duǒ bái yún
从窗口往下看，啊，奇妙极了！一朵朵白云
jiù zài wǒ de jiǎo xià hǎo xiàng yì tuán tuán mián huā zài wǎng xià yí
就在我的脚下，好像一团团棉花。再往下一
kàn yí kuài kuài tián dì hǎo xiàng dòu fu kuài yí zhuàng zhuàng fáng zi
看，一块块田地好像豆腐块，一幢幢房子
hǎo xiàng huǒ chái hé yí liàng liàng qì chē hǎo xiàng xiǎo mǎ yǐ yí zuò zuò
好像火柴盒，一辆辆汽车好像小蚂蚁，一座座
gāo shān hǎo xiàng xiǎo mán tou yì tiáo tiáo hé liú hǎo xiàng bái chóu dài zhè
高山好像小馒头，一条条河流好像白绸带，这
yí qiè hǎo xiàng jiù shì yì zhāng měi lì de tú huà yuán lái cóng fēi jī
一切好像就是一张美丽的图画。原来，从飞机
shang kàn zǔ guó yǒu zhè me měi a
上看祖国有这么美啊！

wǒ yāo qiú bà ba mā ma míng nián zài dài wǒ zuò fēi jī qù běi jīng
我要求爸爸妈妈明年再带我坐飞机去北京
lǚ yóu kàn yí kàn fēi jī xià de cháng jiāng huáng hé cháng chéng yòu
旅游，看一看飞机下的长江、黄河、长城又
huì shì shén me yàng de ne
会是什么样的呢？

4. Nhận xét:

小作者用一连串的比喻，排比句来描写飞机上的所见，的确是非常“奇妙”。语言精练，比喻生动贴切。结尾升华主题，表达了对祖国山河的热爱之情。

Người viết sử dụng lối so sánh và câu so sánh liền một chuỗi để miêu tả những điều trông thấy khi ngồi trên máy bay, đúng là rất "kỳ diệu". Lời lẽ hàm súc cô đọng, ví dụ sinh động chính xác. Chủ đề được nhấn mạnh ở phần kết đã thể hiện được tình yêu đối với núi sông đất nước.

5. Luyện tập:

小朋友登上了长城，你可以描述一下他身边的景物，想象一下他的心情，然后再把看到的、想到的记下来。

Cậu bạn nhỏ leo lên Vạn lý trường thành. bạn có thể miêu tả sơ qua cảnh vật xung quanh cậu ấy, tưởng tượng về tâm tư của cậu ấy, sau đó viết về những gì quan sát và suy nghĩ được.

1. Gợi ý:

三个孩子在夸自己的家乡，大山有大山的美，大海有大海的美，平原更是有自己的特色。

Ba đứa trẻ đang ca ngợi về quê hương mình, núi cao có vẻ đẹp của núi cao, biển rộng có vẻ đẹp của biển rộng, thảo nguyên cũng có nét đặc sắc riêng của nó.

2. Hướng dẫn:

仔细比较三幅图，看看所取的景物有什么不同，然后选取最具特色的景物分别表现大山、大海、平原的美。注意将赞美家乡的感情溶入动情的描写中。

So sánh kỹ ba bức tranh, quan sát cảnh vật trong đó có gì khác nhau, sau đó chọn ra phong cảnh đặc sắc nhất để thể hiện vẻ đẹp của núi cao, biển rộng và thảo nguyên. Chú ý cần phải kết hợp với tình cảm ca ngợi quê hương trong quá trình miêu tả.

3. Bài mẫu:

kuā jiā xiāng

夸家乡

wǒ de jiā xiāng zài dà shān li sì zhōu dōu shi shān fēng shān jiǎo xià
我的家乡在大山里，四周都是山峰，山脚下
shì yí piàn piàn guǒ yuán guǒ yuán li piāo sàn zhe yòu rén de guǒ xiāng yi
是一片片果园，果园里飘散着诱人的果香。一
zhuàng zhuàng jié bái de fáng zi yǎn ying zài lǜ shù zhōng jiān céng céng dié
幢 幢 洁白的房子掩映在绿树中间，层层叠
dié jiù xiàng yì fú měi lì de fēng jǐng huà
叠，就像一幅美丽的风景画。

wǒ de jiā xiāng zài dà hǎi biān wèi lán de dà hǎi shang shǐ lái yi sōu
我的家乡在大海边，蔚蓝的大海上驶来一艘
sōu fān chuán bō làng fān gǔn liú xià le yi dào dào bái sè de háng jì
艘帆船，波浪翻滚，留下了一道道白色的航迹。
zài sōng ruǎn de shā tān shang jiǎn xiǎo bèi ké shí xiǎo hǎi luó duō yǒu
在松软的沙滩上，捡小贝壳，拾小海螺，多有
qù a
趣啊！

wǒ de jiā xiāng zài píng yuán shang lǜ yōu yōu de tián yě yí piàn piàn
我的家乡在平原上，绿油油的田野一片片，
piào liang de fáng wū yi pái pái bái sè de qiáng bì hóng sè de dǐng fáng
漂亮的房屋一排排，白色的墙壁红色的顶，房
zi páng biān yǒu yi quān lí ba qiáng lí ba qiáng shang jié zhe yi gè gè
子旁边有一圈篱笆墙，篱笆墙上结着一个个
kě ài de xiǎo hú lu yuàn zi li jī yā chéng qún yì zhī bái é zhèng
可爱的小葫芦。院子里鸡鸭成群，一只白鹅正
zài yǐn háng gāo gē xiàng shi zài gē chàng wǒ men měi lì de jiā xiāng
在引吭高歌，像是在歌唱我们美丽的家乡。

4. Nhận xét:

文中的“夸家乡”各有特色，都抓了地理环境赋予景物的特征，这也许就是作者要表达的主题。

Việc "ca ngợi quê hương" trong bài văn, mỗi cách ca ngợi đều có những đặc sắc riêng, điều quan trọng là phải nắm bắt đặc điểm hoàn cảnh địa lý, cảnh vật vốn có, đây có lẽ chính là chủ đề mà người viết muốn thể hiện.

5. Luyện tập:

你的家乡在哪里?有哪些美好的景物?仿照例文，以《夸家乡》为题，写一篇描景文。

Quê bạn ở đâu? Có những phong cảnh đẹp nào? Dựa theo Bài mẫu, hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Ca ngợi quê hương".

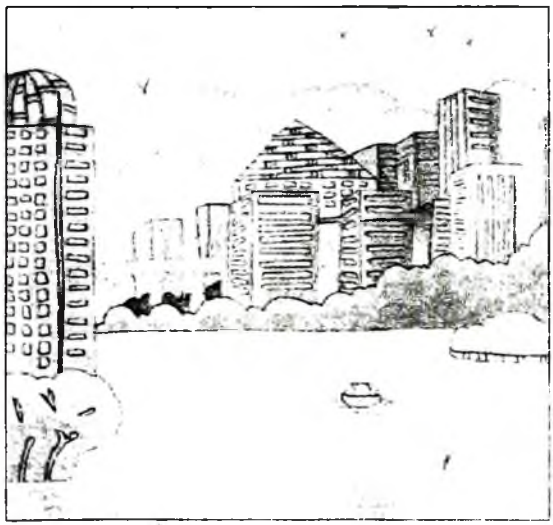

Bài 14

1. Gợi ý:

大山中有一个小小的村庄，好像一幅美丽的画卷，又像一个古老的传说：青山绿树，红墙碧瓦、果林如霞、小溪弯弯，小桥飞渡，群鸭欢闹……好一个世外桃源！

Trong vùng núi có một ngôi làng nhỏ, cảnh vật ở đó vừa giống như một bức tranh tuyệt đẹp, vừa giống như một câu chuyện truyền thuyết xa xưa: Núi cây xanh thẳm, tường đỏ ngói bích, rừng cây ngập trong ráng mây, dòng suối uốn lượn, cây cầu nhỏ bắc ngang, bầy vịt vui đùa... thật đúng là một thế giới thần tiên!

2. Hướng dẫn:

写景往往包含着抒情，画中的小山村美得如同仙境，每一丝色彩都透出作者对它的喜爱。写作时要注意按顺序，多角度描写，还要将喜爱之情寓于生动的描写中。

Khi tả cảnh thông thường bao hàm cả ngụ tình. xóm núi nhỏ đẹp như trong cảnh thần tiên. mỗi một chút sắc thái cũng thể hiện tình cảm yêu mến của người

viết. Khi viết cần chú ý căn cứ theo thứ tự, miêu tả từ nhiều góc độ, ngoài ra còn phải gửi gắm được tình cảm yêu mến của mình trong quá trình miêu tả sinh động.

3. Bài mẫu:

měi lì de xiǎo shān cūn

美丽的小山村

一 chūntiān wǒ hé bà ba huí dào lǎo jiā měi lì de xiǎo shān cūn rú
春天，我和爸爸回到老家，美丽的小山村如
tóng yì fú huà juàn dà shān chuān shàng le cuì lǜ de yī fu shān jiǎo
同一幅画卷。大山穿上了翠绿的衣服，山脚
xià měi lì de fáng wū zài lǜ shù cóng zhōng yìng chū hóng zhuān qīng
下，美丽的房屋在绿树丛中映出红砖青
wǎ cūn wài yě huā shèng kāi huáng de zǐ de hěn hǎo kàn
瓦。村外野花盛开，黄的、紫的……很好看！
cūn páng guǒ shù lín zhōng táo huā xìng huā huā tuán jǐn cù yuǎn wàng
村旁果树林中桃花、杏花花团锦簇，远望
xiàng yí piàn cǎi xiá yì tiáo qīng shí xiǎo lù wān yán zhe tōng xiàng xiǎo xī
像一片彩霞。一条青石小路蜿蜒着通向小溪
biān xī shuǐ qīng chè jiàn dǐ xī zhōng yú er xī xì wǒ xìn bù zǒu
边。溪水清澈见底，溪中鱼儿嬉戏。我信步走
shàng xī shang de qīng zhú xiǎo qiáo kàn nà shuǐ shang de xiǎo yā tā men zài
上溪上的青竹小桥，看那水上的小鸭，它们在
zhuī zhú zhēng shí wú yōu wú lǜ
追逐争食，无忧无虑。
à duō měi de xiǎo shān cūn a
啊！多美的小山村啊！

4. Nhận xét:

大山中的村庄多美呀，好像一幅静默的山水画，令人神往！小鸭的追逐争食又为这幅画添上了勃勃生机。

Ngôi làng trong xóm núi thật là đẹp, trông nó giống như một bức tranh sơn thủy tĩnh lặng, thu hút sự chú ý của mọi người! Việc đuổi nhau tranh thức ăn của bầy vịt càng làm tăng thêm sức sống mạnh mẽ cho bức tranh này.

5. Luyện tập:

平原上的村庄也很美，特别是黄昏时候那一片详和静谧的景象。请加上适当的想象，写一篇作文。注意远景和近景的层次，动景与静景的结合。

Ngôi làng trên thảo nguyên cũng rất đẹp, đặc biệt là khung cảnh an lành yên tĩnh lúc hoàng hôn. Hãy tưởng tượng sao cho phù hợp rồi viết một bài văn. Chú ý thứ tự của viễn cảnh và cận cảnh, kết hợp cả cảnh động và cảnh tĩnh.

Bài 15

1. Gợi ý:

观察景物，要按一定的顺序。这几幅画就是由远及近描画的。而且重点描画的是美丽的荷塘，千姿百态的荷花。

Khi quan sát cảnh vật, cần phải căn cứ theo thứ tự nhất định. Những bức tranh này đều được phác họa từ xa đến gần. Mặt khác, trọng tâm phác họa là đầm sen tươi đẹp, hoa sen muôn hình muôn vẻ.

2. Hướng dẫn:

根据观察的顺序，描写画面内容，突出重点，写出荷花与鸭子的情态，表达对乡村的留恋之情。

Căn cứ vào thứ tự quan sát, miêu tả nội dung của bức tranh, thể hiện được trọng điểm, miêu tả được dáng vẻ của hoa sen và bầy vịt, thể hiện được tình cảm lưu luyến đối với quê hương.

3. Bài mẫu:

fēng jǐng rú huà de xiāng cūn
风景如画的乡村

xià tiān dào le mā ma dài zhe wǒ dào fēng jǐng rú huà de xiāng cūn qù
夏天到了，妈妈带着我到风景如画的乡村去
yóu wán
游玩。

zhǐ jiàn yuǎn chù shān mài lián mián bú duàn fēng luán qǐ fú zhēng
只见远处山脉连绵不断，峰峦起伏，争
xióng shì de yí zuò bǐ yí zuò gāo
雄似的一座比一座高。

chí táng li shèng kāi zhe yì duǒ duǒ měi lì de hé huā hé huā de huā
池塘里盛开着一朵朵美丽的荷花，荷花的花
bàn yǒu liǎng céng wài bian de yì céng xiàng sì miàn zhǎn kāi nèi bù de
瓣有两层，外边的一层向四面展开；内部的
yì céng huā bàn wéi zhe yí gè yuán yuán de dàn lǜ sè de lián péng
一层，花瓣围着一个圆圆的、淡绿色的莲蓬。
páng biān yǒu yì duǒ duǒ hán bāo yù fàng de huā lěi huā bàn jǐn jǐn de bào
旁边有一朵朵含苞欲放的花蕾，花瓣紧紧地抱
zài yì qǐ huó xiàng yí gè shú tòu le de dà táo zi yā mā ma dài
在一起，活像一个熟透了的大桃子。鸭妈妈带
zhe xiǎo yā yí huì er qián dào shuǐ li yí huì er duǒ dào hé yè hòu
着小鸭，一会儿潜到水里，一会儿躲到荷叶后
bian hǎo xiàng zài zhuō mí cáng
边，好像在捉迷藏。

měi li de xiǎo xiāng cūn shǐ rén liú lián wàng fǎn ràng nǐ shēn shēn
美丽的小乡村，使人留连忘返，让你深深
de táo zui zài zhè měi jǐng zhī zhōng
地陶醉在这美景之中。

4. Nhận xét:

作者浓墨重彩地描写了乡村的山水，动植物，表现了乡村如画一般的美丽。有“面”有“点”，有简笔勾勒，有工笔细描，语言优美生动。

Người viết đã miêu tả rõ nét cảnh núi sông và động thực vật của quê hương, thể hiện được vẻ đẹp như tranh vẽ của quê hương mình. Cách thể hiện có "bao quát", có "trọng điểm", có đường nét sơ lược, có nét vẽ tỉ mỉ, lời lẽ hoa mỹ, sinh động.

5. Luyện tập:

仔细观察画面上的景物，把你的所见所想写下来。

Quan sát kỹ cảnh vật trong tranh, sau đó viết ra những điều mà bạn suy nghĩ và nhìn thấy được.

Bài 16

1. Gợi ý:

这三幅图是以行踪为序，描画从山脚到山中最后到山顶所见的景色。

Ba bức tranh này tập trung miêu tả đường đi, khung cảnh được phác họa từ chân núi vào trong núi, sau đó đến cảnh có thể nhìn thấy được trên đỉnh núi.

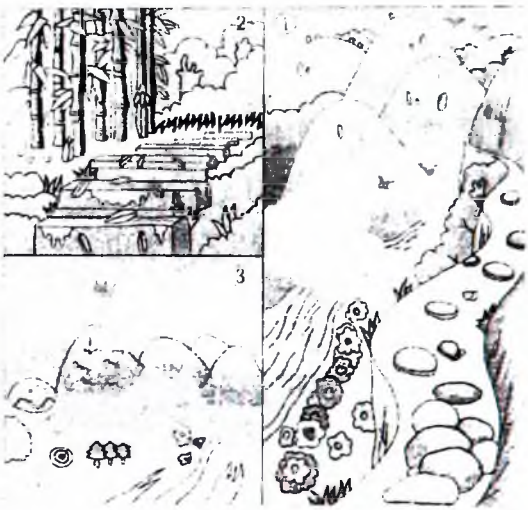

2. Hướng dẫn:

写作时要按方位写，移步换景，以第三幅图为重点。要扣住“春天”“桃花山”字眼，突出描写这个特定时间里的特有景色。

Khi miêu tả cần phải căn cứ vào vị trí để miêu tả, mỗi bước đi cảnh vật cũng thay đổi, coi bức tranh thứ ba là trọng tâm. Cần bám sát các từ "mùa xuân", "cõi

bồng lai" để thể hiện khung cảnh đặc sắc trong thời gian đã định sẵn này.

3. Bài mẫu:

chūn yóu táo huā shān

春游桃花山

yí gè chūn guāng míng mèi de rì zi wǒ men quán jiā qù táo huā
一个春光明媚的日子，我们全家去桃花
shān yóu wán
山游玩。

yì tiáo wān wān qū qū de shān dào bǎ wǒ men yǐn jìn xióng wěi de dà
一条弯弯曲曲的山道把我们引进雄伟的大
shān zài yán zhe luò mǎn zhú yè de shí jiē shí jí ér shàng zhǐ jué de
山，再沿着落满竹叶的石阶拾级而上，只觉得
shān fēng fú miàn tīng jiàn xiǎo xī cóng cóng xiǎo niǎo jiū jiū xīn qíng tè
山风拂面，听见小溪淙淙，小鸟啾啾，心情特
bié yú kuài yáng guāng tòu guò mì mi céng céng de zhú lín jiāng bān bó de
别愉快。阳光透过密密层层的竹林，将斑驳的
guāng sǎ zài kāi mǎn yě huā de shān dì shang sǎ zài cū zhuàng de nán zhú zhī
光洒在开满野花的山地上，洒在粗壮的楠竹枝
gàn shang sǎ zài wǒ men de liǎn shang shēn shang děng shàng shān dǐng
干上，洒在我们的脸上、身上。登上山顶，
fǔ shì xià mian mián yán qǐ fú de táo huā shān xiàng shì yì tiáo qīng sè de
俯视下面：绵延起伏的桃花山像是一条青色的
jù lóng yù yù cōng cōng de shù mù zhú lín xiàng shì tā de mǎn shēn lín
巨龙；郁郁葱葱的树木、竹林像是它的满身鳞
jiǎ yuǎn chù nà yí piàn piàn huǒ hóng de táo lín xiàng shì wéi rào zhe lóng shēn
甲；远处那一片片火红的桃林像是围绕着龙身
de yí piàn yún xiá nà míng jìng de shuǐ kù xiàng shì lóng zuǐ xià de míng
的一片云霞；那明净的水库像是龙嘴下的明
zhū měi lì de táo huā shān zhēn shì yí gè rén jiān xiān jìng
珠……美丽的桃花山，真是一个人间仙境！

4. Nhận xét:

作者以游踪为序，为我们描写了春景的美丽，表达了作者热爱自然，热爱家乡的美好情感。

Người viết đã tập trung vào lối đi để miêu tả cho chúng ta thấy vẻ đẹp của khung cảnh mùa xuân, thể hiện được tình cảm yêu tự nhiên, yêu quê hương của người viết.

5. Luyện tập:

在春光明媚的日子里，走进如画的大自然，一定是一件很惬意的事情。你游览过你家乡的风景名胜吗?你看到了哪些怡人的美景?请以《春游宝塔》为题，写一篇描景文，介绍你家乡的一个景点。

Trong ngày xuân rực rỡ, khi bước vào khung cảnh tự nhiên đẹp như tranh vẽ, chắc chắn đó là một điều rất thú vị. Bạn đã từng đi tham quan danh lam thắng cảnh của quê hương mình chưa? Bạn nhìn thấy những cảnh đẹp mê hồn nào? Hãy viết một bài văn tả cảnh với chủ đề "Ngắm tháp ngày xuân", giới thiệu một phong cảnh của quê hương bạn.

Bài 17

1. Gợi ý:

画面上有柳芽，燕子，蝌蚪，说明描画的是早春的景象，画中的小孩一定对这一切感到非常新奇，有趣吧！

Trong bức tranh có rặng liễu, chim yến, đàn nòng nọc, chứng tỏ khung cảnh được miêu tả là cảnh buổi sớm mùa xuân, em bé trong tranh chắc chắn cảm thấy rất hiếu kỳ đối với tất cả những điều này, thật là thú vị!

2. Hướng dẫn:

春天来了，带来了一些可爱的植物和动物，它们的颜色、形态各是什么样子的呢？能够引起人们哪些遐想？请写出来。

Mùa xuân đến, mang đến những loài thực vật và động vật đáng yêu, mỗi loài đều có dáng vẻ như thế nào về màu sắc và hình dạng? Bạn có thể dẫn mọi người đi đến những giả tưởng nào? Hãy viết về điều đó.

3. Bài mẫu:

měi lì de chūn tiān
美丽的春天

chūn tiān lái le liǔ shù fā yá le huáng huáng de nèn yá xiàng shì
春天来了，柳树发芽了，黄黄的嫩芽像是
xiǎo niǎo de zuǐ de yán sè
小鸟的嘴的颜色。
yàn zi fēi huí lái le zài wū yán xià jī jī de jiào zhe zài qíng
燕子飞回来了，在屋檐下叽叽地叫着，在晴
kōng xià qīng kuài de fēi zhe máng zhe gěi tā men de hái zi zuò wō ne
空下轻快地飞着，忙着给它们的孩子做窝呢！
xiǎo hé shang de bīng yǐ jīng huà le hé shuǐ tè bié qīng liàng kàn de
小河上的冰已经化了，河水特别清亮，看得
jiàn yí gè gè hēi hēi de xiǎo kē dǒu zài shuǐ li yóu lái yóu qù xiǎo xiǎo
见一个个黑黑的小蝌蚪在水里游来游去，小小
de wěi ba yuán yuán de dà nǎo dai jǐ zài yì qǐ tā men de mā ma
的尾巴，圆圆的大脑袋挤在一起。它们的妈妈
dào nǎ er qù le ne wèi shén me tiān hēi le yě bù lái zhǎo tā men de
到哪儿去了呢？为什么天黑了也不来找它们的
bǎo bǎo huí jiā shuì jiào qù
宝宝回家睡觉去？

4. Nhận xét:

这篇文章抓住早春的特征来描写美丽的春天，写出了春天生机勃勃的景象，语言充满童趣。

Bài văn này đã nắm bắt được đặc trưng của thời tiết lúc chớm xuân để miêu tả cảnh mùa xuân tươi đẹp, miêu tả được khung cảnh tràn trề sức sống của mùa xuân, ngôn ngữ miêu tả đầy thú vị.

5. Luyện tập:

你也认真地观察过春天的景物吗？在春天里，你观察到的植物、动物、人各是什么样子的？请你也以《美丽的春天》为题，写一篇描景文。

Bạn đã từng quan sát kỹ cảnh vật trong mùa xuân chưa? Trong mùa xuân, những loài thực vật, động vật, con người mà bạn quan sát được có dáng vẻ như thế nào? Bạn hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Mùa xuân tươi đẹp".

Bài 18

1. Gợi ý:

春天是红色的，秋天是金色的，冬天是白色的，而夏天是五颜六色的。

Mùa xuân là mùa của sắc hồng, mùa thu là mùa của sắc vàng, mùa đông là mùa của sắc trắng. và mùa hè là mùa tổng hợp của các loại màu sắc.

2. Hướng dẫn:

火辣辣的太阳，蓝莹莹的湖水，身着绚丽泳装的孩子们，这就是夏天最美的景物。请在观察的基础上，发挥想象，将夏天描写得有声有色。

Mặt trời đo đỏ, hồ nước xanh xanh, những đứa trẻ khoác trên mình bộ quần áo bơi thật đẹp, đó chính là khung cảnh đẹp nhất của mùa hè. Hãy phát huy trí

tưởng tượng và miêu tả một cách sinh động cảnh mùa hè dựa trên cơ sở quan sát tỉ mỉ bức tranh.

3. Bài mẫu:

wǒ ài xià tiān

我爱夏天

wǒ xǐ huan hóng sè de chūn tiān xǐ huan jīn sè de qiū tiān yě xǐ
我喜欢红色的春天，喜欢金色的秋天，也喜
huan xuě bái de dōng tiān gèng xǐ huan nà wǔ yán liù sè de xià tiān
欢雪白的冬天，更喜欢那五颜六色的夏天。
xià tiān shi gè yán rè de jì jié yě shi hái zi men wán shuǎ de shí
夏天是个炎热的季节，也是孩子们玩耍的时
hou huǒ lā lā de tài yáng hōng kǎo zhe dà dì yì qún xiǎo huǒ bàn xiàng
候。火辣辣的太阳烘烤着大地，一群小伙伴像
yú yí yàng tiào dào yóu yǒng chí li suī rán tài yáng hěn shài dàn zài yóu
鱼一样跳到游泳池里，虽然太阳很晒，但在游
yǒng chí zhōu wéi hái shi kě yǐ kàn dào yì qún qún huó po tào qì de shēn
泳池周围还是可以看到一群群活泼淘气的身
yǐng ér dāng tài yáng gāng gāng luò shān shí yóu yǒng chí zhōu wéi hé chí
影。而当太阳刚刚落山时，游泳池周围和池
zhōng dào chù shi rén yīn wèi xià tiān shí zài shi tài rè le suǒ yǐ rén
中到处是人。因为夏天实在是太热了，所以人
men xiǎng ràng yóu yǒng gǎn zǒu pí láo hé yán rè xià tiān de yóu yǒng chí
们想让游泳赶走疲劳和炎热。夏天的游泳池
zhēn rè nao
真热闹！
xià tiān suī rán hěn yán rè dàn shi gěi wǒ dài lái le huān lè
夏天虽然很炎热，但是给我带来了欢乐。

4. Nhận xét:

作者将自己的目光聚焦在游泳池，通过细致描写泳池中人们的活动，表现夏天带给孩子们的欢乐，很生动、形象。

Người viết tập trung sự chú ý của mình ở bể bơi. thông qua sự quan sát tỉ mỉ, người viết đã miêu tả hoạt động của con người trong bể bơi, thể hiện một cách sinh động và hình tượng niềm vui mà mùa hè mang đến cho những đứa trẻ.

5. Luyện tập:

美丽的冬天，冰雪的世界，大自然将欢乐送给爱雪的人们，有的掷雪球、有的堆雪人、有的滑雪……欢乐没有穷尽。小朋友，拿起笔，记下这永恒的欢乐。

Mùa đông tươi đẹp là thế giới của tuyết, tự nhiên đã ban tặng niềm vui cho những người yêu tuyết, có trò chơi ném quả cầu tuyết, trò chơi nặn người tuyết, trò chơi trượt tuyết... thật là vui biết nhường nào! Các bạn hãy ghi lại niềm vui muôn thuở này nhé!

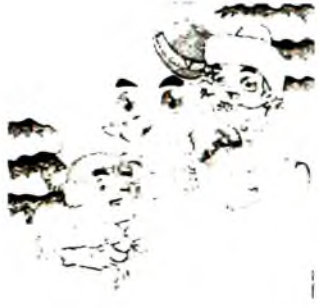

Bài 19

1. Gợi ý:

春天来了，小河边，山坡上的景物有什么变化，人物的衣着及活动是怎样的？

Mùa xuân đã đến, cảnh vật bên bờ sông, trên sườn núi có thay đổi gì, cách ăn mặc và hoạt động của nhân vật như thế nào?

2. Hướng dẫn:

仔细观察图中的景物，看重点描画了哪些植物、动物，人物在干什么，想象人物的欢快心情。

Quan sát kỹ cảnh vật trong bức tranh, quan sát và miêu tả trọng điểm những thực vật, động vật nào, nhân vật trong tranh đang làm gì, tưởng tượng về tâm trạng vui vẻ của nhân vật.

3. Bài mẫu:

wǒ men qù chūn yóu

我们去春游

chūn tiān dào le wǔ yán liù sè de xiǎo huā kāi le lǜ yóu yóu de
春天到了，五颜六色的小花开了，绿油油的
xiǎo cǎo cóng tǔ li zuān chū lái le wǒ men tuō xià le hòu hòu de mián ǎo
小草从土里钻出来了，我们脱下了厚厚的棉袄
qù chūn yóu wǒ men zài lǎo shī de dài lǐng xià chū fā le yí lù shang
去春游。我们在老师的带领下出发了。一路上，
yáng liǔ fǎn qīng le chén shuì le yì dōng de huā cǎo xǐng le xiǎo hé biān
杨柳返青了，沉睡了一冬的花草醒了，小河边
yě rè nao qǐ lái yì zhī zhī hóng de huáng de qiǎn zǐ de hú dié
也热闹起来。一只只红的、黄的、浅紫的蝴蝶
shàng xià fān fēi zài huā cóng zhōng piān piān qǐ wǔ tǐ tài shì nà me
上下翻飞，在花丛中翩翩起舞，体态是那么
qīng yíng dòng zuò shì nà me róu měi hái yǒu yì xiē xiǎo niǎo zài lán lán
轻盈，动作是那么柔美。还有一些小鸟在蓝蓝
de tiān kōng zhōng fēi xiáng
的天空中飞翔。

wǒ men lái dào yí gè měi lì de xiǎo shān pō shang ná chū bǔ chóng
我们来到一个美丽的小山坡上，拿出捕虫
wǎng kāi shǐ bǔ hú dié hú dié guài jī líng de hěn nán bǔ dào kě
网开始捕蝴蝶，蝴蝶怪机灵的，很难捕到。可
shì zuì hòu wǒ men hái shì bǔ dào le wǒ men yòu dào yí kuài cǎo píng
是最后我们还是捕到了。我们又到一块草坪
shang wán lǎo yīng zhuō xiǎo jī de yóu xì kāi gù shì huì
上玩老鹰捉小鸡的游戏，开故事会……

shí jiān guò de zhēn kuài zhuǎn yǎn jiān tài yáng gōng gong jiù yào xià
时间过得真快，转眼间，太阳公公就要下
shān le wǒ men yě huái zhe yí yì bù shě de xīn qíng hé zhè ge měi lì
山了，我们也怀着依依不舍的心情和这个美丽
de xiǎo shān lín gào bié
的小山林告别。

4. Nhận xét:

作者抓住“小河边的美丽景物”与“山坡上的快乐活动”这两个镜头，写出了春的美好及春游的乐趣。

Người viết đã nắm bắt được hai cảnh: "cảnh đẹp ven sông" và "hoạt động vui vẻ trên sườn núi", miêu tả được cảnh đẹp mùa xuân và niềm vui khi đi chơi xuân.

5. Luyện tập:

春天是美丽多彩的，然而早春，仲春，暮春时节的景物具有各自不同的特点。选一个你熟悉的时间里的景物，写一篇作文。

Mùa xuân là mùa tươi đẹp với muôn sắc màu, hơn nữa cảnh vật lúc chớm xuân, giữa xuân và cuối xuân đều có những đặc điểm khác nhau. Hãy chọn một cảnh vật trong khoảng thời gian mà bạn quen thuộc nhất rồi viết thành một bài văn.

Bài 20

1. Gợi ý:

黄色的迎春花，翠绿的万年青，毛茸茸的小草，垂柳，桃花……仔细观察，你就会发现：春天来了。

Hoa đón xuân vàng vàng, vạn niên thanh xanh xanh, cây cỏ rậm rạp, rặng liễu, hoa đào tốt tươi... Hãy quan sát kỹ, bạn sẽ phát hiện ra một điều: Mùa xuân đã đến rồi đó.

2. Hướng dẫn:

描写春天的景色离不开写植物，在这个特定的季节里，植物呈现给我们的是什么样的形态、色彩呢?抓住景物的特点，再加上人物的活动，你笔下的春天就会有声有色了。

Khi miêu tả cảnh sắc mùa xuẩn chắc chắn không thể tách rời việc miêu tả cây cối trong mùa đã được định sẵn này, các loài thực vật hiện ra với dáng vẻ, màu sắc

như thế nào trước mắt chúng ta? Nắm bắt đặc điểm của cảnh vật, tiếp theo đan xen thêm hoạt động của nhân vật, chắc chắn cảnh mùa xuân mà bạn miêu tả sẽ rất sinh động.

3. Bài mẫu:

zhǎo chūn tiān

找春天

jīn tiān wǒ hé mā ma qù gōng yuán wǒ men yào qù zhǎo chūn tiān
今天我和妈妈去公园，我们要去找春天。

yí jìn gōng yuán dà mén jiù kàn jiàn le yí piàn huáng sè de yíng chūn
一进公园大门，就看见了一片黄色的迎春

huā zhèng xiào zhe xiàng wǒ men zhāo shǒu zài wǎng lǐ zǒu wàn nián qīng
花，正笑着向我们招手。再往里走，万年青

yǐ zhǎng chū le cuì lǜ de nèn yá xiǎo cǎo yě cóng dì lǐ zuān chū lái gěi
已长出了翠绿的嫩芽，小草也从地里钻出来，给

dà dì chuān shàng le xīn yī shang chí táng biān de chuí liǔ guà zhe xiǎo suì
大地穿上了新衣裳。池塘边的垂柳挂着小穗

yíng fēng yáo bǎi xiǎo qiáo páng de táo shù kāi chū le fěn hóng sè de huā duǒ
迎风摇摆。小桥旁的桃树开出了粉红色的花朵。

bù yuǎn chù hái yǒu yì kē shù shang kāi mǎn le bái sè de chóng bàn huā duǒ
不远处还有一棵树上开满了白色的重瓣花朵。

mā ma cāi tā shì lí shù yí wèi dà jiě jie cāi tā shì xìng shù hòu
妈妈猜它是梨树，一位大姐姐猜它是杏树，最后

wǒ men qǐng jiào le zhòng huā de shū shu cái zhī dào tā shì bì táo
我们请教了种花的叔叔，才知道它是碧桃。

gōng yuán lǐ zhēn shì mǎn yuán chūn sè wǒ men wán de hǎo kāi xīn
公园里真是满园春色！我们玩得好开心！

4. Nhận xét:

作者抓住了植物在初春呈现的特有状态，写出了万物复苏，生机勃勃的春天美景，让读者觉得春意盎然，如在画中。

Người viết đã nắm bắt được dáng vẻ đặc trưng của cây cối lúc chớm xuân, miêu tả được cảnh sắc mùa xuân vạn vật hồi sinh, tràn trề sức sống, giúp cho người đọc cảm thấy sức xuân dồi dào, đẹp như trong tranh.

5. Luyện tập:

迷人的春夜，有很多赏心悦目的美景。联系生活实际，把画面上的美景写下来。

Đêm xuân làm mê lòng người, có rất nhiều phong cảnh đẹp mắt. Liên hệ thực tế cuộc sống, hãy viết về cảnh đẹp trong bức tranh này.

Bài 21

1. Gợi ý:

小草黄了，树叶落了，大雁南飞，好一幅秋天的静美图画!

Cỏ đã ngả màu vàng úa, lá cây rơi rụng, chim nhạn bay về phương nam, thật là một bức tranh đẹp nhưng man mác buồn của mùa thu!

2. Hướng dẫn:

写好景物必须善于观察，观察的目的就是要抓住景物的特点。只有这样，你笔下的景物才会生动形象。

Để miêu tả được cảnh vật cần phải khéo léo quan sát, mục đích của việc quan sát là nắm bắt đặc điểm của cảnh vật. Có như vậy, cảnh vật mà bạn miêu tả mới sinh động và hình tượng.

3. Bài mẫu:

qiū tiān de jǐng sè

秋天的景色

shēn qiū de yì tiān bà ba mā ma dài zhe wǒ dào jiāo wài qù kàn
深秋的一天，爸爸妈妈带着我到郊外去看
qiū jǐng
秋景。

yí lù shang wǒ kàn jiàn dì shang de xiǎo cǎo biàn huáng le kū wěi
一路上，我看见地上的小草变黄了，枯萎
le shù zhī yě guāng tū tū de huáng huáng de shù yè sā luò yí dì
了；树枝也光秃秃的。黄黄的树叶洒落一地，
wēi fēng yī chuī hǎo xiàng hú dié zài kōng zhōng fēi wǔ yǒu de luò dào shuǐ
微风一吹，好像蝴蝶在空中飞舞。有的落到水
lǐ jǐ tiáo xiǎo yú yóu guò qù cáng zài tā de xià mian bǎ tā dàng
里，几条小鱼游过去，藏在它的下面，把它当
zuò xiǎo sǎn yǒu de luò dào kū huáng de xiǎo cǎo shang xiǎo cǎo nǎo xiàng yí
做小伞；有的落到枯黄的小草上，小草好像一
gè gè chuān zhe huáng sè yī fu dài zhe huáng sè mào zi de shí zhuāng mó
个个穿着黄色衣服、戴着黄色帽子的时装模
tè hū rán wǒ tīng jiàn jiū jiū de jiào shēng yǎng qǐ tóu
特。忽然，我听见“啾啾”的叫声，扬起头，
zhǐ jiàn yì qún dà yàn pái zhe zhěng qí de rén zì xíng xiàng nán fēi qù
只见一群大雁排着整齐的“人”字形向南飞去。
à qiū tiān de jǐng sè duō měi ya
啊！秋天的景色多美呀！

4. Nhận xét:

小草变黄枯萎，树干光秃秃，树叶洒落一地，大雁南飞……小作者将秋天的特征抓得很准。比喻很贴切，把秋景描写得美丽而富有生机。

Cỏ cây trở nên héo úa, thân cây trơ trụi, lá cây rụng đầy mặt đất, chim nhạn bay về phương nam... Người viết đã nắm bắt được rất chính xác đặc trưng của mùa thu. Với lối so sánh thú vị, người viết đã miêu tả khung cảnh mùa thu tươi đẹp nhưng cũng rất giàu sức sống.

5. Luyện tập:

秋天的果园格外惹人喜爱，红红的苹果，黄黄的香蕉……空气中都弥漫着一股甜香！请以《秋天的果园》为题，写一篇描景文。

Cảnh vườn cây ăn quả vào mùa thu làm cho con người thích thú, quả táo đo đỏ, quả chuối vàng vàng... trong không khí đều tràn ngập một mùi hương ngọt ngào! Hãy viết một bài văn miêu tả với tựa đề "Vườn cây ăn quả mùa thu".

Bài 22

1. Gợi ý:

这是在夏天的早晨看到的景物：清新凉爽、富有生气。地点在校园里。

Đây là cảnh có thể thấy vào buổi sáng mùa hè: trong lành mát mẻ, giàu sức sống. Địa điểm là trong vườn trường.

2. Hướng dẫn:

夏天的早晨，哪些景物让你感到清新凉爽、富有生气呢？仔细观察，将你看到的景物按一定的顺序写下来，还可以用一些比喻句描写那些美好的景物。

Buổi sáng mùa hè, những cảnh vật nào làm cho bạn cảm thấy trong lành, mát mẻ, giàu sức sống? Quan

sát kỹ, sau đó tiến hành miêu tả căn cứ vào thứ tự nhất định của cảnh vật mà bạn nhìn thấy, ngoài ra còn có thể dùng những câu so sánh để miêu tả những cảnh vật tươi đẹp đó.

3. Bài mẫu:

xià tiān de jǐng wù

夏天的景物

xià tiān de zǎochen wǒ yí jiào xǐng lái yì lǚ jīn sè de yáng guāng
夏天的早晨，我一觉醒来，一缕金色的阳光
yǐ shài dào le chuáng shang wǒ gǎn jǐn qǐ chuáng xiàng tài yáng wèn shēng
已晒到了床上。我赶紧起床，向太阳问声
hǎo hòu jiù dào xiào yuán lǐ pǎo bù
好后，就到校园里跑步。

zǎochen de kōng qì duō me liáng shuǎng qīng xīn shù yè er zài huā
早晨的空气多么凉爽清新！树叶儿在“哗
huā huā de pāi zhǎng xiǎo niǎo zài shù lín lǐ kuài lè de gē chàng jī
哗哗”地拍掌，小鸟在树林里快乐地歌唱。鸡
guān huā fèng xiān huā měi rén jiāo kāi de hóng hóng huǒ huǒ xiàng gāng
冠花、凤仙花、美人蕉开得红红火火，像刚
gāng shū xǐ dǎ ban guò de xiān nǚ dì shang de xiǎo cǎo zhān zhe jīng yíng de
刚梳洗打扮过的仙女。地上的小草沾着晶莹的
lù zhū máo rōng rōng de xiàng lǜ sè de dì tǎn yuǎn chù de tián yě
露珠，毛茸茸的，像绿色的地毯，远处的田野
lǜ yōu yōu de yáng guāng zhào zài chí táng lǐ xiàng yǒu hěn duō jīn sè de
绿油油的。阳光照在池塘里，像有很多金色的
yú zài tiào shàng tiào xià
鱼在跳上跳下。

4. Nhận xét:

这篇描景文按屋里到屋外，从上到下，由近到远的顺序，描写了夏天早晨清新,美好的景物。顺序合理，比喻也用得新颖生动。

Bài văn tả cảnh này căn cứ theo thứ tự từ trong ra ngoài, từ trên xuống dưới, từ gần đến xa. để miêu tả cảnh vật tươi đẹp, trong lành vào buổi sáng mùa hạ. Thứ tự hợp lý, cách so sánh cũng mới mẻ, sinh động.

5. Luyện tập:

冬天的早晨，校园又是什么样子的呢？请以《冬天早晨的校园》为题，写一篇描景文。

Buổi sáng mùa đông, vườn trường có dáng vẻ như thế nào? Hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Vườn trường trong buổi sáng mùa đông".

Bài 23

1. Gợi ý:

秋天的天空又高又蓝，秋天的阳光金灿灿的，秋天里菊花和一串红开得特别旺，秋天里的校园特别美丽。

Bầu trời mùa thu vừa cao vừa xanh, ánh mặt trời mùa thu vàng rực, hoa cúc và một chùm hồng khoe sắc thắm trong mùa thu, vườn trường vào mùa thu thật đẹp.

2. Hướng dẫn:

抓住"秋天"的特征写校园，特别是秋天的天空、秋天的花；秋天的树要写出特征，校园中的升旗台与五星红旗是"学校"的特征。要在描写中融入自己的感情。

Nắm bắt đặc trưng của "mùa thu" để miêu tả vườn trường, đặc biệt là bầu trời mùa thu, hoa cỏ mùa thu;

cây cối mùa thu cũng phải miêu tả được đặc trưng của nó, cột cờ và lá cờ đỏ là đặc trưng của vườn trường. Cần phải kết hợp cả tình cảm của mình trong quá trình miêu tả.

3. Bài mẫu:

qiū tiān de xiàoyuán

秋天的校园

qiū tiān lái dào le tiān yòu gāo yòu lán jīn sè de yáng guāng sǎ mǎn
秋天来到了，天又高又蓝，金色的阳光洒满
le xiào yuán
了校园。

zǒu jìn xiàoyuán zuǒ biān bǎi fàng zhe jīn huáng sè de jú huā zhēng xiāng
走进校园，左边摆放着金黄色的菊花争相
kāi fàng yòu biān bǎi zhe yí chuàn hóng xiàng yí chuàn chuàn biān pào yí yàng
开放，右边摆着一串红，像一串串鞭炮一样。
yán zhe tái jiē lái dào cāo chǎng shǒu xiān kàn jiàn lán tiān xia yí miàn wǔ xīng
沿着台阶来到操场，首先看见蓝天下一面五星
hóng qi zài wēi fēng zhōng piāo yáng sī lìng tái de zuǒ biān yǒu yí kē dà
红旗在微风中飘扬，司令台的左边有一棵大
zhāng shù shù yè yǒu lǜ sè de yě yǒu qiǎn huáng sè de hái yǒu jīn
樟树，树叶有绿色的，也有浅黄色的，还有金
huáng sè de wēi fēng yí chuī yí piàn piàn shù yè xiàng hú dié yí yàng fēi
黄色的。微风一吹，一片片树叶像蝴蝶一样飞
wǔ gěi dà dì pī shàng le huáng sè de yī shang qiū tiān de xiào yuán duō
舞，给大地披上了黄色的衣裳。秋天的校园多
měi a
美啊！

4. Nhận xét:

秋光灿烂，秋容娇美，作者笔下的校园令人神往。比喻句用得贴切，结尾升华主题。

Quang cảnh mùa thu rực rỡ, dáng vẻ thu yêu kiều, cảnh vườn trường mà người viết miêu tả thật là thu hút hồn người. Câu so sánh được dùng chính xác, phần kết chủ đề được nhấn mạnh.

5. Luyện tập:

秋天的草枯了，树叶黄了，枫叶红了，春天的劳动丰收了。展开合理的想象，写一篇描景文。

Cỏ cây mùa thu đã khô héo, lá cây cũng úa vàng, lá cây phong cũng đã đỏ, vụ xuân được mùa bội thu. Hãy phát huy trí tưởng tượng rồi viết một bài văn tả cảnh.

Bài 24

1. Gợi ý:

校园里的操场和花坛，是供孩子活动和休息用的，因而很宽阔，布置得很美，离教学楼也很近。

Sân thể dục và bồn hoa trong vườn trường được dùng để phục vụ hoạt động của trẻ nhỏ và hoạt động thư giãn, do đó nó rất rộng, bố trí rất đẹp mắt, cách phòng học cũng rất gần.

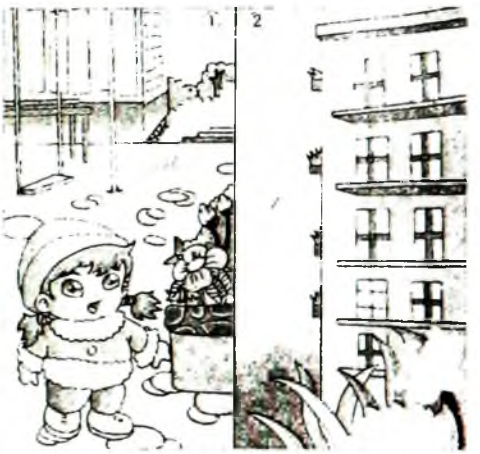

2. Hướng dẫn:

既然是画的操场与花坛，花坛里面一定有花。请根据观察的结果，配上合理的想象，运用不同的感官，来表现校园一角的美好。

Trong tranh là hình ảnh sân thể dục và bồn hoa, chắc chắn trong bồn sẽ có hoa. Căn cứ vào kết quả quan sát, kết hợp với trí tưởng tượng phù hợp, vận dụng

những cảm quan khác nhau để thể hiện vẻ đẹp của một góc vườn trường.

3. Bài mẫu:

xiào yuán yì jiǎo

校园一角

chūntiān lái le tiān qì yě biàn wēn nuǎn le wǒ hé jǐ gè tóng xué
春天来了，天气也变温暖了，我和几个同学
qù nán jiào xué lóu xià de cāo chǎng shang sàn bù cāo chǎng shì cháng fāng
去南教学楼下的操场上散步。操场是长方
xíng de hěn kuān kuò dà yuē yǒu jiǎn jiào shì nà me cháng dì bǎn
形的，很宽阔，大约有5间教室那么长，地板
zhuān shì lǜ sè de xiāng zhe hóng biān cāo chǎng de zhōng jiān yǒu gè
砖是绿色的，镶着红边。操场的中间有3个
yuánxíng de dà huā tán měi gè huā tán li dōu kāi zhe jǐ duǒ jīn guāng shǎn
圆形的大花坛，每个花坛里都开着几朵金光闪
shǎn de wú míng huā wú míng huā de hòu mian hái yǒu kē wú míng shù
闪的无名花，无名花的后面还有3棵无名树，
wú míng shù de yè zi lǜ de fā liàng wǒ hái wén dào le wú míng shù de
无名树的叶子绿得发亮。我还闻到了无名树的
xiāng wèi jiǎn zhí shì tài měi le cāo chǎng qián mian shì yi fū lóu xià
香味，简直是太美了。操场前面是逸夫楼，下
kè de shí hou yǒu xiē tào qì de xiǎo mèi mei hé xiǎo di di men cháng
课的时候，有些淘气的小妹妹和小弟弟们常
cháng zài nà li wán yí shàng kè cāo chǎng shang jiù huī fù le píng jìng
常在那里玩。一上课操场上就恢复了平静。
wǒ ài wǒ de xué xiào wǒ men xué xiào fēng jǐng yōu měi kōng qì xīn
我爱我的学校，我们学校风景优美，空气新
xiān shí zài tài měi lì le
鲜，实在太美丽了！

4. Nhận xét:

作者重点介绍了操场和花坛，对花坛的描写很细致，写花香还发挥了想象，给人具体可感的印象。结尾赞美学校，达到了情景交融的效果。

Người viết giới thiệu trọng điểm là sân thể dục và bồn hoa, miêu tả bồn hoa rất tỉ mỉ, ngoài ra còn phát huy trí tưởng tượng khi miêu tả hương thơm của hoa, điều đó tạo cho người đọc ấn tượng đáng nhớ. Phần kết ca ngợi trường học, có hiệu quả trong việc kết hợp giữa tình và cảnh.

5. Luyện tập:

校园中，一定有令你心动的美景，如竹林，草坪，雕塑等等。请以《校园一角》为题，自选一个角度，描写校园美景。

Trong vườn trường chắc chắn có cảnh đẹp làm bạn rung động, như bụi tre, bãi cỏ, tượng đài... Hãy tự chọn một góc độ rồi miêu tả cảnh đẹp của vườn trường với tựa đề "Một góc vườn trường".

Bài 25

1. Gợi ý:

美丽的街心花园，有趣的奇山怪石，苍翠的花草树木，还有葡萄架和草地。真是一块供人休闲娱乐的宝地！

Vườn hoa giữa phố thật đẹp, có cảnh núi đá kỳ lạ và thú vị, hoa cỏ, cây cối mang một màu xanh, ngoài ra còn có giàn nho và bãi cỏ. Thật là một nơi tuyệt vời để cho mọi người vui chơi giải trí.

2. Hướng dẫn:

街心花园不同于公园，具有小而精的特点，突出的是供人休闲娱乐的功能。因而写本文，不仅要描写花园的布局，设施，有特征的景物，还要描写人的活动。

Vườn hoa giữa phố có đặc điểm khác với công viên, nó tuy nhỏ nhưng đặc sắc, thể hiện được chức năng vui chơi giải trí cho con người. Do đó khi viết bài văn này,

không chỉ miêu tả bố cục, cách bố trí và cảnh vật đặc trưng của vườn hoa, mà còn phải miêu tả hoạt động của con người.

3. Bài mẫu:

měi lì de jiē xīn huā yuán

美丽的街心花园

wǒ de jiā zài pǔ dōng dōng lù xiǎo qū zhōu wéi de huán jìng kě měi
我的家在浦东东陆小区，周围的环境可美
la bù yuǎn de dì fang，hi sān jiǎo xíng de jiē xīn huā yuán zhōu wéi shi yòng
啦！不远的地方是三角形的街心花园。周围是用
shí tou qì chéng de zhè xiē shí tou yǒu de xiàng tù zi yǒu de xiàng lǎo
石头砌成的。这些石头有的像兔子，有的像老
niú hái yǒu de xiàng shòu hóu zhēn shi yǒu qù jí le huā yuán zhōng
牛，还有的像瘦猴……真是有趣极了！花园中
yāng yǒu jǐ kē gāo dà tǐng bá de sōng shù xī mian shi yòng bái sù liào guǎn
央有几棵高大挺拔的松树。西面是用白塑料管
dā jiàn de pú táo jià shàng mian yí chuàn chuàn de mǎ nǎi zi pú táo jīng yíng
搭建的葡萄架，上面一串串的马奶子葡萄晶莹
tī tòu yǐn de rén men chán xiàn yù dī jiē xīn huā yuán liǎng páng de cǎo
剔透，引得人们馋涎欲滴。街心花园两旁的草
dì xiàng liǎng kuài lǜ tǎn cǎi shàng qù ruǎn ruǎn de shū fu jí le qīng chén
地像两块绿毯，踩上去软软的，舒服极了。清晨，
yé ye nǎi nai zài zhè lǐ wǔ jiàn tiào lǎo nián dí sī kē dǎ quán
爷爷奶奶在这里舞剑、跳老年迪斯科、打拳……
bàng wǎn wǒ hé xiǎo huǒ bàn men zài zhè lǐ zhuī zhú xī xì
傍晚，我和小伙伴们在这里追逐嬉戏。
wǒ ài jiē xīn huā yuán shi dǎng de gǎi gé kāi fàng zhèng cè cái
我爱街心花园，是党的改革开放政策，才
shǐ wǒ men yǒu le rú cǐ yōu měi de jū zhù huán jìng
使我们有了如此优美的居住环境。

4. Nhận xét:

美丽的街心花园，被作者描写得精美无比，结尾还升华主题。构思非常巧妙，写景的顺序非常清楚，用词也很优美生动。

Vườn hoa giữa phố đã được người viết miêu tả đẹp không gì sánh bằng, phần kết chủ đề được nhấn mạnh. Cấu tứ rất khéo léo, thứ tự tả cảnh rõ ràng, cách dùng từ sinh động, hoa mỹ.

5. Luyện tập:

你家乡的桥梁、湖泊、山峦、鱼塘等处的景物是不是很美？拿起你的笔，将你的观察和感受倾注于《家乡一景》中。

Quang cảnh ở những nơi như cây cầu, hồ nước, sườn núi, ao cá ở quê hương bạn có phải là rất đẹp không? Hãy cầm bút rồi viết về những điều quan sát được và cảm nhận của bạn, tất cả gói gọn trong tựa đề "Khung cảnh quê hương".

Bài 26

1. Gợi ý:

这幅田园美景上既有动物，也有植物，更有勤劳的人们，它美在充满生机和活力。

Trong phong cảnh ruộng đồng của bức tranh này, vừa có động vật, vừa có thực vật, hơn nữa lại có con người cần cù lao động, nó đẹp ở chỗ giàu sức sống.

2. Hướng dẫn:

要紧扣"田园"二字来描写晨景，田园上的自然景物很美，更美的是人们的劳动。不仅要写景，还要升华主题。

Cần phải gói gọn trong hai chữ "ruộng đồng" để miêu tả quang cảnh sáng sớm, khung cảnh tự nhiên trên ruộng đồng rất đẹp, đẹp hơn nữa là cảnh lao động của con người. Không chỉ tả cảnh, mà còn phải làm nổi bật chủ đề.

3. Bài mẫu:

měi lì de tián yuán zǎo chen
美丽的田园早晨

zǎo chen nóng wù xiàng yì céng bái shā lǒngzhào zhe tián yuán wǒ jīn bù
早晨，浓雾像一层白纱笼罩着田园，我禁不
zhù zhè qí jǐng de yòu huò lái dào tián biān dōng fāng gāng lòu chū le tài
住这奇景的诱惑，来到田边。东方刚露出了太
yáng de bàn biān liǎn hóng tōng tōng de zhēn kě ài yí huì er wù
阳的半边脸，红彤彤的，真可爱！一会儿，雾
jiàn jiàn de sàn kāi kě yǐ kàn qīng yǎn qián de yí qiè le tián biān de yě
渐渐地散开，可以看清眼前的一切了：田边的野
huā xiǎn de gèng jiā jiāo mèi qīng wā zài tián lǐ bèng tiào dà gài shì zài
花显得更加娇媚；青蛙在田里蹦跳，大概是在
zhuō hài chóng ba
捉害虫吧！

yuǎn chù de dà dì wǎn ruò chuān shàng yì shēn lǜ yī fēng er qīng chuī
远处的大地宛若穿上一身绿衣，风儿轻吹，
jiù xiàng yì tiáo huā dì tǎn suí fēng dàng yàng hú dié wéi zhe xiān huā qǐ wǔ
就像一条花地毯，随风荡漾；蝴蝶围着鲜花起舞。
mì fēng máng zhe yì biān cǎi mì yì biān wèi huā er chuán bō huā fěn
蜜蜂忙着一边采蜜，一边为花儿传播花粉。

ō ō ō gāng jī yòu yí cì dǎ míng le tài yáng yǐ tiào chū
“喔喔喔”公鸡又一次打鸣了，太阳已跳出
le dì píng xiàn fàng shè wàn zhàng guāng máng dà di sū xǐng le rén
了地平线，放射万丈光芒。大地苏醒了。人
men yǒu de gěi yóu cài chú cǎo yǒu de jiāo shuǐ yǒu de gěi mài miáo shī
们有的给油菜除草；有的浇水；有的给麦苗施
féi yǒu de zài pēn sǎ yào shuǐ chú chóng dào chù dōu shì rén men máng lù
肥；有的在喷洒药水除虫。到处都是人们忙碌
de shēn yǐng à hǎo yì fú tián yuán měi jǐng
的身影！啊！好一幅田园美景！

4. Nhận xét:

作者满怀着对大自然，对劳动的热爱，动情地描写了田园早晨生机勃勃，热闹繁忙的景象。描写很细致，比喻很贴切。

Người viết tràn đầy tình yêu đối với tự nhiên và lao động, do đó đã miêu tả một cách sinh động cảnh vật tràn trề sức sống và sự náo nức bận rộn trong buổi sớm ở ruộng đồng. Bài văn miêu tả rất tỉ mỉ, lối so sánh chính xác.

5. Luyện tập:

校园的早晨特别美，气氛特别催人奋进。仔细观察，抓住特征，以《校园的早晨》为题，写一篇作文。

Buổi sáng sớm ở vườn trường thật đẹp, không khí làm lòng người phấn chấn. Quan sát kỹ bức tranh, nắm bắt đặc trưng, sau đó viết bài văn với tựa đề "Buổi sớm ở vườn trường".

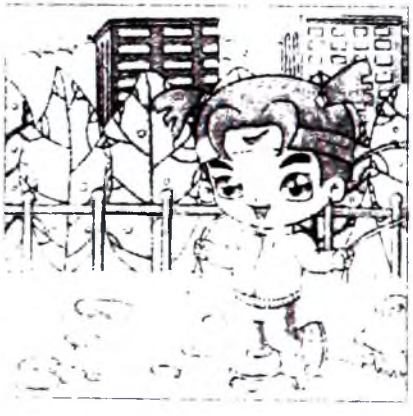

Bài 27

1. Gợi ý:

这是校园中美丽的一角——绿园。园中的围墙是爬山虎围成的绿色屏风，园中的地上是小草铺成的绿色地毯，园中还有石雕和石凳……

Đây là một góc đẹp trong vườn trường - khu vườn xanh. Tường bao quanh trong khu vườn là bức bình phong màu xanh được tạo bởi một loại dây leo, trên mặt đất là thảm cỏ xanh che phủ. Trong vườn còn có tượng đá, ghế đá,...

2. Hướng dẫn:

写作之前，先确定观察点，再按由外至内，由上至下的顺序描写，要紧扣一个"绿"字，突出"园"的安逸闲适。

Trước khi viết, đầu tiên xác định điểm quan sát, sau đó tiến hành miêu tả theo thứ tự từ ngoài vào trong,

từ trên xuống dưới, cần gói gọn trong chữ "xanh". thể hiện được sự yên ả của "khu vườn".

3. Bài mẫu:

lǜ yuán

绿 园

xiào yuán de dōng nán jiǎo yǒu yí kuài mǐ jiàn fāng de xiǎoyuán xiǎo yuán
校园的东南角有一块20米见方的小园。小园
sì zhōu yǒu yí rén duō gāo de wéi qiáng pá shān hǔ shùn zhe wéi qiáng wǎng
四周有一人多高的围墙，爬山虎顺着围墙往
shàng pá mi mi céng céng tiē mǎn le qiáng miàn shǐ wéi qiáng chéng le sì
上爬，密密层层贴满了墙面，使围墙成了四
kuài xiāng lián de lǜ sè píng fēng měi kuài lǜ qiáng de xià mian dōu yǒu liǎng tiáo
块相连的绿色屏风。每块绿墙的下面都有两条
shí dèng bā tiáo cháng shí dèng bǎ xiǎo yuán yòu wéi le yí gè zhèng fāng
石凳，八条长石凳把小园又围了一个正方
xíng yuán zhōng zhōng mǎn qīng cǎo yòu péng sōng yòu róu ruǎn xiàng gěi
形。园中长满青草，又蓬松、又柔软，像给
xiǎo yuán pū shàng le lǜ sè de dì tǎn xiǎo yuán de zhōng yāng zhàn zhe
小园铺上了绿色的地毯。小园的中央，站着
liǎng zhī shí diāo de bái sè shān yáng shān yáng yí dà yì xiǎo fǎng fú mā
两只石雕的白色山羊。山羊一大一小，仿佛妈
ma lǐng zhe hái zi zài yuán zhōng sàn bù wǒ men gé wài xǐ huan zhè piàn
妈领着孩子在园中散步。我们格外喜欢这片
xiǎo yuán měi tiān qīng chén xǔ duō tóng xué dōu lái dào zhè lǐ zuò zài
小园，每天清晨，许多同学都来到这里，坐在
shí dèng shang dú shū bù zhī shui gěi zhè piàn xiǎo yuán qǐ le ge míng zi
石凳上读书。不知谁给这片小园起了个名字，
jiào lǜ yuán zhēn shi míng fú qí shí
叫“绿园”。真是名符其实！

4. Nhận xét:

作者饱含对校园一角的喜爱，有顺序地描写了绿园满眼苍翠，幽雅宁静的景色，给人以深刻的印象。

Người viết chứa chan tình yêu đối với góc vườn trường, nên đã miêu tả có thứ tự cảnh sắc xanh biếc rợp mắt, bình yên êm ả của khu vườn, điều đó đem lại cho mọi người ấn tượng sâu sắc.

5. Luyện tập:

校园的操场，在早晨和傍晚时刻都很美，仔细观察这些时刻的景物和人物活动，写一篇描景文。

Sân thể dục của vườn trường vào lúc sáng sớm và chiều tối thật đẹp, quan sát kỹ cảnh vật và hoạt động của con người trong thời gian đó, rồi viết một bài văn tả cảnh.

Bài 28

1. Gợi ý:

这是住宅大院里的一个花园，主要由一个大花坛及中间的喷水池、假山构成。

Đây là một vườn hoa trong sân nhà, chủ yếu được tạo bởi một bồn hoa và bể phun nước có hòn non bộ ở giữa.

2. Hướng dẫn:

住宅区的花园具有小巧而精美的特点。要突出这个花园精巧的构局，写出它带给人们的美感来。

Vườn hoa trong khuôn viên nhà ở có đặc điểm nhỏ nhắn nhưng rất đẹp. Cần phải thể hiện rõ kết cấu tinh xảo của vườn hoa này, thể hiện được tác dụng đem lại cảm giác tuyệt vời cho mọi người.

3. Bài mẫu:

měi lì de huā yuán

美丽的花园

zài wǒ men zhù zhái de dà yuàn li yǒu yí gè huā yuán lǐ miàn de jǐng
在我们住宅的大院里有一个花园，里面的景
sè shí fēn mí rén yí jìn mén yìng rù wǒ yǎn lián de shi yí gè tuǒ
色十分迷人。一进门，映入我眼帘的是一个椭
yuán xíng de pēn shuǐ chí pēn shuǐ chí pēn chū de shuǐ zài yáng guāng de zhào shè
圆形的喷水池。喷水池喷出的水在阳光的照射
xià shǎn shǎn fā guāng xiàng yì kē kē jīng yíng de zhēn zhū suí hòu yòu
下闪闪发光，像一颗颗晶莹的珍珠，随后，又
xì yǔ bān de luò xià lái pēn shuǐ chí zhōng jiān yǒu yí zuò xiǎo qiǎo líng lóng
细雨般地落下来。喷水池中间有一座小巧玲珑
de jiǎ shān shān de dǐng fēng diāo sù zhe yì zhī zhǎn chì yù fēi de lǎo yīng
的假山。山的顶峰雕塑着一只展翅欲飞的老鹰。
pēn shuǐ chí zhōu wéi shi gè dà huā tán huā tán li gè zhǒng huā er
喷水池周围是个大花坛，花坛里各种花儿
zhēng qí dòu yàn ē nuó duō zī yǒu de shēn chū jié bái wú xiá de shǒu
争奇斗艳，婀娜多姿。有的伸出洁白无瑕的手
bì xiàng rén men zhāo shǒu zhì yì yǒu de niǔ dòng xiān xì de yāo zhī chè
臂向人们招手致意；有的扭动纤细的腰肢，扯
qǐ lǜ shā yī piān piān qǐ wǔ yǒu de huàng dòng zhe měi lì de nǎo dai
起绿纱衣翩翩起舞；有的晃动着美丽的脑袋，
dé yì yáng yáng
得意洋洋……
wǒ ài zhè měi lì de huā yuán
我爱这美丽的花园。

4. Nhận xét:

小作者以喷水池为中心，描写了喷泉的晶莹、假山的小巧玲珑及花坛的绚丽多彩。观察细致入微，描写细腻生动，给人以生动的美感。

Người viết coi bể phun nước là trung tâm. miêu tả vẻ đẹp sáng lóng lánh của vòi nước, sự nhỏ nhắn đẹp đẽ của hòn non bộ và vẻ đẹp muôn màu của bồn hoa. Quan sát tỉ mỉ, cách miêu tả sinh động chi tiết, đem đến cảm giác tuyệt vời cho mọi người.

5. Luyện tập:

街心花园与住宅区中的花园有许多相似的地方，但也有自己的特色。请仔细观察后，写一篇《街心花园》的描景文。

Vườn hoa giữa phố và vườn hoa trong khuôn viên nhà ở có rất nhiều điểm giống nhau, nhưng chúng cũng có nét đặc sắc riêng. Sau khi quan sát kỹ, hãy viết một bài văn tả cảnh với tựa đề "Vườn hoa giữa phố".

Bài 29

1. Gợi ý:

画面上有小鸟，蝴蝶，有重重叠叠的树木和鲜花，还有一座美女塑像，可见这是在公园里看到的景物，人物在游公园。

Trong tranh có chim, có bướm, có cây cối trùng trùng điệp điệp và có cả hoa tươi, ngoài ra còn có một bức tượng mỹ nữ, có thể thấy đây là cảnh vật quan sát được trong công viên, nhân vật đang đi dạo chơi trong công viên.

2. Hướng dẫn:

公园里有哪些景物最迷人，给你印象最深的是什么？要有详有略地描述。

Trong công viên có những cảnh vật nào hấp dẫn mọi người nhất, cảnh gây ấn tượng sâu đậm nhất cho bạn là gì? Cần miêu tả sao cho phù hợp.

3. Bài mẫu:

yóu gōng yuán
游公园

jīn tiān shì xīng qī tiān mā ma qiān zhe wǒ de shǒu dào gōng yuán wán
今天是星期天，妈妈牵着我的手到公园玩。
zhǐ jiàn lù shang de xiǎo niǎo zài lán tiān shang zhī zhi zhā zhā de jiào zhe
只见路上的小鸟在蓝天上吱吱喳喳地叫着，
měi lì de huā hú dié zài wǒ tóu shang fēi lái fēi qù hǎo xiàng yào hé wǒ
美丽的花蝴蝶在我头上飞来飞去，好像要和我
yì kuài qù wán ne hěn kuài de wǒ men dào le gōng yuán duō měi lì de
一块去玩呢！很快地我们到了公园，“多美丽的
huā ya wǒ bù yóu de jiào le qǐ lái nǐ qiáo nà zhī zi huā bái
花呀！”我不由得叫了起来。你瞧，那栀子花白
de xiàng xuě yuǎn yuǎn de jiù néng wén dào xiāng qì hái yǒu nà zhǐ jia
得像雪，远远地就能闻到香气，还有那指甲
huā hóng de xiàng huǒ zài yáng guāng zhōng guāng cǎi duó mù
花，红得像火，在阳光中光彩夺目……
wǒ zài gōng yuán pǎo lái pǎo qù lái dào yí gè tíng zi xià mian tíng
我在公园跑来跑去，来到一个亭子下面，亭
zi zhōng jiān shì cháng é jiě jie de diāo kè xiàng tā shǒu li ná zhe yì duǒ
子中间是嫦娥姐姐的雕刻像，她手里拿着一朵
chá huā zài nà er xǐ shuǐ ne
茶花，在那儿嬉水呢！
wǒ dūn zài nà li bù kěn lí kāi zhè shí mā ma kàn jiàn le shuō
我蹲在那里不肯离开，这时妈妈看见了，说：
sī qí dōu kuài dào zhōng wǔ le wǒ men huí jiā ba wǒ tàn le
“思琪，都快到中午了，我们回家吧！”我叹了
kǒu qì yī yī bù shě de lí kāi le gōng yuán huí jiā qù le
口气，依依不舍地离开了公园回家去了。

4. Nhận xét:

作者既写了公园里的动植物，还重点写了嫦娥塑像，突出了公园安逸闲适的特点。

Người viết đã miêu tả các loài động thực vật trong công viên, ngoài ra còn miêu tả trọng điểm bức tượng Hằng Nga, thể hiện được đặc điểm yên ả của công viên.

5. Luyện tập:

同学们，你认真观察过你家的树林，竹林或是菜园，小院吗？你觉得哪些景物最美？请试着介绍你家附近的一处美景。

Bạn đã từng quan sát kỹ rặng tre, rặng cây hoặc vườn rau, khoảng sân nhỏ nhà bạn chưa? Bạn thấy những cảnh vật nào đẹp nhất? Hãy thử giới thiệu về một cảnh đẹp ở gần nhà bạn.

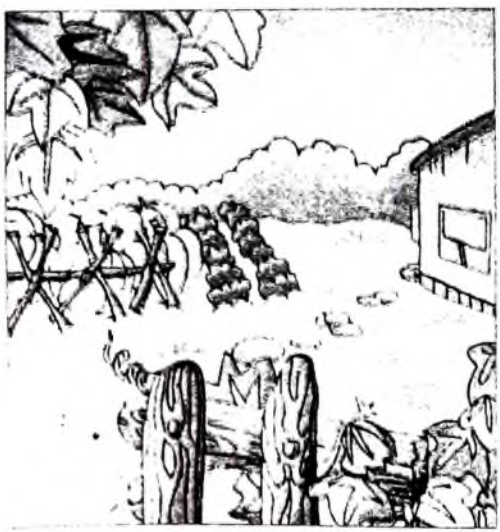

Bài 30

1. Gợi ý:

图中所示是座落于上海黄浦江畔的"东方明珠"电视塔，它气势磅礴，与美丽的黄浦江相辉映。登上塔顶，远山近水，立交桥等等尽收眼底。

Khung cảnh được thể hiện trong bức tranh là tòa tháp truyền hình được mệnh danh là "hòn ngọc phương đông" ở ven sông Hoàng Phố - Thượng Hải, khí thế hào hùng của nó đua nhau tỏa sáng với sông Hoàng Phố mĩ lệ. Khi leo lên đỉnh tháp, khung cảnh núi xa sông gần và cây cầu treo được thu hết vào tầm mắt.

2. Hướng dẫn:

首先要描写出"东方明珠"的样子，再描写出登上塔顶所见的远景与近景。最后要升华主题。

Trước tiên cần miêu tả dáng vẻ của "hòn ngọc phương đông", tiếp theo miêu tả viễn cảnh và cận cảnh nhìn thấy khi leo lên đỉnh tháp. Cuối cùng phải nêu bật được chủ đề.

3. Bài mẫu:

dēng dōng fāng míng zhū diàn shì tǎ

登“东方明珠”电视塔

wǒ zài yǔ wén shū lǐ xué guò dōng fāng míng zhū zhè yí kè zhī
我在语文书里学过《东方明珠》这一课，知
dào tā shì yí zuò měi lì de diàn shì tǎ wǒ zhēn xiǎng qīn yǎn mù dǔ tā
道它是一座美丽的电视塔，我真想亲眼目睹它
de fēng cǎi xīng qī tiān bà ba mā ma dài wǒ dào shàng hǎi dōng fāng
的风采。星期天。爸爸妈妈带我到上海“东方
míng zhū qù wán wǒ de yuàn wàng zhōng yú shí xiàn le
明珠”去玩，我的愿望终于实现了。

dōng fāng míng zhū yì lì zài huáng pǔ jiāng biān yuǎn kàn tā xiàng
“东方明珠”屹立在黄浦江边。远看它像
yí gè dǐng tiān lì dì de jù rén zǒu jìn kàn tā qì shì páng bó xiǎn
一个顶天立地的巨人，走近看它气势磅礴，显
de gèng jiā xióng wěi zhuàng guān wǒ men zuò diàn tī dēng shàng mǐ chù
得更加雄伟壮观。我们坐电梯登上263米处
wǎng xià kàn měi lì de shàng hǎi jìn shōu yǎn dǐ huáng pǔ jiāng xiàng tiáo
往下看，美丽的上海尽收眼底，黄浦江像条
jīn sè de duàn zi bèi tài yáng zhào de shǎn shǎn fā guāng lái wǎng de lún
金色的缎子，被太阳照得闪闪发光，来往的轮
chuán chuān liú bù xī xiǎn de fēi cháng fán máng yuǎn chù de lì jiāo qiáo
船川流不息，显得非常繁忙。远处的立交桥
xiàng yì zhāng zhī zhū wǎng zòng héng jiāo cuò qì chē xiàng yì zhī zhī xiǎo
像一张蜘蛛网，纵横交错。汽车像一只只小
mǎ yǐ zài shàng mian màn màn de pá xíng
蚂蚁，在上面慢慢地爬行。

kàn zhe zhè měi lì de jǐng sè wǒ zhēn shì yǒu diǎn shě bu de lí
看着这美丽的景色，我真是有点舍不得离
qù le
去了。

4. Nhận xét:

“东方明珠”像巨人顶天立地，气势磅礴，黄浦江如闪光的缎子，立交桥像蜘蛛网，汽车像小蚂蚁。比喻生动形象，传神地写出了登塔所见。结尾表达了自己的喜爱之情。

"Hòn ngọc phương đông" giống như người khổng lồ đội trời đạp đất, khí thế hào hùng, sông Hoàng Phố như một dải lụa lấp lánh, cầu treo giống như mạng nhện, xe cộ giống như con kiến nhỏ. Lối so sánh rất sinh động và hình tượng, miêu tả sơ lược những điều trông thấy khi leo lên tòa tháp. Phần kết thể hiện được tình cảm yêu mến của mình.

5. Luyện tập:

小河弯弯，小桥也弯弯，请以《我家门前的小桥》为题，写一篇作文。

Dòng sông nhỏ quanh co, chiếc cầu nhỏ cũng cong cong, hãy viết một bài văn với tựa đề "Cây cầu nhỏ trước cổng nhà tôi".

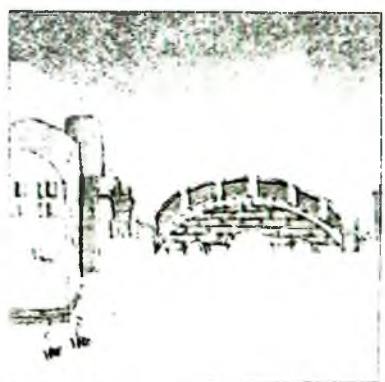

Phần B: Tả vật

Bài 1

1. Gợi ý:

认真观察一群小鸡的外形特征，及在草地上寻找食物的情景。

Quan sát kỹ đặc trưng bên ngoài của đàn gà con và cảnh chúng kiếm mồi trên bãi cỏ.

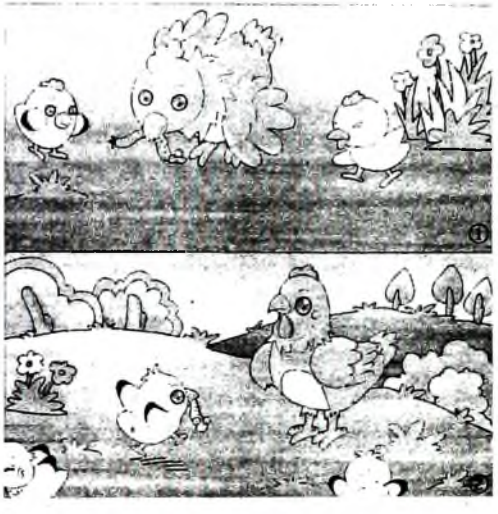

2. Hướng dẫn:

观图明意，细致描写小鸡的外形，及如何在草地上寻找食物的。

Quan sát tranh vẽ và làm rõ ý nghĩa, miêu tả kỹ vẻ bên ngoài của đàn gà con và cảnh chúng kiếm mồi trên bãi cỏ như thế nào.

3. Bài mẫu:

xiǎo jī

小 鸡

wǒ jiā yǎng le yì qún kě ài de xiǎo jī tiān tiān gēn zhe lǎo mǔ jī
我家养了一群可爱的小鸡，天天跟着老母鸡
dào chù xún zhǎo shí wù
到处寻找食物。

tā men de xiǎo zhuǎ zi jiān jiān de yǔ máo liàng liàng de yǒu huáng
它们的小爪子尖尖的，羽毛亮亮的。有黄
sè de yǒu bái sè de hái yǒu hēi yán sè de tā men de yǎn jing suī
色的，有白色的，还有黑颜色的。它们的眼睛虽
xiǎo què tòu liàng líng huó
小，却透亮灵活。

yǒu yì tiān lǎo mǔ jī lǐng zhe xiǎo jī dào cǎo dì shang zhuō qīng chóng
有一天，老母鸡领着小鸡到草地上捉青虫
chī tā ràng hái zi men fēn kāi dān dú xún zhǎo shí wù yǒu yì zhī líng
吃。它让孩子们分开，单独寻找食物。有一只伶
lì de xiǎo jī fā xiàn le yì tiáo dà qīng chóng jiù měng de pū shàng qù
俐的小鸡发现了一条大青虫，就猛地扑上去，
zhuō zhù le dà qīng chóng
捉住了大青虫。

zhè zhī xiǎo jī xián zhe qīng chóng pǎo dào lǎo mǔ jī shēn biān lǎo mǔ
这只小鸡衔着青虫跑到老母鸡身边，老母
jī gāo xìng de yòng chì bǎng pāi pai tā hǎo xiàng zài kuā zhè zhī xiǎo jī shì
鸡高兴地用翅膀拍拍它，好像在夸这只小鸡是
gè yǒu běn lǐng de hái zi
个有本领的孩子。

zhè xiē xiǎo jī duō me kě ài ya
这些小鸡多么可爱呀！

4. Nhận xét:

小作者通过对小鸡的外形特征及其跟鸡妈妈一起捉青虫的事例，表现了小鸡们的可爱，小作者对小鸡的喜爱之情不言而喻。

Người viết đã thể hiện được sự đáng yêu của đàn gà con thông qua những đặc điểm bên ngoài và cảnh chúng cùng gà mẹ kiếm mồi. Tình cảm của người viết đối với đàn gà con tuy không nói ra thành lời nhưng chất chứa trong từng câu chữ.

5. Luyện tập:

以《小鸭》为题，写篇作文，通过小鸭的外形特征及其活动来表现小鸭的可爱。

Viết một bài văn với tựa đề "Chú vịt con", thông qua ngoại hình và hoạt động của chúng để thể hiện sự đáng yêu của những chú vịt con.

Bài 2

1. Gợi ý:

由近及远，仔细观察天鹅的外形特征及动态特点，写出其美丽的形态。

Quan sát kỹ đặc điểm hình dáng và động tác của bầy thiên nga từ gần đến xa, từ đó miêu tả dáng vẻ xinh đẹp của chúng.

2. Hướng dẫn:

抓住天鹅外形特征及动态特点，采用由近及远的顺序进行描写。

Nắm bắt đặc điểm ngoại hình và động tác của thiên nga, chọn thứ tự từ gần đến xa để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

tiān é

天 鹅

jīn tiān wǒ hé mā ma dào yù yuān tán gōng yuán qù wán yí jìn dò
今天，我和妈妈到玉渊潭公园去玩。一进大
mén wǒ men jiù kàn dào gōng yuán li yǒu yì qún bái sè de dà niǎo zài hú
门，我们就看到公园里有一群白色的大鸟在湖
li yóu lái yóu qù
里游来游去。

wǒ zǒu guò qù yí kàn à yuán lái shì tiān é tā shēn shang de
我走过去一看，啊！原来是天鹅。它身上的
yǔ máo jié bái wú xiá nà cháng cháng de bó zi jiù xiàng wān wān de yuè
羽毛洁白无瑕；那长长的脖子就像弯弯的月
yá er yí yàng jié bái míng liàng zuǐ de yán sè shì hóng huáng xiāng jiàn yǎn
牙儿一样洁白明亮；嘴的颜色是红黄相间；眼
jing hēi liū liū de tóu bù yǒu yí piàn hóng hóng de róng máo jiù xiàng dài
睛黑溜溜的；头部有一片红红的绒毛，就像戴
zhe yì dǐng hóng mào zi tā de qū tǐ chéng liú xiàn xíng jiǎo shì fěn hóng
着一顶红帽子。它的躯体呈流线形，脚是粉红
sè de yí duì duì tiān é zài hú zhōng yóu lái yóu qù hú miàn shang
色的。一对对天鹅在湖中游来游去，湖面上
dàng qǐ yì quān quān bō wén yuǎn yuǎn wàng qù hǎo xiàng yì zhī zhī xiǎo
荡起一圈圈波纹，远远望去好像一只只小
chuán zài shuǐ zhōng dàng lái dàng qù yòu xiàng tiān shàng de duǒ duǒ bái
船在水中荡来荡去，又像天上的朵朵白
yún yìng zài shuǐ miàn shang zhēn měi ya
云映在水面上，真美呀！

4. Nhận xét:

小作者从天鹅的羽毛，脖子，嘴，眼，头部，躯体、脚等方面着手表现天鹅的美丽可爱。

Từ chỗ nắm bắt các bộ phận như bộ lông, chiếc cổ, chiếc mỏ, đôi mắt, cái đầu, thân hình, đôi chân... người viết đã thể hiện được vẻ đẹp đáng yêu của thiên nga.

5. Luyện tập:

用心观察家养的白鹅，看看它们与天鹅有什么相似处和不同处，试以《白鹅》为题写篇作文，要求写出鹅所独有的特性。

Chú ý quan sát đàn ngỗng trắng nuôi trong nhà, quan sát xem chúng có chỗ nào giống và khác so với thiên nga, thử viết một bài văn với tựa đề "Ngỗng trắng", yêu cầu viết về đặc tính riêng biệt của loài ngỗng.

Bài 3

1. Gợi ý:

仔细观察小白兔吃食物的动态，想象它是怎样的可爱。

Quan sát kỹ động tác ăn thức ăn của chú thỏ trắng, tưởng tượng nó đáng yêu như thế nào.

2. Hướng dẫn:

根据画面，抓住小白兔吃食物的动作进行描述。

Căn cứ vào bức tranh, nắm bắt động tác ăn thức ăn của thỏ trắng để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

dū du

嘟 嘟

dū du shì wǒ yǎng de xiǎo bái tù wǒ měi tiān gěi tā wèi shí dū
嘟嘟是我养的小白兔，我每天给它喂食。嘟
du de wèi kǒu kě hǎo le qīng cǎo luó bo xiǎo bái cài shén me dōu
嘟的胃口可好了，青草、萝卜、小白菜，什么都
chī tā hái chī miàn bāo ne
吃，它还吃面包呢！

yǒu yí cì wǒ zhèng zài chī miàn bāo tā mǎ shàng bèng le guò
有一次，我正在吃面包，它马上蹦了过
lái wǒ sī xià yí kuài dì dào tā de zuǐ biān tā gāng yào lái chī wǒ
来，我撕下一块递到它的嘴边，它刚要来吃，我
mǎ shàng bǎ shǒu yí tái tā de zuǐ yě gēn zhe yí tái liǎng zhī qián zhǎo
马上把手一抬，它的嘴也跟着一抬，两只前爪
hé zài yí kuài gāo gāo jǔ qǐ xiàng shì zài gěi wǒ zuò yī ne
合在一块高高举起，像是在给我作揖呢！

yǒu shí dū du gāo xìng le hái huì zài wǒ miàn qián lòu yí shǒu
有时，嘟嘟高兴了，还会在我面前露一手，
gāo gāo de yuè qǐ lái gè kōng zhōng zhuǎn tǐ dù huó xiàng gè tǐ
高高地跃起，来个空中转体360度，活像个体
cāo yùn dòng yuán
操运动员。

tā shì wǒ de hǎo péng you
它是我的好朋友！

4. Nhận xét:

小作者活灵活现地展示出了一只活泼可爱，富有灵性的小白兔形象。内容具体完整。

Người viết thể hiện một cách sinh động hình ảnh một chú thỏ trắng hoạt bát đáng yêu. Nội dung cụ thể, hoàn chỉnh.

5. Luyện tập:

你接触过狗吗?试着来写写小狗，如果对小狗没有什么了解，其它的个动物也行，一定要仔细观察，写出这一小物的特征，题目自拟。

Bạn đã từng tiếp xúc với chó bao giờ chưa? Thử miêu tả một chú chó con, nếu không hiểu gì về chú chó con thì có thể miêu tả con vật khác cũng được, nhất định phải quan sát kỹ, thể hiện được đặc trưng của con vật nhỏ này, tự nghĩ ra tiêu đề.

Bài 4

1. Gợi ý:

小猫欢欢有趣地玩着乒乓球，仔细观察玩乒乓球的每一个动作。

Chú mèo con đang chơi bóng bàn một cách thích thú, quan sát kỹ từng động tác chơi bóng bàn.

2. Hướng dẫn:

认真看图，抓住小猫欢欢玩乒乓球的动作进行细致而具体的描写。

Quan sát kỹ bức tranh, nắm bắt động tác thích thú chơi bóng bàn của chú mèo con để tiến hành miêu tả một cách tỉ mỉ và cụ thể.

3. Bài mẫu:

xiǎo māo huān huan
小猫欢欢

wǒ jiā de bō sī māo huān huan yí jiàn pīng pāng qiú mǎ shàng lái le
我家的波斯猫欢欢一见乒乓球，马上来了
jìn er tā xiān shì zhuàn dòng zhe ěr duo zǐ xì de tīng nà pīng
劲儿。它先是转动着耳朵，仔细地听那“乒——
pāng de shēng yīn jiē zhe mī chéng yì tiáo fèng de yǎn jing yí xià zi biàn
乒”的声音，接着眯成一条缝的眼睛一下子变
de yòu yuán yòu dà rán hòu sōu de yí zòng shēn yòng liǎng zhī qián
得又圆又大，然后“嗖”地一纵身，用两只前
zhǎo bǎ pīng pāng qiú yì tuī yí bào kě pīng pāng qiú bù tīng tā de huà
爪把乒乓球一推一抱。可乒乓球不听它的话，
gǔn dào le yì biān huān huan huǒ le dù zi tiē dì liǎng jiǎo bìng lǒng
滚到了一边。欢欢火了，肚子贴地，两脚并拢，
hòu tuǐ yòng jìn yì dēng qián zhǎo xiàng pīng pāng qiú měng de yì zhuā zhōng
后腿用劲一蹬，前爪向乒乓球猛地一抓，终
yú zhuā zhù le pīng pāng qiú zhèng zài dé yì yáng yáng zhī jì yí bù liú
于抓住了乒乓球。正在得意洋洋之际，一不留
shén pīng pāng qiú gǔn dào guì zi dǐ xia qù le huān huan qì de huǒ mào
神，乒乓球滚到柜子底下去了。欢欢气得火冒
sān zhàng zhí xiàng guì zi dǐ xia pū qù zhǐ tīng jiàn pū tōng yì
三丈，直向柜子底下扑去。只听见“扑通”一
shēng tā diē le gè sì jiǎo cháo tiān yuán lái guì zi dǐ xia de kòng xì
声，它跌了个四脚朝天。原来柜子底下的空隙
tài xiǎo huān huan jìn bú qù zhèng hǎo zhuàng zài shàng mian tā tiào
太小，欢欢进不去，正好撞在上面。它跳
dào fáng mén kǒu de diàn zi shang yòng zhǎo zi shǐ jìn de zài shàng mian zhuā
到房门口的垫子上，用爪子使劲地在上面抓
le jǐ xià fā xiè zì jǐ de nù qì
了几下，发泄自己的怒气。

4. Nhận xét:

小作者把小猫拟人化，赋予人的神情思想，把小猫玩乒乓球的细节描写得十分精彩。

Người viết đã nhân cách hóa chú mèo con, ban cho nó tinh thần và tư tưởng của con người, do đó đã miêu tả vô cùng đặc sắc chi tiết chơi bóng bàn của chú mèo con.

5. Luyện tập:

蠢笨的小猪也有可爱的时候，请你认真观察一只或一群小猪吃食物时的情景，然后写篇作文，题目自拟。

Những chú lợn con ngốc nghếch cũng có lúc đáng yêu, bạn hãy quan sát kỹ cảnh một con hoặc một đàn lợn con lúc đang ăn, sau đó hãy viết một bài văn, tự đặt tiêu đề.

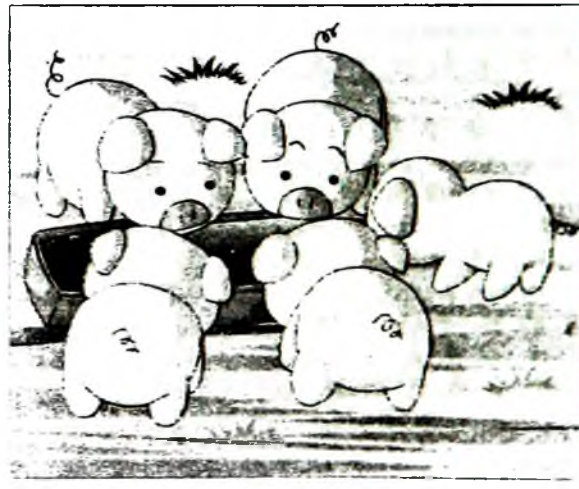

Bài 5

1. Gợi ý:

小松鼠外形漂亮，吃食有趣，让人一见顿生喜爱之心。仔细观察图画，看看小松鼠是怎样一步步吃食的。

Vẻ bề ngoài của chú sóc thật đẹp, nhìn nó ăn thức ăn một cách thú vị, làm cho mọi người chỉ cần thoạt nhìn là cảm thấy yêu mến. Quan sát kỹ bức tranh, nhìn xem dáng vẻ chú sóc từng bước ăn thức ăn như thế nào.

2. Hướng dẫn:

写作时应抓住小松鼠的外形特征及生活习性特点，按照由饲养到放归的思想历程进行描述，表达对小松鼠的喜爱之情。

Khi miêu tả, cần phải nắm bắt đặc điểm ngoại hình và tập tính sinh hoạt của chú sóc, tiến hành miêu tả căn cứ vào mạch suy nghĩ từ lúc nuôi dưỡng đến lúc được thả, thể hiện được tình cảm yêu mến đối với chú sóc.

3. Bài mẫu:

xiǎo sōng shǔ mī mi

小松鼠咪咪

wǒ céng jīng yǎng guò yì zhī huó po kě ài de xiǎo sōng shǔ mī mi
我曾经养过一只活泼可爱的小松鼠咪咪，
nà shì jīn nián si yuè fèn bà ba cóng hú zhōu chū chāi huí lái shí lù guò
那是今年四月份，爸爸从湖州出差回来时路过
tiān mù shān shí mǎi de
天目山时买的。

xiǎo sōng shǔ mī mi zhǎng zhe yì shēn dàn kā fēi sè de máo yòng shǒu
小松鼠咪咪长着一身淡咖啡色的毛，用手
mō yì mō ruǎn ruǎn de nuǎn nuǎn de liǎng zhī dà ěr duo yí duì
摸一摸，软软的、暖暖的，两只大耳朵，一对
yòu liàng yòu hēi de yǎn jing duǎn duǎn de bí zi zuǐ ba liǎng cè zhǎng zhe
又亮又黑的眼睛，短短的鼻子，嘴巴两侧长着
liù gēn yòu hēi yòu cháng de hú xū shēn hòu tuō zhe yì gēn máo róng róng de
六根又黑又长的胡须。身后拖着一根毛茸茸的
dà wěi ba kě ài jí le xiǎo sōng shǔ chī dōng xi kě yǒu qù la
大尾巴，可爱极了。小松鼠吃东西可有趣啦，
tā yòng liǎng tiáo hòu tuǐ hé dà wěi ba zhī chēng zhe shēn zi bǐ zhí de
它用两条后腿和大尾巴支撑着身子，笔直地
zhàn zhe yòng liǎng zhī qián zhǎo péng zhe píng guǒ wǎng zuǐ li sāi yì
站着，用两只前爪捧着苹果，往嘴里塞。一
biān chī yì biān bù tíng de guān chá zhe sì zhōu de dòng jing xiǎo sōng shǔ
边吃，一边不停地观察着四周的动静，小松鼠
jǐng tì xìng kě gāo la
警惕性可高啦！

hòu lái wǒ bǎ tā fàng huí le dà zì rán xiàn zài měi dāng wǒ
后来，我把它放回了大自然。现在，每当我
huí xiǎng qǐ hé mī mi yì qǐ shēng huó de rì zi xīn li jiù chōng mǎn
回想起和咪咪一起生活的日子，心里就充满
le yú kuài
了愉快。

4. Nhận xét:

小作者介绍小松鼠咪咪外形特征及其吃食动作，生动形象，表达了对小松鼠的喜爱之情。

Người viết đã giới thiệu được đặc điểm ngoại hình xinh xắn của chú sóc và động tác ăn thức ăn của nó, hình ảnh miêu tả sinh động, thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với chú sóc.

5. Luyện tập:

观察一只或一群小猴子的外形特征及其吃食动作，以《小猴子》为题，学习例文写法，写篇作文。

Quan sát đặc điểm ngoại hình và động tác ăn thức ăn của một con hoặc một bầy khỉ, viết một bài văn với tựa đề "Chú khỉ con" dựa theo cách viết của Bài mẫu.

Bài 6

1. Gợi ý:

仔细观察小鹦鹉的外形特征(小尖嘴一小眼睛一羽毛一脖子一翅膀)及生活习性。

Quan sát kỹ đặc điểm ngoại hình của chú vẹt con (chiếc mỏ nhọn nho nhỏ, đôi mắt nhỏ, bộ lông. chiếc cổ, đôi cánh) và tập tính sinh hoạt của chúng.

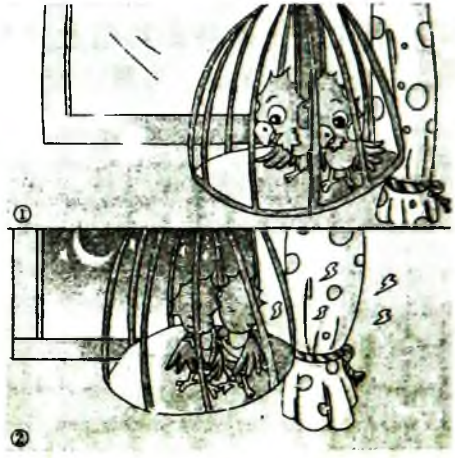

2. Hướng dẫn:

根据图画，抓住这对小鹦鹉的外形特征及生活习性特点来写，结尾用拟人化的手法，点出对小鹦鹉的喜爱之情。

Căn cứ vào bức tranh, nắm bắt đặc điểm ngoại hình và tập tính sinh hoạt của vẹt con để tiến hành miêu tả, phần kết sử dụng thủ pháp nhân hóa, thể hiện được tình cảm yêu mến đối với chú vẹt con.

3. Bài mẫu:

xiǎo yīng wǔ

小鹦鹉

jīn tiān nǎi nai dài huí lái liǎng wèi xiǎo kè rén yí duì xiǎo yīng wǔ

今天，奶奶带回来两位小客人——一对小鹦鹉。

xiǎo yīng wǔ zhēn kě ài hóng hóng de xiǎo jiān zuǐ míngliàng de xiǎo yǎn jīng zài fáng jiān li dōng qiáo qiao xī kàn kan yí fù hěn hào qí de yàng zi tā men de yǔ máo kě piào liang la bó zi shì jú hóng de xià mian shì dàn lǜ sè chì bǎng shang shì shēn lǜ sè de

小鹦鹉真可爱！红红的小尖嘴，明亮的小眼睛，在房间里东瞧瞧，西看看，一副很好奇的样子。它们的羽毛可漂亮啦！脖子是橘红的，下面是淡绿色，翅膀上是深绿色的。

zhè liǎng zhī xiǎo yīng wǔ zhěng tiān zài lóng zi li tiào shàng tiào xià jiào gè bù tíng dào le wǎn shang cái ān jìng xià lái tā men yòng xiǎo jiān zuǐ shū lǐ shēn shang de yǔ máo rán hòu wāi zhe tóu tián tián de shuì zháo le nǎi nai gào su wǒ děng xiǎo yīng wǔ zhǎng dà yǐ hòu jiù huì gēn nǐ shuō huà le xiǎo yīng wǔ kuài diǎn zhǎng dà ba dào nà shí wǒ men jiù kě yǐ shuō qiāo qiao huà la

这两只小鹦鹉整天在笼子里跳上跳下，叫个不停，到了晚上才安静下来。它们用小尖嘴梳理身上的羽毛，然后歪着头甜甜地睡着了。奶奶告诉我："等小鹦鹉长大以后，就会跟你说话了！"小鹦鹉快点长大吧，到那时我们就可以说悄悄话啦！

4. Nhận xét:

小作者抓住鹦鹉的外形特征及其生活习性来写，使得鹦鹉的形象跃然纸上。

Người viết đã nắm bắt được đặc trưng ngoại hình của vẹt con và tập tính sinh hoạt của nó để miêu tả, làm cho hình ảnh chú vẹt con hiện lên một cách sống động trên trang giấy.

5. Luyện tập:

观察一只或几只麻雀，学习本文的写法，抓住它们的外形特征及其生活习性，试写一篇《麻雀》。

Quan sát một con hoặc một đàn chim sẻ, dựa vào cách miêu tả trong Bài mẫu, nắm bắt đặc trưng ngoại hình và tập tính sinh hoạt của chúng rồi thử viết một bài văn với tựa đề "Chim sẻ".

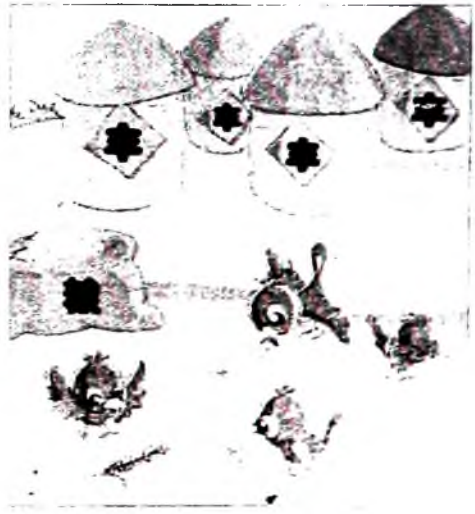

Bài 7

1. Gợi ý:

仔细观察鱼缸中小金鱼的外形特征，欣赏小金鱼们在鱼缸中的动态美 (抢吃食物及游玩时的情景)。

Quan sát đặc điểm ngoại hình của chú cá vàng trong bể cá, ngắm nhìn động tác của chúng trong bể (cảnh tranh giành thức ăn và lúc dạo chơi).

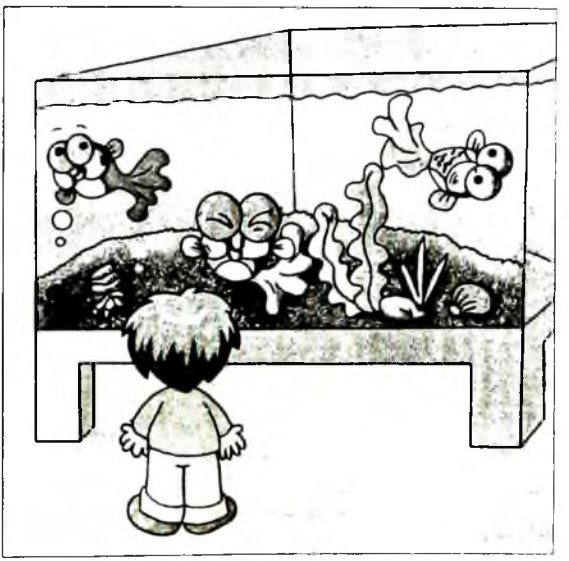

2. Hướng dẫn:

抓住鱼缸中鱼的外形和动态特征具体描写，对金鱼们抢吃食物的情景应生动地用文字再现出来。

Nắm bắt đặc điểm ngoại hình và động tác của đàn cá trong bể để miêu tả cụ thể, cần phải sử dụng câu văn

sinh động để tái hiện cảnh tranh giành thức ăn của đàn cá vàng.

3. Bài mẫu:

kě ài de xiǎo jīn yú

可爱的小金鱼

měi tiān fàng xué huí jiā wǒ dōu yào dào bà ba yǎng de yì gōng xiǎo jīn
每天放学回家，我都要到爸爸养的一缸小金
yú qián dòu yí dòu nà xiē kě ài de xiǎo jīn yú tā men yǒu hóng de
鱼前，逗一逗那些可爱的小金鱼。它们有红的、
bái de hēi de huā de wǔ yán liù sè kě ài jí le
白的、黑的、花的……五颜六色，可爱极了！
tā men yǒu yí gè yuán yuán de tóu yì shuāng gū gū de dà yǎn
它们有一个圆圆的头，一双鼓鼓的大眼
jīng cū ér duǎn de shēn qū hé yì tiáo kuān ér líng huó de wěi ba
睛，粗而短的身躯，和一条宽而灵活的尾巴。
měi tiān wǒ gěi tā men wèi shí de shí hou tā men zuì kāi xīn zhǐ yào
每天我给它们喂食的时候，它们最开心。只要
jiàn dào ěr liào rēng xià lái tā men jiù yì wō fēng shí de kuài sù yóu guò
见到饵料扔下来，它们就一窝蜂似的快速游过
qù zhāng kāi nà yuán yuán de zuǐ ba zhēng xiāng tūn yàn píng shí tā
去，张开那圆圆的嘴巴，争相吞咽。平时它
men sì hū hěn shǎo xiū xi zóng shì zài shuǐ zhōng wán ge bù tíng yǒu
们似乎很少休息，总是在水中玩个不停，有
de zài tǔ pào pao yǒu de yóu lái yóu qù yǒu de fú shàng lǎ xià
的在吐泡泡，有的游来游去，有的浮上浮下，
yǒu de suī rán bù yóu dòng dàn yě qīng qīng de yáo dòng zhe wěi ba
有的虽然不游动，但也轻轻地摇动着尾巴。
wǒ xǐ huan wǒ jiā nà xiē kě ài de xiǎo jīn yú tā men gěi wǒ dài lái
我喜欢我家那些可爱的小金鱼，它们给我带来
le wú qióng de huān lè
了无穷的欢乐。

4. Nhận xét:

小作者抓住了金鱼的外形特征及平时的生活习性进行了细致的刻画，突出了金鱼的可爱，语言生动。

Người viết đã nắm bắt được đặc điểm ngoại hình và tập tính sinh hoạt của cá vàng để tiến hành miêu tả một cách tỉ mỉ, thể hiện được vẻ đáng yêu của đàn cá vàng, ngôn ngữ miêu tả sinh động.

5. Luyện tập:

学习例文写法，以《可爱的小泥鳅》为题，写篇作文，要求紧扣"可爱"二字来写。

Dựa vào cách miêu tả trong Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tựa đề "Chú cá chạch đáng yêu", yêu cầu tập trung vào hai chữ "đáng yêu" để miêu tả.

Bài 8

1. Gợi ý:

蛐蛐露出一副獠牙，多凶！听，蛐蛐在欢快地鸣叫；看，蛐蛐在有趣地玩斗。

Chú dế mèn để lộ chiếc răng nanh, trông thật hung dữ! Nghe kìa, dế mèn đang kêu một cách vui vẻ thoải mái; Nhìn kìa, dế mèn đang thi đấu thật thú vị.

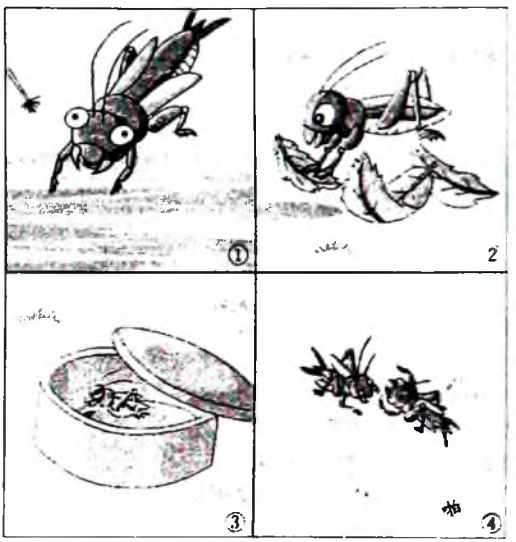

2. Hướng dẫn:

观图明意，抓住蛐蛐外形特征及生活习性的特点展开描述。

Quan sát bức tranh và làm rõ ý nghĩa, nắm bắt đặc điểm ngoại hình và tập tính sinh hoạt của dế mèn để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

qū qu er

蛐蛐儿

wǒ yǒu yì zhī qū qu er quán shēn shēn hè sè yì duì hēi yǎn
我有一只蛐蛐儿，全身深褐色。一对黑眼
jing yì zhāng dà zuǐ ba liǎng gēn chù xū liù tiáo tuǐ liǎng gēn jiān
睛，一张大嘴巴，两根触须，六条腿，两根尖
jiān de wěi ba yàng zi tǐng piào liang rú guǒ nǐ yòng qū qu cǎo zài tā
尖的尾巴，样子挺漂亮。如果你用蛐蛐草在它
de zuǐ ba shang sāo yǎng yang tā jiù lù chū yí fù láo yá hǎo xiàng
的嘴巴上搔痒痒，它就露出一副獠牙，好像
yào gēn nǐ bó dòu
要跟你搏斗。

qū qu er xǐ huan chī zhí wù de jīng hé gēn yǒu shí wǒ men yě gěi
蛐蛐儿喜欢吃植物的茎和根，有时我们也给
tā chī fàn lì tā hǎo xiàng cóng bú shuì jiào měi tiān shàng wǔ chàng de
它吃饭粒。它好像从不睡觉，每天上午唱得
huān xià wǔ hǎn de máng lián wǎn shang yě qū qū de jiào ge bù tíng
欢下午喊得忙，连晚上也“嘟嘟”地叫个不停。
tā zhè yí jiào kě kǔ le wǒ nòng de wǒ zhì shǎo xǐng sān cì bú
它这一叫，可苦了我，弄得我至少醒三次。不
guò zhè jiào shēng shì nà yàng de yuè ěr dòng tīng
过，这叫声是那样的悦耳动听。

měi dāng wǒ hé dì di zuò wán le zuò yè jiù yòng qū qu cǎo wán dòu
每当我和弟弟做完了作业，就用蛐蛐草玩斗
qū qu er nǎ zhī qū qu er yíng le tā jiù huì qū qū de dà
蛐蛐儿。哪只蛐蛐儿赢了，它就会“嘟嘟”地大
jiào wèi zì jǐ gāo gē qìng zhù shū de jiù lián máng niǔ tóu táo páo
叫，为自己高歌庆祝，输的就连忙扭头逃跑，
rè de wǒ men dà xiào qǐ lái
惹得我们大笑起来。

4. Nhận xét:

这篇文章中小作者善于运用拟人化的手法，将蟋蟀的生活习性刻画得细腻生动。

Người viết rất giỏi vận dụng thủ pháp nghệ thuật nhân hóa trong bài văn này, do đó đã khắc họa một cách sinh động và cụ thể tập tính sinh hoạt của dế mèn.

5. Luyện tập:

以《蟋蟀》为题，写篇作文，要求认真观察后，把蟋蟀的生活习性刻画得细腻生动。

Viết một bài văn với tựa đề "Con dế", yêu cầu khắc họa một cách sinh động và cụ thể tập tính sinh hoạt của dế sau khi đã quan sát kỹ.

Bài 9

1. Gợi ý:

仔细观察蚂蚁的身体结构及外部特点，看一看，蚂蚁是如何搬食的。

Quan sát kỹ cấu tạo hình thể và đặc điểm hình dạng bề ngoài của kiến, quan sát xem quá trình kiến tha mồi như thế nào.

2. Hướng dẫn:

抓住蚂蚁外形特征和觅食的特点来进行写作。

Nắm bắt đặc điểm ngoại hình và đặc điểm tha mồi của kiến để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

mǎ yǐ

蚂 蚁

xīng qī tiān wǒ dào huāyuán lǐ guānchá mǎ yǐ

星期天，我到花园里观察蚂蚁。

mǎ yǐ quán shēn hēi hēi de fēn tóu xiōng fù sān gè bù fen

蚂蚁全身黑黑的，分头、胸、腹三个部分。

tóu shang yǒu liǎng gè cháng cháng de chù jiǎo qián mian hái yǒu yì zhāng xiǎo xiǎo

头上有两个长长的触角，前面还有一张小小

de zuǐ ba xiōng liǎng páng gè yǒu sān zhī jiǎo xì xì de cháng cháng

的嘴巴。胸两旁各有三只脚，细细的，长长

de wān wān de fù bù yuán yuán de hǎo xiàng yí gè xiǎo pí qiú

的，弯弯的。腹部圆圆的，好像一个小皮球。

wǒ ná le yì xiǎo kuài bǐng gān fàng zài dì shang yì zhī mǎ yǐ fā

我拿了一小块饼干放在地上，一只蚂蚁发

xiàn le pá shàng qù zhuàn le zhuàn kě tā zěn me yě bān bù dòng

现了，爬上去转了转，可它怎么也搬不动。

zhè kě zěn me bàn ne

这可怎么办呢？

wǒ jǐn dīng zhe mǎ yǐ bú fàng zhǐ jiàn mǎ yǐ fēi kuài de huí dào dòng

我紧盯着蚂蚁不放，只见蚂蚁飞快地回到洞

lǐ guò le yí huì er yì qún mǎ yǐ dōu chū lái le yì qǐ bān zǒu

里。过了一会儿，一群蚂蚁都出来了，一起搬走

le nà kuài bǐng gān

了那块饼干。

xiǎo xiǎo de mǎ yǐ tuán jié qǐ lái lì liang hái tǐng dà de ne

小小的蚂蚁团结起来，力量还挺大的呢！

4. Nhận xét:

文章对蚂蚁的外形特征描写细腻，写了蚂蚁搬运食物，不仅让人有种身临其境的感觉，更使人悟得了团结就是力量的道理。

Bài văn đã miêu tả tỉ mỉ đặc điểm ngoại hình của kiến, miêu tả được quá trình tha mồi của kiến, điều đó không chỉ làm cho mọi người có cảm giác như mình đang đứng trước khung cảnh đó, mà còn làm cho mọi người hiểu được bài học đoàn kết chính là sức mạnh.

5. Luyện tập:

你知道大雁为什么飞行时是一群群，一队队的吗?请学习例文的写法，以《大雁》为题写篇作文。

Bạn có biết tại sao nhạn lại tập hợp thành bầy, thành đội khi bay không? Hãy dựa vào cách miêu tả của Bài mẫu, viết một bài văn với tựa đề "Chim nhạn".

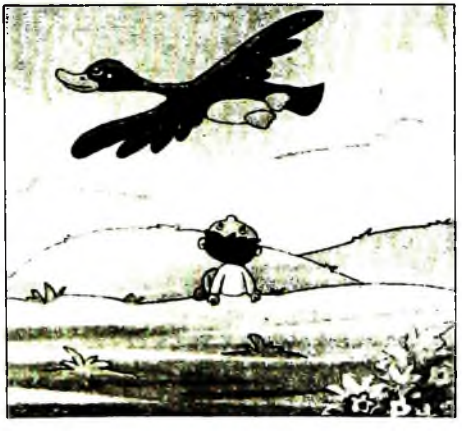

Bài 10

1. Gợi ý:

仔细看梨子的外形，发现其特征，看小主人公是如何品尝梨子的，了解其价值。

Quan sát kỹ ngoại hình của cây lê, phát hiện ra đặc điểm của nó, quan sát xem nhân vật chính thưởng thức lê như thế nào, từ đó tìm hiểu giá trị của nó.

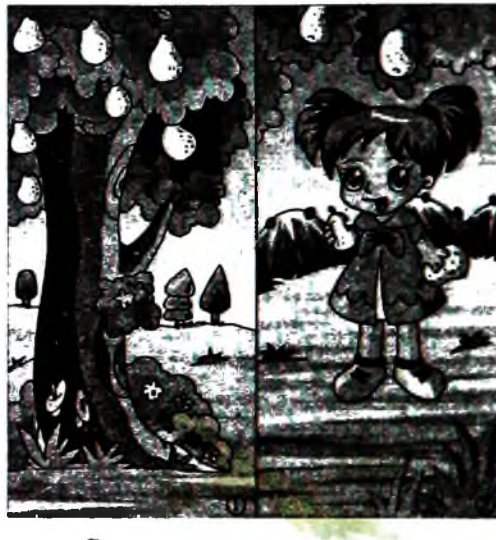

2. Hướng dẫn:

根据图意，抓住梨子的外形特征和药用价值进行写作。

Căn cứ vào ý nghĩa của bức tranh, nắm bắt đặc điểm ngoại hình và giá trị làm thuốc của cây lê để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

jiā xiāng de lí zi

家乡的梨子

wǒ zuì xǐ huan jiā xiāng de lí zi měi dào sān sì yuè fèn lí shù
我最喜欢家乡的梨子。每到三四月份，梨树
jiù kāi chū le yì duǒ duǒ xuě bái xuě bái de xiǎo huā yì gǔ gǔ qīng xiāng
就开出了一朵朵雪白雪白的小花，一股股清香
pū bí ér lái děng dào huā diāo xiè le shù shang jiù guà mǎn le yí gè
扑鼻而来。等到花凋谢了，树上就挂满了一个
gè shuǐ líng líng de lí zi lí zi shì tuǒ yuán xíng de xíng zhuàng dà xiǎo
个水灵灵的梨子。梨子是椭圆形的，形状大小
hé hú lu xiāng si pí shì huáng de dài xiē xiǎo má diǎn nǐ xiāo kāi tā
和葫芦相似。皮是黄的带些小麻点，你削开它
jiù néng kàn jiàn nà xiàng mián huā yí yàng jié bái de guǒ ròu yāo yì kǒu yòu
就能看见那像棉花一样洁白的果肉，咬一口又
xiāng yòu cuì jiào rén yuè chī yuè ài chī lí zi bú xiàng jú zi shí
香又脆，叫人越吃越爱吃。梨子不像桔子、石
liu nà yàng chī le huì shàng huǒ tā jì shì yì zhǒng yíng yǎng fēng fù de
榴那样吃了会上火，它既是一种营养丰富的
shuǐ guǒ yòu shì yì zhǒng qīng rè zhǐ ké de liáng yào jì de yǒu yí cì
水果，又是一种清热止咳的良药。记得有一次，
wǒ ké sou chī yào yě méi hǎo bà ba jiù xiāo le lí zi fàng zài wǎn
我咳嗽，吃药也没好，爸爸就削了梨子放在碗
li jiā shàng bīng táng zài fàng jìn guō li zhēng zhēng shú le gěi wǒ
里，加上冰糖，再放进锅里蒸，蒸熟了给我
chī wǒ chī le zhī hòu ké sou jiù hǎo le
吃。我吃了之后，咳嗽就好了

lí zi bú dàn wèi dao xiān měi ér qiě hái yǒu yào yòng jià zhí wǒ
梨子不但味道鲜美，而且还有药用价值。我
wèi wǒ men jiā xiāng yǒu zhè yàng de tè chǎn ér jiāo ào
为我们家乡有这样的特产而骄傲！

4. Nhận xét:

小作者写了梨子的生长过程及梨子的药用价值。字里行间表达出热爱家乡的思想感情。

Người viết đã thể hiện được quá trình sinh trưởng của cây lê và giá trị làm thuốc của nó. Thể hiện được tư tưởng tình cảm yêu quê hương qua từng câu chữ.

5. Luyện tập:

请了解桔子的生长过程及其作用，学习例文写法，以《桔子》为题，写篇作文。

Tìm hiểu quá trình sinh trưởng của cây quất và công dụng của nó, dựa vào cách miêu tả của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tựa đề "Cây quất".

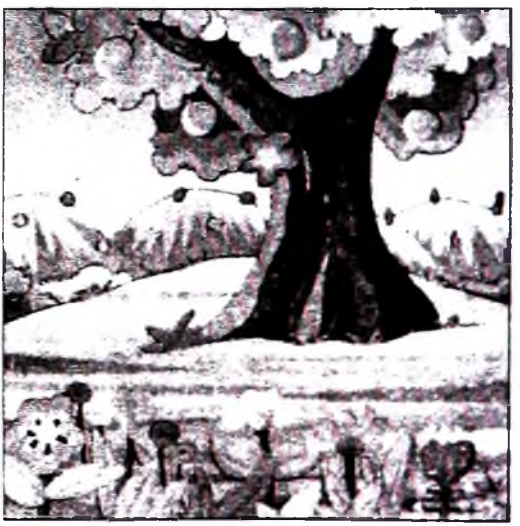

Bài 11

1. Gợi ý:

看草莓的形与色，品草莓的味与香，真叫人馋涎欲滴.

Quan sát hình dạng và màu sắc của quả dâu tây, hương vị khi nếm dâu tây, thật làm cho người ta thèm thuồng.

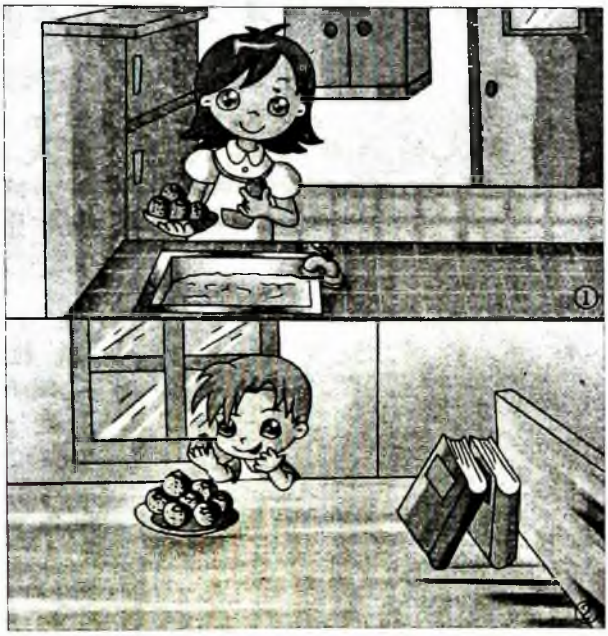

2. Hướng dẫn:

抓住草莓形、色、味等特征进行描写。

Nắm bắt đặc điểm hình dạng, màu sắc, hương vị... để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

cǎo méi
草莓

wǒ zuì xǐ huan chī cǎo méi mā ma cháng zài xià bān shí dài huí cǎo
我最喜欢吃草莓。妈妈常在下班时带回草
méi yòng wēn shuǐ xǐ jìng hòu zhuāng dào pán zi li shuǐ líng líng de zhēn
莓，用温水洗净后装到盘子里，水灵灵的真
jiào rén chán xián yù dī
叫人馋涎欲滴。

měi kē cǎo méi dōu shì mā ma jīng xīn tiāo xuǎn de zuì dà de yǒu wǒ
每颗草莓都是妈妈精心挑选的，最大的有我
de sān gè shǒu zhǐ nà me dà cǎo méi shàng duān jiān jiān de xià duān yuán
的三个手指那么大。草莓上端尖尖的，下端圆
yuán de hěn xiàng xīn de tú àn
圆的，很像“心”的图案。

cǎo méi biǎo miàn qiàn zhe xǔ duō hǎo kàn de xiǎo kē lì xiàng
草莓表面嵌着许多好看的小颗粒，像
hóng bǎo shí xiàng zhī ma dēng long cǎo méi hǎo kàn gèng hǎo chī
红宝石，像芝麻灯笼。草莓好看，更好吃。
tián tián de suān suān de měi jí le
甜甜的，酸酸的，美极了。

mā ma què jí shǎo chī shuō shì chī le yá téng hòu lái wǒ cái míng
妈妈却极少吃，说是吃了牙疼。后来我才明
bai nà shì mā ma tè dì shěng gěi wǒ chī de nà kē kē xǐ de gān
白，那是妈妈特地省给我吃的。那颗颗洗得干
gān jìng jìng de cǎo méi dōu bāo hán zhe mā ma duì wǒ shēn qíng de ài
干净净的草莓都包含着妈妈对我深情的爱。

4. Nhận xét:

小作者抓住了草莓的色，形，味进行描写，写出了草莓独有的特征。

Người viết đã nắm bắt màu sắc, hình dạng và hương vị của quả dâu tây để tiến hành miêu tả, thể hiện được đặc trưng riêng biệt của dâu tây.

5. Luyện tập:

西瓜，大家再熟悉不过了，请你抓住西瓜的色、形、味来写篇作文，题目自拟。

Dưa hấu là loại quả mà mọi người đã quá quen thuộc, bạn cần nắm bắt đặc điểm màu sắc, hình dạng, hương vị của dưa hấu để viết thành bài văn, tự nghĩ tiêu đề.

Bài 12

1. Gợi ý:

认真观察龙眼的外形特征，联系实际状写龙眼的内部结构，并写出品味龙眼的感受。

Quan sát kỹ đặc điểm ngoại hình của quả nhãn, liên hệ với tình hình thực tế rồi mô tả cấu tạo bên trong của quả nhãn, sau đó viết về cảm nhận khi thưởng thức nhãn.

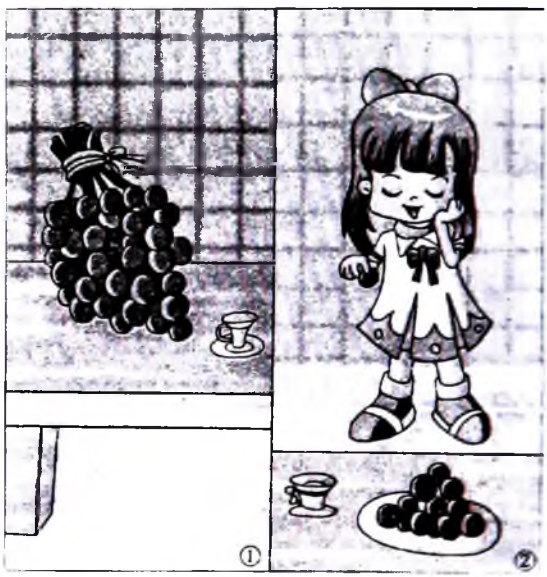

2. Hướng dẫn:

抓住龙眼的形、色、味等特征进行描写。

Nắm bắt đặc điểm hình dạng, màu sắc và hương vị của nhãn để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

lóng yǎn

龙 眼

zhuō miàn shang fàng zhe yì zhá yòng hóng shéng kǔn zhù de lóng yǎn xiàng
桌面上放着一札用红绳捆住的龙眼，像
yí gè gè zōng sè de bō li qiú yòu xiàng yí gè gè xiǎo dēng long
一个个棕色的玻璃球，又像一个个小灯笼。

wǒ kàn zhe zhè me kě ài de lóng yǎn yuè kàn yuè xiǎng chī shēn
我看着这么可爱的龙眼，越看越想吃，伸
shǒu zhāi xià yí gè bāo kāi ké lǐ miàn shì bái sè tòu míng de yì céng
手摘下一个，剥开壳，里面是白色透明的一层
lóng yǎn ròu lǐ miàn de hé yě kàn de jiàn chī jìn zuǐ li gǎn jué
龙眼肉，里面的核也看得见。吃进嘴里，感觉
yòu tián yòu shuǎng kǒu
又甜又爽口。

hé shì zōng hēi sè de , xiàng kē dǒu wǒ wèn mā ma lóng yǎn
核是棕黑色的，像蝌蚪。我问妈妈："龙眼
duō chī yǒu hài ma
多吃有害吗？"

mā ma shuō lóng yǎn yě jiào guì yuán shì hǎo chī de shuǐ guǒ yě
妈妈说："龙眼也叫桂圆，是好吃的水果，也
kě yǐ shài gān bǎo cún lóng yǎn yě shì zī bǔ pǐn zhōng yī shuō tā duì
可以晒干保存。龙眼也是滋补品，中医说它对
shēn tǐ xū ruò de rén yǒu zī bǔ zuò yòng
身体虚弱的人有滋补作用。"

4. Nhận xét:

小作者抓住了龙眼的色、形、味及作用采写，运用了生动的比喻，表达出了小作者对龙眼的喜爱。

Người viết đã nắm bắt được màu sắc, hình dạng, hương vị và công dụng của nhãn để viết, vận dụng lối so sánh sinh động, thể hiện được tình cảm thích thú của người viết đối với nhãn.

5. Luyện tập:

请认真观察荔枝的颜色、形状，品尝它的味道，了解它的作用，学习例文的写法，以《荔枝》为题，写一篇作文。

Hãy quan sát kỹ màu sắc, hình dạng của chùm vải, hương vị khi nếm nó, hiểu được công dụng của nó, dựa vào cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tựa đề "Chùm vải".

Bài 13

1. Gợi ý:

从荷叶到荷花，对每一处都要进行仔细的观察，抓住其特点。

Đối với mỗi bộ phận từ lá sen đến hoa sen, đều phải tiến hành quan sát kỹ để nắm được đặc điểm của chúng.

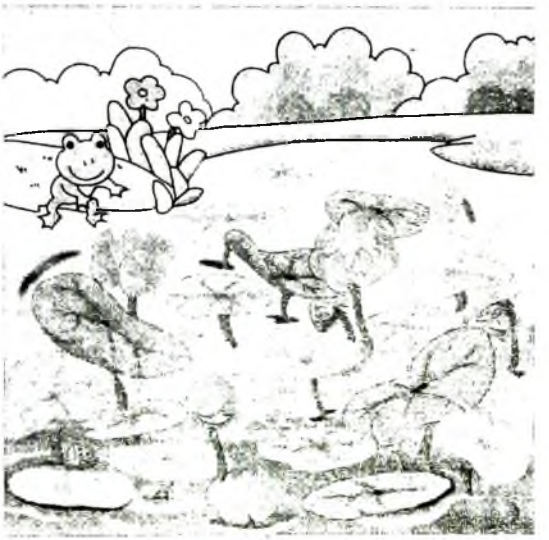

2. Hướng dẫn:

根据图意，抓住池中荷花、荷叶的形态特征，用比喻的手法将其特点形象地展现出来。

Căn cứ vào ý nghĩa của bức tranh, nắm bắt đặc điểm hình dạng của hoa sen và lá sen trong đầm, sử dụng thủ pháp nghệ thuật so sánh để thể hiện một cách hình tượng đặc điểm của chúng.

3. Bài mẫu:

hé huā

荷 花

duō měi de hé huā a zhàn zài hé huā chí qián wǒ qing bù zì
"多美的荷花啊!"站在荷花池前,我情不自
jīn de zàn tàn zhe kàn nà yì chí hé yè yǒu de xiàng yì bǎ bǎ
禁地赞叹着。看,那一池荷叶,有的像一把把
chēng kāi de yǔ sǎn yǒu de xiàng yì gè gè bì lǜ de yuán pán yǒu de
撑开的雨伞,有的像一个个碧绿的圆盘,有的
xiàng yì bǎ bǎ xiǎo shàn zi tòu guò hé yè de kòng xì yì gēn gēn dài
像一把把小扇子。透过荷叶的空隙,一根根带
cì de hé gěng zài shuǐ miàn shang áng shǒu tǐng xiōng hé gěng de dǐng
刺的荷梗在水面上昂首挺胸,荷梗的顶
duān zhuì zhe hé huā hé huā qiān zī bǎi tài yǒu de yǐ jing shèng kāi
端缀着荷花。荷花千姿百态,有的已经盛开,
lù chū jīn huáng de huā ruǐ hé nèn huáng de xiǎo lián peng yǒu de cái zhǎn kāi
露出金黄的花蕊和嫩黄的小莲蓬;有的才展开
liǎng sān piàn huā bàn er kàn shàng qù xiàng měi li de líng bō xiān zǐ yǒu
两三片花瓣儿,看上去像美丽的凌波仙子;有
de hái shi hán bāo yù fàng de huā gū duo er hái yǒu de gāng gāng kāi
的还是含苞欲放的花骨朵儿;还有的刚刚开
fàng què xiàng hài xiū de xiǎo gū niang shi de qiāo qiāo de duǒ zài dà hé
放,却像害羞的小姑娘似的,悄悄地躲在大荷
yè de hòu mian
叶的后面……

wǒ xiǎng jiǎ rú wǒ shì yí gè cì xiù gōng rén néng bǎ zhè yí chí
我想,假如我是一个刺绣工人,能把这一池
hé huā xiù xià lái nà gāi duō hǎo a
荷花绣下来,那该多好啊!

4. Nhận xét:

小作者展开了丰富的想象，巧妙地运用了排比，比喻，拟人的修辞，把那一池荷花活灵活现地展现于读者面前。

Người viết đã tưởng tượng một cách phong phú, vận dụng một cách khéo léo biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, thể hiện một cách sinh động hình ảnh đầm sen trước mắt người đọc.

5. Luyện tập:

充分发挥你的想像力，抓住喇叭花的外形特征，巧妙地运用多种修辞，以《喇叭花》为题，写一篇作文。

Phát huy trí tưởng tượng phong phú của bạn, nắm bắt đặc điểm ngoại hình của cây hoa bìm bìm, vận dụng một cách khéo léo các biện pháp tu từ, hãy viết một bài văn với tựa đề "Hoa bìm bìm".

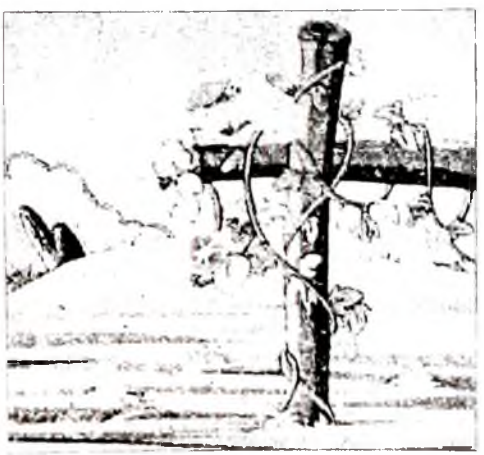

Bài 14

1. Gợi ý:

仔细观察图画，仙人球由开裂被丢弃到重新变绿了，让人竞相观看；可见仙人球生命力是多么顽强。

Quan sát kỹ bức tranh, cây xương rồng từ khi bị nứt và bị vứt bỏ đến lúc nó trở lại màu xanh, làm cho mọi người tranh nhau quan sát, có thể thấy sức sống của xương rồng mạnh mẽ biết bao.

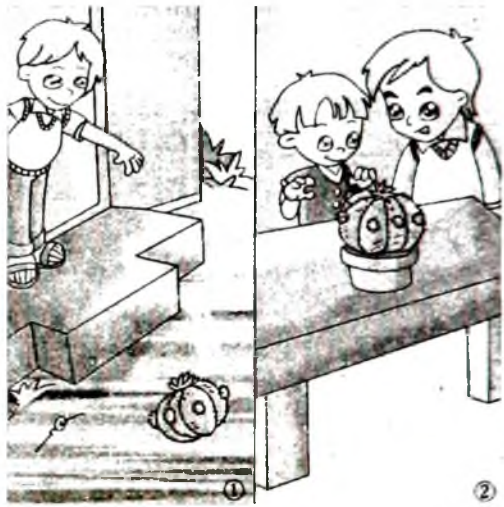

2. Hướng dẫn:

按时间顺序，紧抓仙人球的变化过程，表现其生命力的顽强。

Căn cứ vào thứ tự thời gian, nắm bắt quá trình thay đổi của xương rồng, thể hiện được sức sống mãnh liệt của nó.

3. Bài mẫu:

xiǎo xiǎo xiān rén qiú

小小仙人球

wǒ jiā zāi yǒu yì pén xiān rén qiú yǒu yí duàn shí jiān mā ma wàng
我家栽有一盆仙人球。有一段时间，妈妈忘
le gěi xiān rén qiú jiāo shuǐ hòu lái jì qǐ shí xiān rén qiú dǐng shang
了给仙人球浇水。后来，记起时，仙人球顶上
de hóng qiú yǐ jīng liè kāi le yí dào fèng dōu yǐ wéi xiān rén qiú bù néng
的红球已经裂开了一道缝。都以为仙人球不能
huó le jiù bǎ tā fàng dào qiáng jiǎo bú zài lǐ tā le rán ér
活了，就把它放到墙角，不再理它了。然而，
jīn nián chūn tiān de yí gè zǎo shang wǒ hū rán fā xiàn jī hū bèi rén wàng
今年春天的一个早上，我忽然发现几乎被人忘
le de xiān rén qiú yòu biàn lǜ le qiú shang de fèng yě hé lǒng le wǒ
了的仙人球又变绿了，球上的缝也合拢了。我
lián bèng dài tiào de pǎo dào bà ba miàn qián shuō xiān rén qiú yàu zhǎng chū
连蹦带跳地跑到爸爸面前说："仙人球又长出
lái le quán jiā rén jìng xiāng guān kàn cáng cǐ wǒ gèng jiā xǐ huan
来了！"全家人竟相观看。从此，我更加喜欢
xiān rén qiú le bìng gé jǐ tiān jiù gěi tā jiāo yí cì shuǐ tā dǐng shang
仙人球了，并隔几天就给它浇一次水，它顶上
de qiú yě mànmàn zhǎng dà le
的球也慢慢长大了。

xià tiān xiān rén qiú de hóng sè biàn de gèng nóng le zhēn dòu rén xǐ
夏天，仙人球的红色变得更浓了，真逗人喜
ài tā bù xū yào rén men jīng xīn péi yù jiù néng zhuó zhuàng shēng
爱。它不需要人们精心培育，就能茁壮生
zhǎng zhè zhǒng wán qiáng bù xī de shēng mìng lì zhēn lìng rén jìng pèi
长。这种顽强不息的生命力，真令人敬佩！

4. Nhận xét:

这篇看图作文采用了先抑后扬的写法，点出了仙人球顽强的生命力，表达了作者对仙人球的喜爱之情。

Bài văn này đã lựa chọn cách viết thích hợp để nhấn mạnh sức sống mãnh liệt của xương rồng, thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với cây xương rồng.

5. Luyện tập:

用心观察腊梅，模仿例文的写法，以《腊梅》为题，要写出腊梅那不畏严寒的特性。

Chú ý quan sát cây mai vàng, phỏng theo cách viết của Bài mẫu, cần mô tả được đặc tính không sợ lạnh của cây mai theo tựa đề "Cây mai vàng",

Bài 15

1. Gợi ý:

看清图意，对虎刺梅有顺序地进行认真，细致的观察。

Tìm hiểu kỹ ý nghĩa bức tranh, tiến hành quan sát kỹ và có thứ tự về cây xương rồng bát tiên.

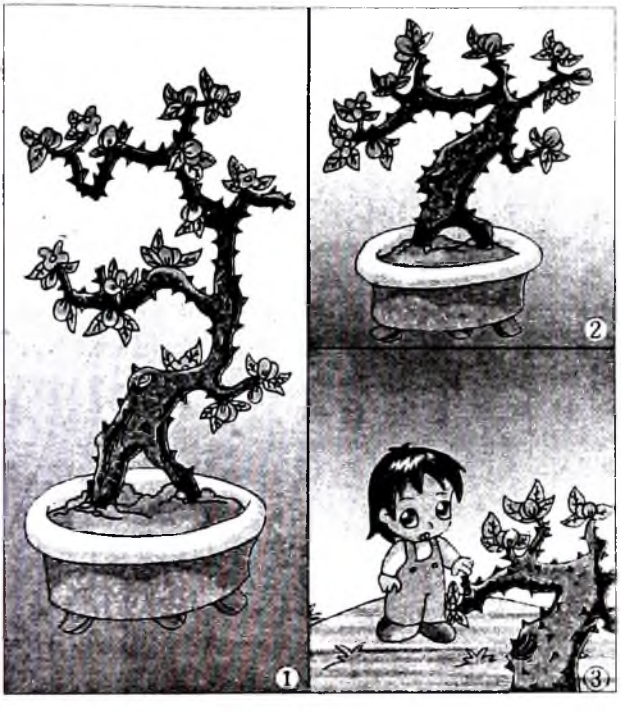

2. Hướng dẫn:

根据图意，应抓住虎刺梅的外形结构特征进行描写。

Căn cứ vào ý nghĩa của bức tranh, cần nắm bắt đặc điểm kết cấu ngoại hình của cây xương rồng bát tiên để miêu tả.

3. Bài mẫu:

hǔ cì méi

虎刺梅

wǒ jiā yǎng le yì pén hǔ cì méi nèn lǜ de yè zi cù yōng zhe xiān
我家养了一盆虎刺梅。嫩绿的叶子簇拥着鲜
yàn de xiǎo hóng huā xiǎn de huó po měi lì tā hún shēn shì cì
艳的小红花，显得活泼、美丽。它浑身是刺，
zhè dà gài jiù shì tā míng chēng de yóu lái ba tuǒ yuán xíng rèn lǜ de yè
这大概就是它名称的由来吧！椭圆形嫩绿的叶
zi zhǎng zài hǔ cì zhōng jiān yè yè chù zhǎng chū xì cháng de huā jīng
子长在虎刺中间。叶腋处长出细长的花茎，
dǐng duān bìng pái kāi zhe liǎng duǒ xiān hóng sè de xiǎo huā měi duǒ xiǎo huā dōu
顶端并排开着两朵鲜红色的小花，每朵小花都
yǒu liǎng piàn biǎn yuán de xiǎo zhǐ jia gài dà xiǎo de huā bàn xiǎo qiǎo líng
有两片扁圆的小指甲盖大小的花瓣，小巧玲
lóng xiàng yí duì duì hóng yī xiǎo wá wa kě ài jí le yǒu shí zài
珑，像一对对红衣小娃娃，可爱极了。有时在
yì duǒ xiǎo huā zhōng jiān yòu zhǎng chū yí duì xīn de huā jīng zài kāi chū
一朵小花中间又长出一对新的花茎，再开出
liǎng duǒ xiǎo huā yì céng yì céng gèng jiā kě ài dòng rén
两朵小花，一层一层，更加可爱动人。

hǔ cì méi zài wǒ de jīng xīn hù hù xià cóng dōng tiān dào chūn
虎刺梅在我的精心呵护下，从冬天到春
tiān bú duàn de kāi chū yì duǒ yòu yì duǒ xiǎo huā tā yòng zì jǐ nà jiāo
天，不断地开出一朵又一朵小花。它用自己那娇
xiǎo de huā bàn zhuāng diǎn zhe wǒ de jiā měi huà zhe wǒ de shēng huó
小的花瓣装点着我的家，美化着我的生活。

4. Nhận xét:

小作者通过观察画面，展开了丰富的联想，运用了比喻，拟人的修辞，写出了“我”对虎刺梅的喜爱。

Người viết thông qua việc quan sát bức tranh, tiến hành liên tưởng phong phú, vận dụng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, thể hiện được tình cảm yêu mến của nhân vật "tôi" đối với cây xương rồng bát tiên.

5. Luyện tập

学习例文的写法，写一篇状物文《夜来香》，着重写出夜来香的形特征以及其默默为人奉献的精神。

Dựa vào cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn tả vật với tiêu đề "Hoa thơm về đêm", trọng tâm mô tả đặc điểm hình dạng của loài hoa tỏa hương về đêm và tinh thần âm thầm cống hiến cho người khác của nó.

Bài 16

1. Gợi ý:

仔细观察图上画的是哪些花?想一想这两幅图分别描写的是哪两个时段的景物?看看早上太阳花的茎，叶的外形特征和中午有什么区别！

Quan sát kỹ trong bức tranh vẽ những loài hoa nào? Suy nghĩ xem cảnh vật được miêu tả trong hai bức tranh là cảnh ở hai thời điểm nào? Quan sát đặc điểm hình dáng của thân và lá hoa hướng dương vào buổi sáng có gì khác với buổi trưa.

2. Hướng dẫn:

根据图画，抓住太阳花在两个时间内各部分的形态、色彩特征进行描写。

Căn cứ vào bức tranh, nắm bắt đặc điểm hình dạng, màu sắc các bộ phận trong hai thời điểm của hoa hướng dương để miêu tả.

3. Bài mẫu:

tài yáng huā

太 阳 花

wǒ jiā zhòng zhe hěn duō tài yáng huā
我 家 种 着 很 多 太 阳 花 。
xiǎo xiǎo de tài yáng huā hóng hóng de huā jīng yòu féi yòu duǎn cóng
小 小 的 太 阳 花 ， 红 红 的 花 茎 又 肥 又 短 ， 从
dǐ xià zhǎng shàng lái jiù fēn chéng le wǔ liù gēn huā jīng shang zhǎng zhe
底 下 长 上 来 就 分 成 了 五 六 根 。 花 茎 上 长 着
lǜ lǜ de yè zi yòu duǎn yòu jiān hái yǒu yì céng bái bái xì xì de
绿 绿 的 叶 子 ， 又 短 又 尖 ， 还 有 一 层 白 白 细 细 的
máo měi yì gēn huā jīng de dǐng duān dōu yǒu yí gè hán bāo yù fàng de huā
毛 。 每 一 根 花 茎 的 顶 端 都 有 一 个 含 苞 欲 放 的 花
gū duo xià mian yuán yuán de shàng mian jiān jiān de hěn xiàng wǒ xiāo
骨 朵 ， 下 面 圆 圆 的 ， 上 面 尖 尖 的 ， 很 像 我 削
de qiān bǐ jiān
的 铅 笔 尖 。
tài yáng huā kāi le yáng guāng xià de tài yáng huā duō me měi lì
太 阳 花 开 了 。 阳 光 下 的 太 阳 花 多 么 美 丽
a yì duō duō tài yáng huā kāi chéng le yí piàn yǒu hóng de yǒu huáng
啊 ！ 一 朵 朵 太 阳 花 开 成 了 一 片 ， 有 红 的 ， 有 黄
de yě yǒu bái de měi duō tài yáng huā dōu yǒu wǔ gè huā bàn shēn
的 ， 也 有 白 的 。 每 朵 太 阳 花 都 有 五 个 花 瓣 ， 伸
zhǎn kāi lái xiàng yuán yuán de xiǎo dié zi huā de zhōng xīn yǒu yì gēn huā
展 开 来 像 圆 圆 的 小 碟 子 。 花 的 中 心 有 一 根 花
zhù zhù tóu shì yí gè xiǎo xiǎo de hóng wǔ xīng huā zhù de páng biān
柱 ， 柱 头 是 一 个 小 小 的 红 五 星 。 花 柱 的 旁 边 ，
wéi zhe xǔ duō huā sī tā men yíng fēng piāo wǔ xuàn lì duō zī
围 着 许 多 花 丝 。 它 们 迎 风 飘 舞 ， 绚 丽 多 姿 。
tài yáng huā zhēn měi ya wǒ xǐ huan tài yáng huā
太 阳 花 真 美 呀 ！ 我 喜 欢 太 阳 花 ！

4. Nhận xét:

小作者认真观察太阳花，分时段地介绍了太阳花的外形特征变化，生动，形象而具体。

Người viết quan sát kỹ hoa dướng dương, phân chia thời điểm giới thiệu sự biến đổi ngoại hình của hoa hướng dương, lời lẽ miêu tả sinh động, hình tượng và cụ thể.

5. Luyện tập:

含羞草是一种非常奇特而有趣的草，请你用自己的笔也来写写含羞草，要抓住其特点来写。

Cây xấu hổ là loại cây rất kỳ lạ và thú vị, bạn hãy dùng ngòi bút của mình để miêu tả cây xấu hổ, cần nắm bắt đặc điểm của nó để miêu tả.

Bài 17

1. Gợi ý:

图上画了一棵什么树，这棵树是什么样子的?主要抓住石榴树的外形(根, 茎, 叶, 花, 果)特征进行仔细观察。

Trong tranh vẽ cây gì, cây này có hình dạng như thế nào? Chủ yếu nắm bắt đặc điểm ngoại hình của cây thạch lựu (rễ, thân, lá, hoa, quả) để tiến hành quan sát tỉ mỉ.

2. Hướng dẫn:

仔细观察石榴树，从春, 夏, 秋三个季节描写石榴树，分别写出在不同季节石榴树的不同特征。

Quan sát kỹ cây thạch lựu, miêu tả cây thạch lựu trong ba mùa xuân, hạ, thu, thể hiện rõ đặc điểm khác nhau của cây thạch lựu trong từng mùa.

3. Bài mẫu:

wǒ xīn ài de shí liu shù

我心爱的石榴树

nǎi nai jiā yuàn zi li de shí liu shù yòu zhǎng gāo le
奶奶家院子里的石榴树又长高了。

chūn tiān, shí liu shù shang zhǎng mǎn le lǜ yè xiàng yì tiáo tiáo
春天，石榴树上长满了绿叶，像一条条

xiǎo yú dòu rén xǐ ài shù gàn xiàng wǎn kǒu yí yàng cū shù zhi shang
小鱼，逗人喜爱。树干像碗口一样粗，树枝上

zhǎng zhe xǔ duō xiǎo cì xià jì zhī yè jiān zuān chū yí gè gè xiǎo huā
长着许多小刺。夏季枝叶间钻出一个个小花

bāo hěn kuài jiù zhāng kāi hóng sè de xiǎo liǎn nà huǒ hóng de huā bàn
苞，很快就张开红色的小脸，那火红的花瓣

zhōng shì mǐ huáng sè de huā ruǐ
中是米黄色的花蕊。

shí liu chéng shú shí lǐ miàn shú tòu de guǒ shí xiàng hóng bǎo shí
石榴成熟时，里面熟透的果实，像红宝石

yí yàng yòu dà yòu yuán de shí liu xiàng yí gè gè hóng dēng long guà zài zhī
一样。又大又圆的石榴像一个个红灯笼挂在枝

tóu bǎo yì bǎ shí liu mǐ fàng dào zuǐ li wèi dao yòu suān yòu tián yì
头。剥一把石榴米放到嘴里，味道又酸又甜，一

zhí tián dào xīn dǐ zhī shuǐ bǎ wǒ yá chǐ dōu rǎn hóng le tīng nǎi nai
直甜到心底，汁水把我牙齿都染红了。听奶奶

shuō shí liu bù jǐn hǎo chī tā de gēn hé pí hái néng zhì bing ne
说，石榴不仅好吃，它的根和皮还能治病呢！

4. Nhận xét:

小作者工笔细描了不同季节中石榴树的形状，写出了石榴树在不同季节的特征。

Người viết đã miêu tả hình ảnh của cây thạch lựu trong các mùa khác nhau, thể hiện được đặc điểm của nó trong từng mùa khác nhau.

5. Luyện tập:

抓住桃树在不同季节的特征，学习例文的写法，以《我心爱的桃树》为题，写一篇作文。

Nắm bắt đặc điểm của cây đào trong các mùa khác nhau, dựa theo cách miêu tả của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tiêu đề "Cây đào yêu quý của tôi".

Bài 18

1. Gợi ý:

看图上画的是一棵什么树，它的杆、叶有哪些特点?按由远及近的顺序去观察。

Hình ảnh trong tranh là cây gì? Thân và lá của nó có những đặc điểm gì? Tiến hành quan sát theo thứ tự từ xa đến gần.

2. Hướng dẫn:

抓住柳树杆, 叶的特征，由远及近描写出柳树的形态。

Nắm bắt đặc điểm của thân và lá của cây liễu, miêu tả hình dạng của cây liễu từ xa đến gần.

3. Bài mẫu:

yǒng liǔ

咏 柳

wǒ hěn xǐ huan liǔ shù xǐ huan tā de róu měi cóng yuǎn chù kàn
我很喜欢柳树，喜欢它的柔美。从远处看，
liǔ shù jiù xiàng yì bǎ jù dà de sǎn gōng rén chéng liáng liǔ shù de yè
柳树就像一把巨大的伞，供人乘凉。柳树的叶
zi xì xì de xiàng gū niang de méi mao liǔ zhī zài wēi fēng chuī fú xià
子细细的，像姑娘的眉毛；柳枝在微风吹拂下
piān piān qǐ wǔ xiàng cháng é cháng cháng de yī xiù wǒ lái dào liǔ shù
翩翩起舞，像嫦娥长长的衣袖。我来到柳树
xià zhāi xià yí piàn yè zi wén dào yì lǚ dàn dàn de qīng xiāng wǒ
下，摘下一片叶子，闻到一缕淡淡的清香。我
tū rán xiǎng qǐ le yǔ wén kè shang lǎo shī jiāo wǒ men de yì shǒu táng shī
突然想起了语文课上，老师教我们的一首唐诗
yǒng liǔ bì yù zhuāng chéng yì shù gāo wàn tiáo chuí xià lǜ sī
《咏柳》："碧玉妆成一树高，万条垂下绿丝
tāo bù zhī xì yè shuí cái chū èr yuè chūn fēng sì jiǎn dāo
绦，不知细叶谁裁出，二月春风似剪刀。"
ò chūn fēng shū zhǎn le liǔ shù yōu měi de shēn zī yòng tā zhuāng
哦，春风舒展了柳树优美的身姿，用它装
diǎn le měi li de chūn tiān
点了美丽的春天。

4. Nhận xét:

这篇文章由整体到局部写柳树，展开了丰富的想象，抓住了柳树柔美的特点，描写得婀娜多姿。

Bài văn này miêu tả cây liễu từ bao quát đến cụ thể, phát huy trí tưởng tượng phong phú, nắm bắt đặc điểm mềm mại đẹp mắt của cây liễu, miêu tả một cách sinh động, thướt tha yểu điệu.

5. Luyện tập:

学习例文的写法，试以《咏松》为题，写篇作文，要求抓住松树挺拔的特点，展开丰富的想象。

Dựa vào cách miêu tả của Bài mẫu, thử viết một bài văn với tiêu đề "Vịnh cây tùng", yêu cầu nắm bắt đặc điểm thẳng tắp của cây tùng, phát huy trí tưởng tượng phong phú.

Bài 19

1. Gợi ý

a，看，图上画的是一棵什么植物？

Quan sát xem trong tranh vẽ cây gì?

b，认真观察藜蒿的形，色，细细地品味藜蒿的食用特点。

Quan sát kỹ hình dạng, màu sắc của cây rau ngải, suy nghĩ kỹ đặc điểm dùng để ăn của rau ngải.

2. Hướng dẫn:

仔细观图，抓住藜蒿形态特征及食用特点，用优美的语言文字将它描述出来。

Quan sát kỹ bức tranh, nắm bắt đặc điểm hình dạng và đặc điểm dùng làm thức ăn của rau ngải, sử dụng ngôn từ và câu chữ hoa mỹ để miêu tả nó.

3. Bài mẫu:

lí hāo

藜 蒿

lí hāo shì yì zhǒng yě cǎo kě yǐ zuò cài zhè zhǒng bù qǐ yǎn
藜蒿是一种野草，可以做菜，这种不起眼
de yě cǎo kě hǎo chī ne dāng chūn tiān dào lái de shí hou jiāo wài de
的野草可好吃呢！当春天到来的时候，郊外的
gōu biān zhǎng mǎn le gè zhǒng zá cǎo lí hāo yě jiā zá qí zhōng zhè
沟边长满了各种杂草，藜蒿也夹杂其中，这
shí zhèng shì chī lí hāo de jì jié xiān nèn de lí hāo shì shēn lǜ sè
时正是吃藜蒿的季节。鲜嫩的藜蒿是深绿色
de yè zi bèi miàn zhǎng zhe xì mì de bái róng máo rú guǒ lí hāo
的，叶子背面长着细密的白绒毛。如果藜蒿
lǎo le tā de jīng jiù biàn chéng qiǎn lǜ sè bìng qiě fā bái zhè shí
老了，它的茎就变成浅绿色，并且发白，这时
lí hāo jiù bù hǎo chī le lí hāo de chī fǎ duō zhǒng duō yàng bú guò
藜蒿就不好吃了。藜蒿的吃法多种多样，不过
rén men zuì xǐ ài de chī fǎ jiù shì liáng bàn le bǎ mǎi huí de xiān nèn
人们最喜爱的吃法就是凉拌了。把买回的鲜嫩
de lí hāo zhāi diào yè zi qù gēn bìng xǐ jìng jiāng shuǐ shāo kāi bǎ
的藜蒿摘掉叶子，去根并洗净，将水烧开，把
xǐ jìng de lí hāo fàng jìn qù shāo zhǔ piàn kè zài jiāng lí hāo lāo qǐ
洗净的藜蒿放进去，稍煮片刻，再将藜蒿捞起，
chèn rè jiāng qiē suì de jiāng jiàng yóu wèi jīng yán má yóu děng zuǒ
趁热将切碎的姜、酱油、味精、盐、麻油等佐
liào yǔ lí hāo bàn yún jí kě shí yòng liáng bàn de lí hāo huá nèn kě
料与藜蒿拌匀，即可食用。凉拌的藜蒿滑嫩可
kǒu wǒ tè bié ài chī
口，我特别爱吃。

4. Nhận xét:

这篇文章详细而具体地介绍了藜蒿的形态特征和食用特点，给我们带来了美的享受。

Bài văn này đã giới thiệu một cách tỉ mỉ, cụ thể đặc điểm hình dạng và đặc điểm dùng làm thức ăn của rau ngải.

5. Luyện tập:

你一定接触过不少植物，那些植物都特征各异，请你以《菊花》为题写篇作文，要写出它独有的特征来。

Chắc chắn bạn đã từng tiếp xúc với rất nhiều loài thực vật, loài thực vật nào cũng có đặc điểm riêng, bạn hãy viết một bài văn với tiêu đề "Hoa cúc", và phải thể hiện được đặc điểm riêng biệt của nó.

Bài 20

1. Gợi ý:

看杂草丛中那一株顺墙而上的植物的生命力多么顽强，你知道它叫什么吗?再看，它的叶子是什么形状的?它的茎和根分别又有哪些特点呢?

Hãy xem sức sống của loài thực vật thân leo mới mạnh mẽ làm sao, bạn biết nó tên là gì không? Tiếp tục quan sát, lá của nó có hình dạng như thế nào? Thân và rễ của nó có những đặc điểm gì khác biệt?

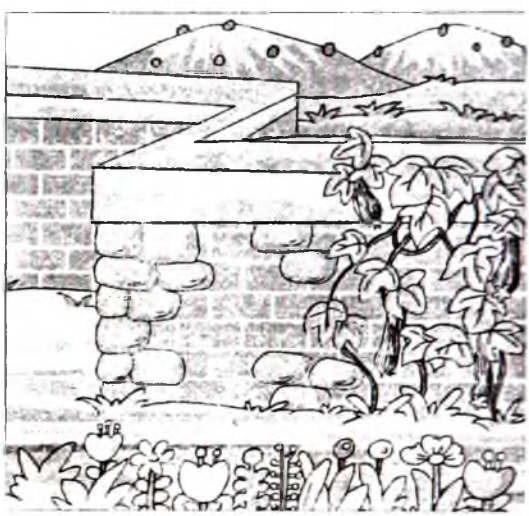

2. Hướng dẫn:

根据图意，抓住丝瓜无架也可向上爬的特点进行描述。结尾可托物言志，升华主题。

Căn cứ vào ý nghĩa của bức tranh, nắm bắt đặc điểm không cần giàn mà cũng leo lên được của cây

mướp để tiến hành miêu tả. Phần kết có thể nói lên ý nghĩa thông qua sự vật để nếu bật chủ đề.

3. Bài mẫu:

sī guā

丝 瓜

wǒ men jiā hòu yuàn zhòng le yí piàn sī guā bù ba méi yǒu gěi sī
我们家后院种了一片丝瓜。爸爸没有给丝
guā dā jià zi shuō sī guā zì jǐ huì xiàng shàng zhǎng de
瓜搭架子，说："丝瓜自己会向上长的。"

yì tiān wǒ fā xiàn hòu yuàn zhǎng mǎn le zá cǎo xiǎng kàn kàn sī
一天，我发现后院长满了杂草，想看看丝
guā hái zài bú zài hū rán bèi shén me bàn le yí xià yǎn qián yí liàng
瓜还在不在，忽然被什么绊了一下，眼前一亮，
shì sī guā téng shang yǐ zhǎng le xǔ duō lǜ yè
是丝瓜！藤上已长了许多绿叶。

bàn gè yuè hòu wǒ qǐ lái chén dú hū rán kàn dào yòu lǜ yòu nèn
半个月后，我起来晨读，忽然看到又绿又嫩
de sī guā téng yǐ jīng shùn zhe qiáng pá dào le chuāng qián wēi fēng chuī
的丝瓜藤已经顺着墙爬到了窗前，微风吹
guò piàn piàn lǜ yè bù tíng de xiàng wǒ zhāo shǒu wǒ xiǎng sī guā
过，片片绿叶不停地向我招手。我想：丝瓜
zhè zhǒng zhā gēn ní tǔ yí bù yí bù xiàng shàng pān dēng de jīng shén
这种扎根泥土，一步一步向上攀登的精神，
bú zhèng shì wǒ men suǒ xū yào de ma
不正是我们所需要的吗？

4. Nhận xét:

这篇看图作文采用了先抑后扬的写法赞美了丝瓜扎根泥土，一步一步向上攀的精神。

Bài văn này chọn cách miêu tả thích hợp để ca ngợi tinh thần bám rễ xuống lòng đất, từng bước leo lên của cây mướp.

5. Luyện tập:

生活中，我们经常也可见到像丝瓜那样扎根泥土，一步步向上攀登的植物，试选取一种植物写篇作文，题目自拟。

Trong cuộc sống, chúng ta thường xuyên nhìn thấy những loài thực vật bám rễ xuống lòng đất và từng bước leo lên như cây mướp, hãy chọn một loài thực vật để viết thành bài văn, tự nghĩ tiêu đề.

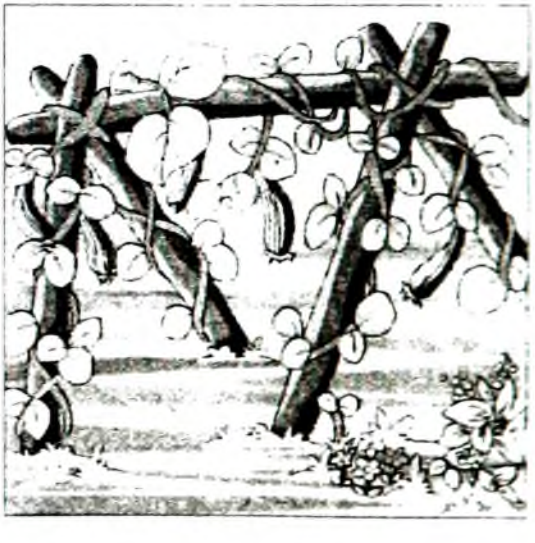

Bài 21

1. Gợi ý:

a, 卡通猫型的小闹钟多可爱！

Chiếc đồng hồ báo thức nhỏ hình chú mèo hoạt hình trông thật đáng yêu!

b, 仔细观察卡通猫形小闹钟的外形特征，想象小闹钟如何催小主人公起床的情景和怎样督促他学习的。

Quan sát kỹ đặc điểm bên ngoài của chiếc đồng hồ nhỏ hình chú mèo hoạt hình, tưởng tượng cảnh chiếc đồng hồ báo thức thúc giục nhân vật chính thức dậy và thôi thúc cậu học bài như thế nào?

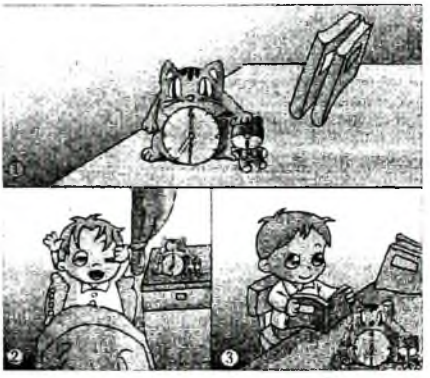

2. Hướng dẫn:

根据图意，从小闹钟的外形特征和使用功能两方面来写亲密小伙伴——小闹钟。同时应注意，写作时应紧扣“亲密”二字展开(主要表现在催“我”起床，督促“我”学习两个方面)。

Căn cứ vào ý nghĩa của bức tranh, từ hai phương diện đặc điểm ngoại hình và công dụng của chiếc đồng hồ để miêu tả về người bạn nhỏ thân thiết - chiếc đồng hồ báo thức. Đồng thời chú ý, khi miêu tả cần nhấn

mạnh hai chữ "thân thiết" (chủ yếu thể hiện về hai phương diện thúc giục nhân vật "tôi" thức dậy và thôi thúc nhân vật "tôi" học bài).

3. Bài mẫu:

xiǎo nào zhōng

小 闹 钟

qián nián dà bó sòng gěi wǒ yí gè fēi cháng shí yòng de shēng rì
前年，大伯送给我一个非常实用的生日
lǐ wù xiǎo nào zhōng zào xíng shì gè kǎ tōng māo yǒu shí jǐ lí
礼物——小闹钟。造型是个卡通猫，有十几厘
mǐ gāo chuān zhe tiān lán sè de chèn yī hé hóng sè de bèi dài kù tā
米高，穿着天蓝色的衬衣和红色的背带裤。它
de dù pí shì yuán yuán de zhōng pán tòu guò bō li kě yǐ kàn dào gè
的肚皮是圆圆的钟盘，透过玻璃可以看到12个
cǎi sè de shù zì shí zhēn fēn zhēn miǎo zhēn sān gè xiōng dì nǐ zhuī
彩色的数字。时针、分针、秒针三个兄弟你追
wǒ gǎn yí kè bù tíng de zǒu zhe pǎo zhe
我赶，一刻不停地走着、跑着。

měi tiān wǎn shang wǒ bǎ nào líng dìng zài shí dǐ èr tiān zǎo
每天晚上，我把闹铃定在6时。第二天早
shang tā zhǔn shí fā chū lǎn cháng qǐ chuáng lǎn cháng qǐ chuáng
上，它准时发出“懒虫起床，懒虫起床……”
lián xù ér yōu mò de jiào shēng wǒ mǎ shàng qǐ chuáng chuān yī fu bǎ
连续而幽默的叫声。我马上起床 穿衣服，把
xiǎo māo tóu shang de àn niǔ xiàng xià yí àn tā jiù hěn yǒu lǐ mào de
小猫头上的按钮向下一按，它就很有礼貌地
shuō zǎo shang hǎo wǒ tīng le xīn li tián mi mi de yǒu le
说：“早上好。”我听了，心里甜蜜蜜的。有了
xiǎo nào zhōng wǒ cóng méi yǒu chí dào guò
小闹钟，我从没有迟到过。

4. Nhận xét:

小作者介绍了小闹钟的来历，造型，颜色和发出的声响，表达出了小作者对小闹钟的喜爱之情。

Người viết đã giới thiệu lai lịch, hình dạng, màu sắc và âm thanh phát ra của chiếc đồng hồ báo thức, thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với nó.

5. Luyện tập:

一只并不起眼的钢笔却对我们的学习有很大的帮助，请以《我的钢笔》为题，写篇作文。写作时，要写出它的外形，功能及其对“我”的帮助。

Một chiếc bút máy lại có sự giúp đỡ rất lớn đối với việc học tập của chúng ta, hãy viết một bài văn với tựa đề "Chiếc bút máy của tôi". Khi viết, cần mô tả được hình dạng, công dụng và sự trợ giúp của nó đối với nhân vật "tôi".

Bài 22

1. Gợi ý:

"圣诞老人"头戴桔红帽子，身穿红色衣服，腰扎绸带，多漂亮!特别是"圣诞老人"的那种神情，真有趣！

Trên đầu "ông già Noel" đội chiếc mũ màu đỏ, trên người mặc bộ quần áo màu đỏ, lưng thắt chiếc đai lụa trông thật đẹp! Đặc biệt là nét mặt của "ông già Noel", thật là thú vị!

2. Hướng dẫn:

写作时应紧扣文题"有趣"二字，抓住"圣诞老人"的外形特征及神态特点，用拟人化的手法进行描述。

Khi miêu tả cần bám sát hai chữ "thú vị" của đề văn, nắm bắt đặc điểm ngoại hình và nét mặt của "ông

già Noel", sử dụng thủ pháp nhân hóa để tiến hành miêu tả.

3. Bài mẫu:

shèng dàn lǎo rén

"圣诞老人"

zài wǒ de xǔ duō wán jù zhōng wǒ zuì xǐ huan de shì shèng dàn lǎo
在我的许多玩具中，我最喜欢的是"圣诞老
rén tā tóu shang dài zhe yì dǐng jú hóng sè de mào zi mào zi jiān jiān
人"。他头上戴着一顶桔红色的帽子，帽子尖尖
de hǎo xiàng yí gè xiǎo lǎ ba tā chuān zhe hóng sè de yī fu yāo
的，好像一个小喇叭。它穿着红色的衣服，腰
zā chóu dài tè bié shén qì
扎绸带，特别神气。

tā zhēng zhe dà dà de yǎn jing zuǐ ba biě chéng yì tiáo xiàn shǐ
他睁着大大的眼睛，嘴巴瘪成一条线，使
rén yí jiàn jiù huì rěn bú zhù fā xiào zuì yǒu qù de hái shi tā nà
人一见，就会忍不住发笑。最有趣的还是它那
yuán yuán de bí zi zhǐ yào qīng qīng yí àn tā jiù lè hē hē de xiào
圆圆的鼻子，只要轻轻一按，它就乐呵呵地笑
qǐ lái shǒu yě shàng xià bù tíng de bǎi dòng dòu de wǒ yě gēn zhe tā
起来，手也上下不停地摆动，逗得我也跟着他
fā xiào
发笑。

wǒ ài wǒ de shèng dàn lǎo rén tā gěi wǒ dài lái le xǔ duō
我爱我的"圣诞老人"，它给我带来了许多
huān lè
欢乐。

4. Nhận xét:

文章对"圣诞老人"的描写细致而具体，让人看后就爱上了它。字里行间传达出了小作者对"圣诞老人"的喜爱之情。

Bài văn miêu tả một cách tỉ mỉ và cụ thể hình ảnh "ông già Noel", làm cho mọi người cảm thấy yêu mến ngay sau khi quan sát. Thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với "ông già Noel" trong từng câu chữ.

5. Luyện tập:

学习例文的写法，以《我心爱的布娃娃》为题，写篇作文，要突出"心爱"字。

Dựa vào cách miêu tả của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tựa đề "Búp bê yêu quý của tôi", cần làm nổi bật từ "yêu quý".

Bài 23

1. Gợi ý:

a, 你知道这是一个什么玩具吗？

Bạn biết đây là đồ chơi gì không?

b, 抓住"小鳄鱼"的外形特点来观察，从整体到部分的顺序来观察。

Nắm bắt đặc điểm ngoại hình của "chú cá sấu nhỏ" để quan sát, tiến hành quan sát theo thứ tự từ bao quát đến cụ thể.

2. Hướng dẫn:

先写出小鳄鱼的来历，再介绍它的外形，最后讲述它的作用。写小鳄鱼的外形，应紧扣其特点来写，主要从尾巴, 鳞甲, 嘴巴, 眼睛, 爪子等方面来刻画。

Trước tiên kể về lai lịch của chú cá sấu nhỏ, sau đó giới thiệu dáng vẻ bên ngoài của nó, cuối cùng kể về tác dụng của nó. Khi miêu tả dáng vẻ bên ngoài của nó cần phải thâu tóm được đặc điểm của nó để miêu tả, chủ yếu là khắc họa hình ảnh của các bộ phận như đuôi, lớp da sừng, miệng, mắt, móng,...

3. Bài mẫu:

xiǎo è yú

小鳄鱼

qián bù jiǔ bà ba gěi wǒ mǎi le yi gè wán jù xiǎo è yú xiǎo
前不久，爸爸给我买了一个玩具小鳄鱼。小
è yú de yàng zi zhēn shi chǒu tā yǒu cháng cháng de jù chǐ yàng de wěi
鳄鱼的样子真是丑。它有长长的锯齿样的尾
ba shēn shang pī zhe lǜ sè de lín jiǎ zhāng zhe xuè pén dà kǒu kǒu
巴，身上披着绿色的鳞甲，张着血盆大口，口
li hái zhǎng mǎn le dà yá yǎn jing gū gū de xiàng yí duì dà dēng
里还长满了大牙，眼睛鼓鼓的，像一对大灯
pào sì zhī zhuǎ zi yòu jiān yòu lì kě yǐ xiǎng xiàng tā zài hé li bǔ
泡，四只爪子又尖又利。可以想象它在河里捕
shí qí tā dòng wù shí shì duō me kuài sù líng huó xiōng měng a
食其它动物时是多么快速、灵活、凶猛啊！

bà ba gào su wǒ è yú suī rán hěn xiōng cán dàn duì bǎo chí shēng
爸爸告诉我：鳄鱼虽然很凶残，但对保持生
tài píng héng què qǐ zhe hěn zhòng yào de zuò yòng ér qiě è yú pí yě
态平衡却起着很重要的作用；而且鳄鱼皮也
hěn yǒu yòng kě yǐ zuò pí jù wǒ de wán jù xiǎo è yú zuì dà de
很有用，可以做皮具。我的玩具小鳄鱼最大的
zuò yòng shi zài wǒ xīn qíng bù hǎo shí ràng wǒ dǎ de wā wā jiào
作用是在我心情不好时，让我打得“哇哇”叫。
chū le qì wǒ jiù kě yǐ gāo gāo xìng xìng zuò zuò yè le
出了气，我就可以高高兴兴做作业了。

wǒ xǐ huan wǒ [illegible] jù xiǎo è yú
我喜欢我的玩具小鳄鱼！

4. Nhận xét:

小作者写了玩具小鳄鱼的来历，样子及其作用来表现“我”对小鳄鱼的喜爱之情。

Người viết đã kể về lai lịch, hình dạng và tác dụng của chú cá sấu đồ chơi, từ đó thể hiện được tình cảm yêu mến của nhân vật "tôi" đối với chú cá sấu nhỏ.

5. Luyện tập:

从没领略过真正的战场风云的我们，对小汽枪是那么的感兴趣。学习例文的写法，请以《我心爱的小汽枪》为题，写篇作文。

Chúng ta chưa nhận thức được về những sóng gió của một chiến trường thực sự, cho nên mới có sự hào hứng như vậy đối với súng hơi nước. Dựa vào cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tựa đề "Khẩu súng đáng yêu của tôi".

Bài 24

1. Gợi ý:

这个玩具是什么?我们可以采用从上到下的顺序认真观察胖丁的每一处。

Đồ chơi này là gì? Chúng ta có thể tiến hành quan sát tỉ mỉ từng bộ phận của Pokemon theo thứ tự từ trên xuống dưới.

2. Hướng dẫn:

仔细观察小胖丁的身体, 脑袋, 头发, 眼睛, 耳朵等，围绕"喜爱"二字，展开丰富的想象，运用合理的修辞，描写一个可爱的小胖丁。

Quan sát kỹ hình thể, đầu, tóc, mắt, tai,... xoay quanh từ "yêu mến", phát huy trí tưởng tượng phong phú, vận dụng biện pháp tu từ hợp lý để miêu tả một Pokemon đáng yêu.

3. Bài mẫu:

pàng dīng
胖 丁

wǒ zuì xǐ huan de wán jù shì pàng dīng tā de shēn tǐ shì fěn hóng
我最喜欢的玩具是胖丁。他的身体是粉红
sè de nǎo dai shang liú zhe yì cuō cháng cháng de tóu fa dà dà de yǎn
色的，脑袋上留着一撮长长的头发，大大的眼
jing lǎo shì hào qí de dīng zhe nǐ hǎo xiàng xiǎng zhī dào nǐ yào gàn shén me
睛老是好奇地盯着你，好像想知道你要干什么。
yì zhāng wēi xiào de xiǎo zuǐ kàn shàng qù xiàng zhòng le jiǎng yí yàng
一张微笑的小嘴，看上去像中了奖一样
gāo xìng tā de ěr duo jiān jiān de xiàng shì zài liú xīn tīng nǐ shuō huà
高兴。他的耳朵尖尖的，像是在留心听你说话，
yàng zi jì huá jì yòu kě ài
样子既滑稽又可爱。
pàng dīng de shēn tǐ yòu yuán yòu pàng jiān zhí xiàng gè pí qiú tā
胖丁的身体又圆又胖，简直像个皮球。他
de shǒu yòu duǎn yòu xiǎo jiǎo què cháng cháng de hǎo wán ba
的手又短又小，脚却长长的，好玩吧？
yóu yú pàng dīng hěn kě ài suǒ yǐ wǒ hěn xǐ huan tā měi tiān hái
由于胖丁很可爱，所以我很喜欢他，每天还
gěi tā xǐ zǎo huàn yī fu ne
给他洗澡、换衣服呢！

4. Nhận xét:

小作者对胖丁的描写细致而具体，介绍时融进了自己的想象及合理的修辞，字里行间流露出小作者的喜爱之情。

Người viết đã miêu tả tỉ mỉ và cụ thể về Pokemon, khi giới thiệu đã kết hợp với tư tưởng của mình và biện pháp tu từ hợp lý, thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với Pokemon trong từng câu chữ.

5. Luyện tập:

请以《卡通娃娃》为题，写一篇作文。

Hãy viết một bài văn với tiêu đề "Búp bê hoạt hình".

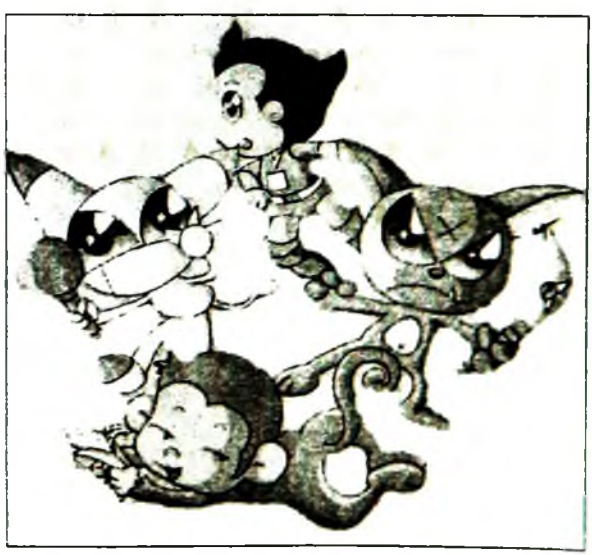

Bài 25

1. Gợi ý:

妈妈一针一线地在仔细缝小手形状玩具，缝好后将它挂在门边墙上，多惹人喜欢!请你认真观察图画，看两幅图之间有什么联系。

Mẹ đang tỉ mỉ may đồ chơi hình chiếc găng tay, sau khi may xong treo nó ở trên tường bên cửa sổ, làm cho mọi người rất thích thú! Hãy quan sát kỹ bức tranh, xem giữa hai bức tranh này có mối liên hệ gì.

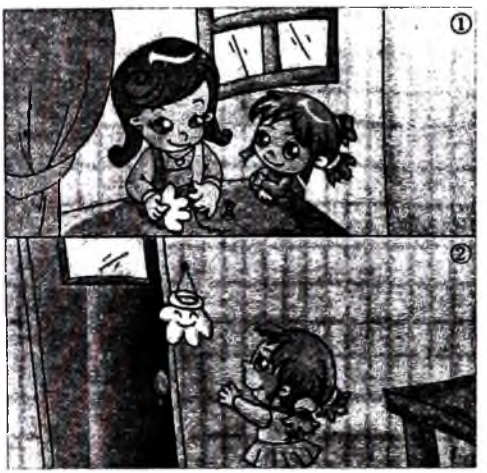

2. Hướng dẫn:

根据图画，抓住妈妈缝小手形状玩具的过程，进行具体地叙述，结尾处应照应文题 "心爱"二字。

Căn cứ vào bức tranh, nắm bắt quá trình mẹ may đồ chơi hình chiếc găng tay, tiến hành kể lại một cách cụ thể, phần kết bám sát từ "đáng yêu" của đề văn.

3. Bài mẫu:

wǒ xīn ài de wán jù

我心爱的玩具

wǒ yǒu hěn duō wán jù dàn wǒ zuì xīn ài de wán jù bú shì mǎi
我有很多玩具，但我最心爱的玩具，不是买
de yě bú shì bié rén sòng de shì wǒ hé mā ma yì qǐ zuò de
的，也不是别人送的，是我和妈妈一起做的。
nà shì yí gè xīng qī tiān wǒ hé mā ma zài xiū xi mā ma shuō
那是一个星期天，我和妈妈在休息，妈妈说：
wǒ men lái zuò yí gè wán jù wǒ gāo xìng de shuō hǎo mā
“我们来做一个玩具。”我高兴地说：“好！”妈
ma ná lái yí kuài bù shì huáng sè de tā xiān zài bù de hòu mian huà
妈拿来一块布，是黄色的。她先在布的后面画
shàng yi zhī xiǎo shǒu de xíng zhuàng zài yòng jiǎn dāo jiǎn liǎng kuài dà xiǎo yí
上一只小手的形状，再用剪刀剪两块大小一
yàng de xiǎo shǒu xíng zhuàng yòng zhēn yán zhe bù biān féng hǎo liú xià
样的小手形状，用针沿着布边缝好，留下
yí gè xiǎo kǒu zi bǎ mián huā yi diǎn yi diǎn sāi jìn qù sāi hǎo zhī
一个小口子，把棉花一点一点塞进去，塞好之
hòu bǎ xiǎo kǒu féng shàng yí gè pàng pàng de xiǎo shǒu jiù zuò hǎo le
后，把小口缝上，一个胖胖的小手就做好了。
mā ma bǎ xiǎo shǒu guà zài mén biān de qiáng shang wǒ chū mén de shí hou
妈妈把小手挂在门边的墙上。我出门的时候，
tā hǎo xiàng zài gēn wǒ huī shǒu shuō zài jiàn wǒ huí jiā de shí hou
它好像在跟我挥手说：“再见。”我回家的时候，
tā yòu hǎo xiàng zài shuō hāi huān yíng nǐ huí jiā zhè zhī xiǎo shǒu
它又好像在说：“嗨，欢迎你回家！”这只小手
yòu kě ài yòu hǎo wán yòu shì wǒ hé mā ma yì qǐ zuò de suǒ yǐ tā
又可爱又好玩，又是我和妈妈一起做的，所以它
shì wǒ zuì xīn ài de wán jù
是我最心爱的玩具。

4. Nhận xét:

小作者写了玩具的来历及其制作过程，同时，还赋予玩具小手以人的态度，语言亲切自然。

Người viết đã kể về lai lịch và quá trình làm đồ chơi, đồng thời còn gán cho chiếc găng tay đồ chơi nhỏ một tâm thái như con người, lời lẽ miêu tả thân mật, tự nhiên.

5. Luyện tập:

你的心爱之物是什么?学习例文写法，请以《我的小皮球》为题，写一篇短文。

Đồ vật mà bạn yêu thích là gì? Dựa theo cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn ngắn với tiêu đề "Quả bóng của tôi".

Bài 26

1. Gợi ý:

图上画着一个地球仪，球身五颜六色，国名地名密密麻麻，线条纵横交错。世界各国全都集中一个小小的地球仪上。仔细观察图画，看看蓝色表示的是什么?褐色表示的是什么?绿色表示的又是什么?找一找我们伟大的祖国，找一找我们的家乡。

Trong bức tranh vẽ một quả địa cầu, trên bề mặt quả địa cầu có muôn màu sắc, tên đất, tên nước dày đặc, các đường ngang dọc đan xen lẫn nhau. Tất cả các nước trên thế giới đều tập trung trên quả địa cầu nhỏ này. Quan sát kỹ bức tranh, nhìn xem màu xanh lam thể hiện điều gì? Màu vàng sẫm thể hiện điều gì? Màu xanh lá cây thể hiện điều gì? Hãy tìm đất nước và quê hương của chúng ta.

2. Hướng dẫn:

认真观察地球仪，先具体介绍地球仪所反映的内容，然后展开想象，描述此文。描述时，注意做到详略得当，对地球仪的形状应略写，对地球仪所反映的内容应详写。

Quan sát kỹ quả địa cầu, trước tiên giới thiệu cụ thể nội dung phản ánh của quả địa cầu, sau đó tiến

hành tưởng tượng và miêu tả. Khi miêu tả, chú ý miêu tả tỉ mỉ hoặc sơ lược sao cho phù hợp, cần miêu tả sơ lược về hình dạng của quả địa cầu, miêu tả kỹ nội dung được phản ánh của quả địa cầu.

3. Bài mẫu:

dì qiú yí

地球仪

qiáo wǒ men bān jiǎng tái shang bǎi zhe yí gè piào liang de dì qiú yí
瞧！我们班讲台上摆着一个漂亮的地球仪。

qiú shēn wǔ yán liù sè hè sè de shì gāo shān lán sè de shì hǎi
球身五颜六色，褐色的是高山，蓝色的是海

yáng lǜ sè de shì píng yuán dì qiú yí shang zuì duō de yào shù jīng wěi
洋，绿色的是平原。地球仪上最多的要数经纬

xiàn hé guó míng dì míng jiāo tōng xiàn jí gè xiàng shù jù le tā men
线和国名、地名、交通线及各项数据了。它们

mì mi má má guī gui jǔ jǔ de pái liè zài qiú shēn shang
密密麻麻、规规矩矩地排列在球身上。

zài dì qiú yí de dōng bàn bù wǒ zhǎo dào le wǒ men wěi dà de zǔ
在地球仪的东半部，我找到了我们伟大的祖

guó tā xiàng yì zhī yǐn háng gāo gē de xióng jī zài huáng hé zhī bīn
国。它像一只引吭高歌的雄鸡。在黄河之滨，

wǒ yòu zhǎo dào le wǒ de jiā xiāng nán tōng wǒ xīng fèn jí le
我又找到了我的家乡——南通，我兴奋极了。

xiàn zài wǒ suī rán hái bù néng qù shì jiè gè dì kàn yí kàn dàn
现在，我虽然还不能去世界各地看一看，但

shì wǒ zhàn zài zhè tái dì qiú yí biān shǒu zhǐ qīng qīng yì bō jiù kě
是，我站在这台地球仪边，手指轻轻一拨就可

yǐ fēi dào dì qiú de gè gè dì fang dì qiú yí bāng wǒ rèn shi shì
以“飞”到地球的各个地方。地球仪帮我认识世

jiè shǐ wǒ zēng zhǎng zhī shi tā shì wǒ de hǎo huǒ bàn
界，使我增长知识，它是我的好伙伴。

4. Nhận xét:

小作者通过对地球仪外形的观察，了解到地球仪可帮“我”认识世界，从而激发了对地球仪的热爱之情。

Người viết thông qua việc quan sát vẻ bề ngoài của quả địa cầu, hiểu được quả địa cầu có thể giúp nhân vật "tôi" nhận biết thế giới, từ đó khơi gợi tình cảm yêu mến đối với quả địa cầu.

5. Luyện tập:

用心观察显微镜，想想它有什么作用。学习例文的写法，试写一篇《显微镜》。

Chú ý quan sát kính hiển vi, thử nghĩ xem nó có tác dụng gì. Dựa vào cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tiêu đề "Kính hiển vi".

Bài 27

1. Gợi ý:

a, 图上画了 哪些人，他们在干什么?

Trong tranh vẽ những ai, họ đang làm gì?

b, 仔细看图，图上描写了“我”登峰远眺的情景，远处景色如画，尽收眼底。

Quan sát kỹ bức tranh, miêu tả cảnh đứng trên đỉnh cao phóng tầm mắt nhìn ra xa của nhân vật "tôi" trong bức tranh, cảnh sắc đẹp như tranh vẽ phía xa xa thu vào tầm mắt.

2. Hướng dẫn:

认真看图，明确图意，抓住“我”登峰远眺看美景来突显，“我”对望远镜的喜爱，对所看到的景象，应抓住特点，展开合理想象。

Quan sát và làm rõ ý nghĩa của bức tranh, nắm bắt việc nhân vật "tôi" đứng trên đỉnh cao phóng tầm mắt ra xa ngắm cảnh đẹp để mô tả, thái độ yêu thích đối với kính viễn vọng và đối với cảnh tượng nhìn thấy của nhân vật "tôi", cần nắm bắt đặc điểm, sau đó tưởng tượng sao cho phù hợp.

3. Bài mẫu:

wàng yuǎn jìng
望 远 镜

bà ba cóng tiān jīn huí lái tè yì wèi wǒ mǎi le yí jià é luó sī
爸爸从天津回来，特意为我买了一架俄罗斯
chǎn de jūn yòng wàng yuǎn jìng
产的军用望远镜。

wǒ gāo xìng jí le zhǔn bèi zài guó qìng jié lǚ yóu shí dài shàng tā
我高兴极了，准备在国庆节旅游时带上它，
yuè rì wǒ men quán jiā pá shàng běi gāo fēng wǒ gǎn kuài ná chū
10月1日，我们全家爬上北高峰，我赶快拿出
wàng yuǎn jìng xiàng shān xià wàng hēi kàn de zhēn qīng chu xī hú jiù zài
望远镜向山下望，嘿！看得真清楚，西湖就在
yǎn qián bái dī shang chē lái rén wǎng shí fēn rè nao hú miàn shang
眼前。白堤上车来人往，十分热闹。湖面上
fēng píng làng jìng yóu chuán lái lái wǎng wǎng zài xiàng yuǎn kàn shì yí
风平浪静，游船来来往往。再向远看，是一
zuò zuò qīng shān wǒ cóng lǜ sè zhōng kàn jiàn le yí zhuàng zhuàng bié shù
座座青山，我从绿色中看见了一幢幢别墅。
xiàng běi kàn wǒ zhǎo dào le wǒ de jiā gāo xìng de tiào le qǐ lái
向北看，我找到了我的家，高兴得跳了起来。

wǎn shang wǒ zài yáng tái shàng kàn yuè liang fā xiàn le yuè liang
晚上，我在阳台上看月亮，发现了月亮
shang de huán xíng shān yòu kàn jiàn le hǎi bú guò zhè zhǒng hǎi shì
上的环形山，又看见了“海”，不过这种海是
méi yǒu shuǐ de
没有水的。

wǒ zhēn xǐ huan zhè jià wàng yuǎn jìng wǒ yào ná tā qù kàn měi hǎo
我真喜欢这架望远镜，我要拿它去看美好
de shì jiè
的世界。

4. Nhận xét:

小作者具体介绍了望远镜的功能，点出了对望远镜的喜爱之情。

Người viết đã giới thiệu một cách cụ thể công dụng của kính viễn vọng, thể hiện được tình cảm yêu mến của người viết đối với nó.

5. Luyện tập:

仿照例文，请同学们写一篇《万花筒》。

Căn cứ vào Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tiêu đề "Kính vạn hoa".

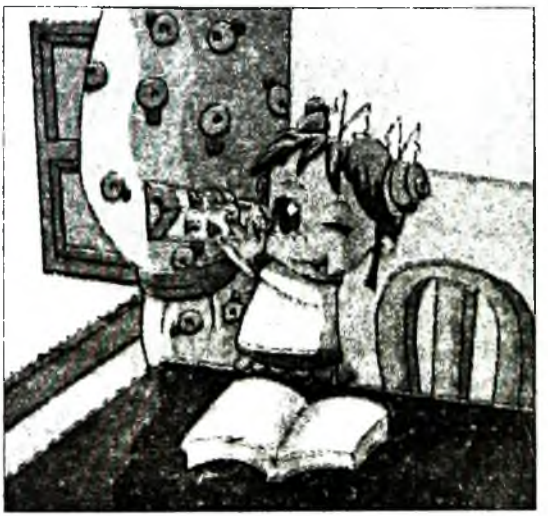

Bài 28

1. Gợi ý:

a, 图上画的是什么?

Trong tranh vẽ gì?

b, 仔细观察文具盒的外形画面及结构特点。

Quan sát kỹ vẻ bề ngoài của hộp dụng cụ và đặc điểm cấu tạo của nó.

2. Hướng dẫn:

抓住文具盒的外形及结构特点，采用拟人的手法将其介绍说明。

Nắm bắt đặc điểm ngoại hình và cấu tạo của hộp bút, chọn thủ pháp nhân hóa để giới thiệu rõ về nó.

3. Bài mẫu:

wǒ de bǐ hé

我的笔盒

wǒ yǒu yí gè cháng fāng xíng táo hóng sè de bǐ hé shàng mian yìn zhe
我有一个长方形桃红色的笔盒，上面印着
yí gè xiǎo gū niang zài tán gāng qín
一个小姑娘在弹钢琴。

wǒ de bǐ hé kě hǎo le lǐ miàn zhuāng zhe qiān bǐ xiàng pí děng
我的笔盒可好了，里面装着铅笔、橡皮等
xué xí yòng jù měi dāng xiě zì de shí hou bǐ hé lǐ de xiǎo huǒ bàn
学习用具。每当写字的时候，笔盒里的小伙伴
qiān bǐ jiù bāng zhù wǒ xiě zì zài wǒ xiě cuò zì de shí hou qiān bǐ
铅笔就帮助我写字，在我写错字的时候，铅笔
de dì di xiàng pí jiù bāng zhù wǒ cā gān jìng
的弟弟橡皮就帮助我擦干净。

měi dāng wǒ shàng kè tān wán de shí hou bǐ hé fǎng fú duì wǒ shuō
每当我上课贪玩的时候，笔盒仿佛对我说：
nǐ shì yí gè xiǎo xué shēng nǐ zěn me néng tān wán ne zuò zuò yè
“你是一个小学生，你怎么能贪玩呢？”做作业
shí wǒ xiǎng wán xiǎo dōng xi xiǎo bǐ hé hǎo xiàng duì wǒ shuō nǐ
时，我想玩小东西，小笔盒好像对我说：“你
bù néng wán xiǎo dōng xi yào yòng xīn de zuò zuò yè wǒ tīng le xiǎo
不能玩小东西，要用心地做作业。”我听了小
bǐ hé de huà jiù jì xù rèn zhēn de xiě zuò yè wǒ de xiǎo bǐ hé tiān
笔盒的话，就继续认真地写作业，我的小笔盒天
tiān péi bàn zhe wǒ shǐ wǒ de chéng jì yì tiān yì tiān de tí gāo wǒ
天陪伴着我，使我的成绩一天一天地提高，我
zhēn ài wǒ de xiǎo bǐ hé a
真爱我的小笔盒啊！

4. Nhận xét:

小作者善于运用拟人化的手法从笔盒的形状、图案、功能等来写，语言真切自然。

Người viết đã khéo léo trong việc vận dụng thủ pháp nhân hóa để tiến hành miêu tả từ hình dạng, hoa văn đến công dụng của hộp bút, ngôn từ miêu tả chân thực, tự nhiên.

5. Luyện tập:

你的笔盒又是什么样的呢?学习例文的写法，你也来写写你的笔盒。

Hộp bút của bạn có hình dạng như thế nào? Dựa vào cách viết của Bài mẫu, bạn hãy miêu tả hộp bút của mình.

Bài 29

1. Gợi ý:

认真观察电视机外形，包括颜色，构造等，看看它的每一部分的名称是什么，想一想它有哪些作用。

Quan sát kỹ vẻ bên ngoài của chiếc ti vi, bao gồm màu sắc, cấu tạo, quan sát xem tên gọi của từng bộ phận là gì, suy nghĩ xem nó có những tác dụng nào?

2. Hướng dẫn:

按黑白电视机的外形，构造，功能的顺序写。写作时，应做到有详有略，对电视机的每一部分的作用应作详细介绍。

Căn cứ vào thứ tự từ bên ngoài, cấu tạo và công dụng của chiếc ti vi đen trắng để tiến hành miêu tả. Khi miêu tả, cần chú ý miêu tả sao cho phù hợp, nên

giới thiệu một cách tỉ mỉ công dụng từng bộ phận của chiếc ti vi.

3. Bài mẫu:

wǒ jiā de diàn shì jī
我家的电视机

zǒu jìn wǒ jiā nà tái hēi bái diàn shì jī biàn chéng xiàn zài nǐ yǎn
走进我家，那台黑白电视机便呈现在你眼
qián hēi sè de hòu bèi qián shēn de bái sè tè bié yǐn rén zhù mù
前，黑色的后背，前身的白色特别引人注目。
diàn shì jī de yíng guāng píng bèi jiān yìng de lǚ kè xiāng qiàn zhe páng biān
电视机的荧光屏被坚硬的铝壳镶嵌着，旁边
dāng rán shì kāi guān tā de zuǒ bian jiù shì xuǎn tái de xià mian shì lǎ
当然是开关。它的左边就是选台的。下面是喇
ba néng fā chū hóng liàng de shēng yīn jī shēn xià mian hái yǒu liǎng zhī
叭，能发出宏亮的声音。机身下面还有两只
xiǎo tuǐ ne cháng fāng xíng de zhōng xīn hái yǒu yì gēn tiě sī rú guǒ
小腿呢，长方形的，中心还有一根铁丝，如果
fàng de dì fang bú shì hěn píng wěn tā jiù kě yǐ shēn chū lái dāng zhù
放的地方不是很平稳，它就可以伸出来当助
shǒu zhè yàng suō lái suō qù de kě zhēn xiàng wū guī de bó zi yí yàng
手，这样缩来缩去的，可真像乌龟的脖子一样。
chā tóu shì yóu xīn piàn zǔ chéng shàng mian bù mǎn sù liào yǐ miǎn chù diàn
插头是由锌片组成，上面布满塑料，以免触电。
wǒ jiā de hēi bái diàn shì jī suī rán méi yǒu bié rén jiā de cǎi diàn nà
我家的黑白电视机虽然没有别人家的彩电那
yàng háo huá dàn shì tā tóng yàng gěi wǒ men dài lái le huān lè wǒ ài
样豪华，但是它同样给我们带来了欢乐。我爱
wǒ de hēi bái huǒ bàn
我的黑白伙伴！

4. Nhận xét:

小作者用饱含深情的笔调，介绍了自家黑白电视的外形，每一个部件的作用及给自己带来的欢乐，表达了自己对“黑白伙伴”的喜爱之情。

Người viết vận dụng ngòi bút chứa đầy tình cảm sâu sắc để giới thiệu từ vẻ bên ngoài, công dụng của từng bộ phận và niềm vui mang lại cho bản thân mình của chiếc ti vi đen trắng trong nhà, thể hiện được tình cảm yêu mến của bản thân đối với "Người bạn đen trắng".

5. Luyện tập:

以《我家的洗衣机》为题，学习例文的写法，写篇作文。

Dựa vào cách viết của Bài mẫu, hãy viết một bài văn với tiêu đề "Chiếc máy giặt của nhà tôi".

Bài 30

1. Gợi ý:

a, 图上画的是什么?有哪些人，他们的手中拿的是什么?心情怎样?

Trong tranh vẽ gì? Có những ai, trong tay họ cầm cái gì? Tâm trạng của họ như thế nào?

b, 仔细观察灯笼的外形，包括灯笼的颜色, 形状，以及正面的图案。联系主人公观灯时愉快的心情来展开描述。

Quan sát kỹ vẻ bên ngoài của đèn lồng, bao gồm màu sắc, hình dạng cho đến những hoa văn trên bề mặt của nó. Liên hệ với tâm trạng vui vẻ khi ngắm đèn lồng của nhân vật chính để tiến hành miêu tả.

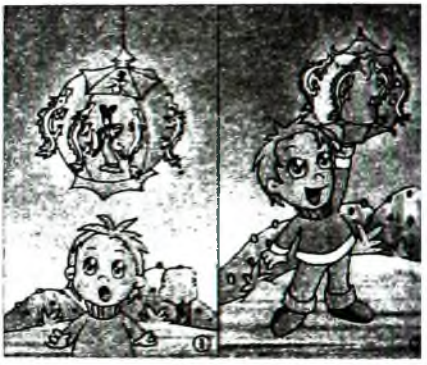

2. Hướng dẫn:

a, 元宵节那天，妈妈给“我”买了一个大灯笼。

Vào ngày tết Nguyên tiêu, mẹ mua cho nhân vật "tôi" một chiếc đèn lồng rất to.

b, 描述灯笼的外形、颜色、图案及声响、音乐，以突现灯笼的美丽。

Miêu tả vẻ bên ngoài, màu sắc, hoa văn và â thanh, âm nhạc của chiếc đèn lồng, từ đó thể hiện đư vẻ đẹp của nó.

3. Bài mẫu:

měi lì de dēng long
美丽的灯笼

qù nián yuán xiāo jié nà tiān mā ma gěi wǒ mǎi le yí gè dēng long
去年元宵节那天，妈妈给我买了一个灯笼。

zhè ge dēng long měi lì jí le tā shì liù biān xíng de yóu tiáo j
这个灯笼美丽极了！它是六边形的，由6条

lóng zǔ chéng gǔ jià kě yǐ suí shí ràng xiǎo zhǔ rén zhé dié dǎ kāi
龙组成骨架，可以随时让小主人折叠、打开

jīn lóng zuǐ shang hái guà zhe diāo kè de lǜ pái hé tóu fa shì de róng xiàn
金龙嘴上还挂着雕刻的绿牌和头发似的绒线。

dēng long zhào shì yòng bù zuò de jié bái de bù shang huà zhe g
灯笼罩是用布做的，洁白的布上，画着

dài de měi nǚ yǒu de zài shū zhuāng dǎ ban yǒu de zài tiào wǔ h
代的美女；有的在梳妆打扮，有的在跳舞，

yǒu de zài chuī cháng dí dēng long de shàng bù yě yǒu piàn huà zh
有的在吹长笛……灯笼的上部，也有6片画

gè zhǒng dòng wù de bù yǒu hú dié yǒu xiǎo niǎo hái yǒu jīn yú
各种动物的布；有蝴蝶，有小鸟，还有金鱼……

tè bié yǒu qù de shì yí àn kāi guān dēng long bù jīn néng fā chū róu h
特别有趣的是，一按开关，灯笼不仅能发出柔

de guāng xiàn hái kě yǐ bō fàng chū dòng tīng de yīn yuè dēng long zh
的光线，还可以播放出动听的音乐。灯笼

shang de dòng wù xū xū rú shēng rén wù huó líng huó xiàn hǎo xiàng y
上的动物栩栩如生，人物活灵活现，好像

cóng dēng long shang tiào xià lái wéi zhe tā piān piān qǐ wǔ
从灯笼上跳下来，围着它翩翩起舞。

4. Nhận xét:

小作者抓住了灯笼的骨架，灯罩，灯罩上部以其饰物来，突出灯笼的美丽。

Người viết đã nắm bắt được khung đèn, chụp đèn, các phần trên của chụp đèn và những vật trang trí khác trên đèn lồng để thể hiện vẻ đẹp lộng lẫy của nó.

5. Luyện tập:

学习例文的写法，试以《美丽的风筝》为题，写篇作文，要求紧扣"美丽"二字来写。

Dựa vào cách viết của Bài mẫu, thử viết một bài văn với tiêu đề "Cánh diều tươi đẹp", yêu cầu gói gọn trong hai chữ "tươi đẹp" để miêu tả.

MỤC LỤC

Lời nói đầu 5

Phần A: Tả cảnh

Bài 1 7

Bài 2 10

Bài 3 13

Bài 4 16

Bài 5 19

Bài 6 22

Bài 7 25

Bài 8 28

Bài 9 31

Bài 10 34

Bài 11 37

Bài 12 40

Bài 13 43

Bài 14 46

Bài 15 49

Bài 16 52

Bài 17 55

Bài 18 58
Bài 19 61
Bài 20 64
Bài 21 67
Bài 22 70
Bài 23 73
Bài 24 76
Bài 25 79
Bài 26 82
Bài 27 85
Bài 28 88
Bài 29 91
Bài 30 94

Phần B: Tả vật

Bài 1 97
Bài 2 100
Bài 3 103
Bài 4 106
Bài 5 109
Bài 6 112

Bài 7 115
Bài 8 118
Bài 9 121
Bài 10 124
Bài 11 127
Bài 12 130
Bài 13 133
Bài 14 136
Bài 15 139
Bài 16 142
Bài 17 145
Bài 18 148
Bài 19 151
Bài 20 154
Bài 21 157
Bài 22 160
Bài 23 163
Bài 24 166
Bài 25 169
Bài 26 172
Bài 27 175

Bài 28 178
Bài 29 181
Bài 30 184

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
A2, 261 Thuỵ Khuê, Q. Tây Hồ * ĐT: (04) 3728.1360
TT Bản thảo & bản quyền: (04) 3726.1582
Web: nxbhongduc.vn * Email: lienhe@nxbhongduc.vn

LUYỆN VIẾT - DIỄN ĐẠT TIẾNG HOA

* *

GIA LINH

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Thạc sỹ HOÀNG CHÍ DŨNG

Biên tập: THU HƯƠNG - MINH THÚY
Vẽ bìa: NS MINHLAM
Sửa bản in: BIENTAP.COM